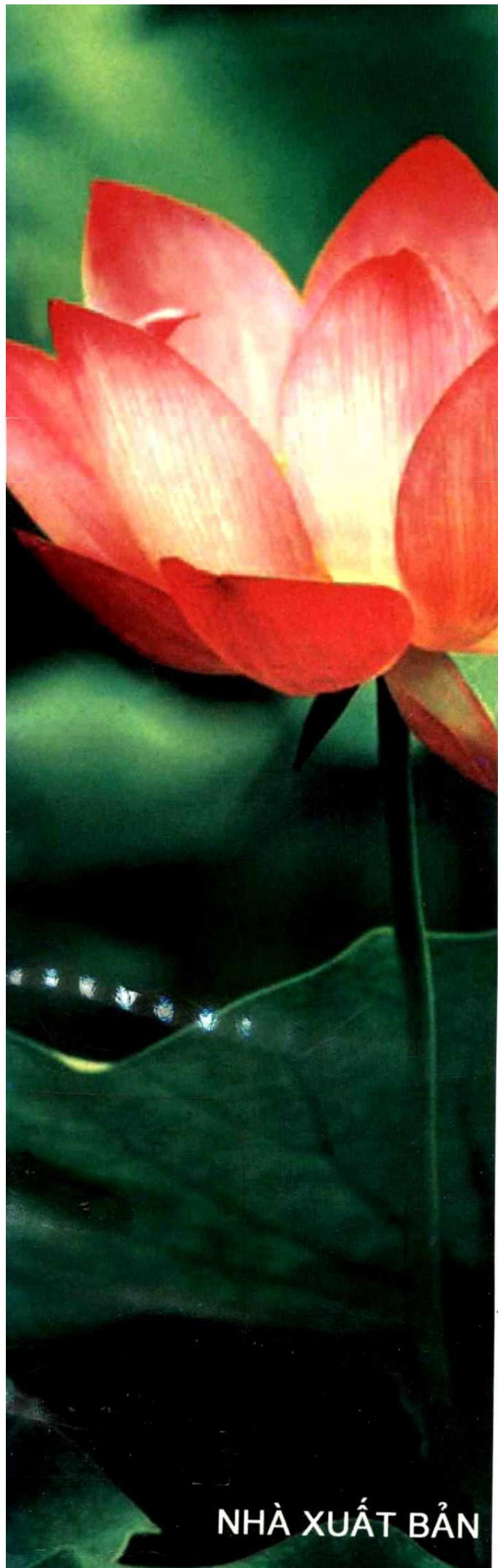




**THƠ
HỒ
CHÍ
MINH
VÀ
LỜI BÌNH**



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

NHIỀU TÁC GIẢ

THƠ HỒ CHÍ MINH
(TIỂU LUẬN, BÌNH GIẢNG VÀ PHÂN TÍCH)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
Hà Nội - 2002

LỜI NÓI ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969) - vị lãnh tụ vĩ đại, đồng thời cũng là nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam. Dấu văn thơ chỉ là một bộ phận nhỏ, chiếm một vị trí khiêm tốn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng lớn lao của Người, nhưng đó thực sự là di sản tinh thần vô giá, là những viên ngọc quý trong kho tàng văn học dân tộc. Sinh thời, chưa một lần Chủ tịch Hồ Chí Minh thừa nhận mình là nhà văn, nhà thơ và trong thực tế cũng chưa bao giờ Người có điều kiện để sáng tác như một người nghệ sĩ chuyên nghiệp, song những di sản văn chương của Người đã mặc nhiên khẳng định Hồ Chí Minh là một nhà thơ lớn. Người đến với văn thơ trong những hoàn cảnh đặc biệt và văn thơ là một bộ phận gắn liền với những hoạt động cách mạng phong phú của người. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, văn chương là tâm hồn, là tư tưởng, là hành động, đồng thời cũng là một vũ khí đấu tranh tuyên truyền. Khởi nguồn từ trong cuộc sống, cất lên từ chính cuộc sống, gắn bó chặt chẽ, thiết tha với đời sống, văn thơ Người đã thực sự trở về hòa nhập với cuộc sống, nhân dậy sức sống, sức mạnh của nó ngay chính giữa cuộc sống đấu tranh, lao động, dựng xây của đồng bào quần chúng cách mạng Việt Nam.

Sự nghiệp văn học của Người phong phú, đa dạng về nội dung, hình thức, thể loại, phong cách nhưng đều thống nhất trong một tâm hồn lớn của nhà thơ - chiến sĩ Hồ Chí Minh. Từ tập thơ "Nhật ký trong tù" (1942 - 1943) được viết giữa gông cùm, tù túng trong các nhà tù của bọn phản động Tưởng Giới Thạch ở Trung Quốc, đến những bài thơ giản

dị, ấm nóng hơi thở của đời sông kháng chiến ở Pác Bó và chiến khu Việt Bắc và những bài thơ động viên, chúc tết nhân dân mỗi một mùa xuân đến... đều thấm đượm tư tưởng, tình cảm lớn, cao đẹp, những rung động và kỷ niệm đậm thấm của Người trong suốt nửa thế kỷ đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp độc lập, tự do và hạnh phúc của cả dân tộc. Chính bởi vậy, hơn ở đâu hết, thơ Hồ Chủ tịch đã biểu hiện trực tiếp một tâm hồn lớn, một nhân cách lớn của vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam. "Sự thống nhất đến kỳ diệu giữa tuyên truyền và nghệ thuật; giữa thơ và chính trị, đấu tranh và tình thương, cao thượng và bình dị, tính dân tộc và tính Đảng, tính truyền thống và hiện đại, lãng mạn và hiện thực, giản dị và điêu luyện, nội dung và hình thức" (Hà Minh Đức) đã tạo nên một phong cách thơ độc đáo, tạo nên một chất riêng đặc sắc trong những "văn thơ thép - mà văn mệnh mông bát ngát tình" (Hoàng Trung Thông) của thơ Người.

Đi vào thế giới của thơ Hồ Chủ tịch là đi vào một thế giới tinh thần kỳ diệu, giàu sức cuốn hút. Mỗi thế hệ công chúng Việt Nam lại cảm nhận được, tìm thấy được ở thơ Người những điều kỳ diệu mới. Đọc, tìm hiểu, khám phá, nghiên cứu thơ Hồ Chủ tịch, do vậy, đã trở thành nhu cầu tự nhiên không chỉ của giới nghiên cứu, phê bình, giảng dạy văn học, mà còn của đông đảo các thế hệ công chúng Việt Nam.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

YÊU THƠ BÁC

XUÂN DIỆU

Tôi được biết, được thuộc một số bài thơ của Hồ Chủ tịch trong Kháng chiến lần trước. Mười năm ấy, tôi cũng đã được những lần vui sướng lớn lao được gặp Bác Hồ. So với hồi ký của những đồng chí lớp trước đã được gần Bác, theo Bác hoạt động cách mạng từ những thời bí mật, thì kỷ niệm của tôi mỏng mảnh không có gì ; tuy vậy, ai được gặp Bác, thấy Bác, cũng sung sướng, ai cũng muốn tỏ cái sung sướng ấy ra; ai cũng yêu ánh sáng, nhận được ánh sáng thì vui thích. Hồ Chủ tịch là người được nhân dân ta kính mến nhất, lòng kính mến vô hạn đó đã thành yêu mến vô cùng; chúng ta thương yêu Bác, năm tháng đến, ta càng thương yêu Bác Hồ như máu của máu, như hồn của hồn ta.

Tôi còn chép trân trọng trong sổ tay một bài thơ từ hồi đầu Kháng chiến của Bác. Một người bạn thân của tôi đọc lại cho, và kể hoàn cảnh của bài thơ. Vào đầu năm 1947, Hội đồng Chính phủ của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đi lên chiến khu Việt Bắc đã họp lần đầu trong một cái miếu trên đường đi giữa hai huyện miền núi. Đồng chí Hoàng Hữu Nam, lúc đó Thứ trưởng Bộ nội vụ, vừa đưa lợn rừng săn được về. Vào khoảng chín, mười giờ đêm, "Ông Cụ" đi ngựa

đến, với một đồng chí đi theo. Các vị trong Chính phủ kháng chiến đốt lửa ngay ở miếu, nướng ngô ăn. Bài thơ làm sau bữa cơm có thịt lợn rừng. Mỗi người còn được tặng ít thịt để mang về. Sau đó, thì Hội đồng Chính phủ họp.

Thơ rằng :

*Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay,
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày.
Khách đến thì mời ngô nếp nướng,
Săn về thường chén thịt rừng quay.
Non xanh nước biếc tha hồ dạo,
Rượu ngọt chè tươi mặc sức say.
Kháng chiến thành công ta trở lại,
Trăng xưa hạc cũ với xuân này.*

Theo sự hiểu riêng của tôi, lúc đầu với cuộc trường kỳ Kháng chiến, các vị nhân sĩ tiến bộ từ Thủ đô quen thuộc đi về núi rừng xa lạ, từ phần hoa đô hội về cảnh vắng, tịch mịch, từ chỗ tiện nghi đi vào nơi gian khổ, sao cho khỏi những ngỡ ngàng đầu tiên ? Hồ Chủ tịch luôn luôn có ý thức giáo dục động viên tinh vi khéo léo, gây một niềm lạc quan, như Nguyễn Trãi trước kia đã nói : "Trong dầu dãi, có phong lưu", Hồ Chủ tịch nói "rượu ngọt chè tươi" với một ý vui vẻ; "rượu ngọt" đây tôi hiểu là rượu của đồng bào miền núi nấu theo lối tự nhiên, "chè tươi" tôi hiểu là nước lá chè xanh rất là quê kiểng, một châu ngô nướng chung quanh một đồng lửa đã là một bữa tiệc ; còn đi săn về được, cũng chưa phải đã là việc xảy đến luôn luôn, nhưng Bác để một bữa cơm thân ái và có "chất tươi" đầu tiên của Hội đồng Chính phủ kháng chiến lên thành một niềm vui quý báu. Bài thơ Bác làm có tính cách nội bộ, chúng ta càng cảm động, và sung sướng

được chia sẻ trở lại cái lạc quan cách mạng trong thơ lúc đầu Kháng chiến lên Việt Bắc, trước đây hai mươi năm.

Tại sao lại có câu thơ cuối bài :

*Kháng chiến thành công ta trở lại,
Trăng xưa hạc cũ với xuân này ?*

Tôi liên hệ nhớ lại thời gian sau Cách mạng tháng Tám, những đảng phái phản động trong nước, bám gót quân đội Tưởng Giới Thạch, đòi chia ghế Quốc hội, chia ghế Chính phủ, thay đổi quốc kỳ, nhưng chúng lại lu loa rằng Hồ Chủ tịch tham quyền cố vị. Thủ tướng Phạm Văn Đồng, viết quyển *Hồ Chủ tịch hình ảnh dân tộc*, có nhớ lại lúc ấy và nói : một người như Hồ Chủ tịch mà phải thanh minh rằng mình không tham quyền cố vị, đó là một trang tủ nhục trong lịch sử Việt Nam. Tôi nhớ lại trên Báo Cứu quốc thời ấy, có đăng những lời của Hồ Chủ tịch, đại ý Bác nói trước quốc dân: Bác chỉ có một ham muốn là nước nhà độc lập, đồng bào ấm no, còn thú thích riêng của Bác thì chỉ muốn một gian nhà cỏ, cuộc vườn, câu cá... - Hai câu thơ trên đây nói cái sở thích hồn nhiên của Bác, độc lập hoàn thành, nhân dân hạnh phúc, thì Bác trở lại Việt-Bắc vui thú lâm tuyền, bạn với vùng trăng, chim hạc, và mùa xuân.

Những nhà bình thơ và bạn yêu thơ thường nhắc đến hai câu thơ (nguyên làm bằng chữ Hán) "*Xem thư chim núi gù bên cửa - Phê trát hoa xuân chiếu xuống nghiên*" đây một khi vị rất hay của thơ cổ điển. Thời đầu Kháng chiến, tôi còn được đọc hai đoạn thơ của Bác, mà đây là bốn câu đầu:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.*

*Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà...*

Cái "ngôn ngoại" của thơ, cái không nói ra hết được của cảnh: những đêm trăng ở rừng Việt-Bắc quả có như thế thật, núi rừng, thung lũng yên lặng lại sáng vắng vặc, rừng và cây cối xanh khắp nơi pha với ánh trăng xanh, tiếng suối vốn trong lại càng trong thêm, róc rách; hai câu thơ đầu thật là của một thi sĩ. Đoạn sau, Bác nói nước nhà đang trăm việc, mỗi người đều nên chung lo, chung gắng đến thành công.

Trưa hôm 19 tháng năm 1950, tôi được nhận một giấy mời đến dự sinh nhật Hồ Chủ tịch sáu mươi tuổi. Tôi đi hai chục cây số xe đạp, rồi gửi xe, băng vào rừng. Cái giấy đến chậm, thành ra lúc đó tôi phải đi phăng phăng tranh với bóng chiều; đã mười sáu năm rồi, mà tôi vẫn còn nhớ cái vui sướng của tôi một mình đi giữa và dưới cây rừng thấp thoáng nhá nhem, hai tay tôi chèo rộng để lấy đà như đôi cánh. Đường mòn mờ dần như lênh bênh nổi lên, tôi qua dưới những vòm cây dâu da tôi mịt và trái từng chùm, tôi qua bãi cỏ rậm, đã tối hẳn rồi ! Chợt nghe tiếng gì văng vẳng như máy nổ, tôi đi nữa, và bỗng nhiên đứng trước một vùng ánh đèn điện ! Cái tương phản giữa bóng chạng vạng trong rừng mờ mẫm với đêm 19 tháng năm trong Kháng chiến sáng rực ấy, tôi không bao giờ quên.

Tôi nhớ mãi buổi mừng thọ Bác Hồ sáu mươi tuổi, trong gian phòng tre nửa vui mừng. Các đồng chí Trung ương, các Bộ trưởng, Thứ trưởng, các vị Thường trực Quốc hội, nhiều đồng chí nữa, thật là một gia đình kháng chiến ; ở giữa là Bác Hồ. Linh mục Phạm Bá Trục trong Ban thường trực Quốc hội lúc đó có đứng lên đọc một lời chúc Bác bằng tiếng la-tinh.

Giữa những nét mặt tươi tắn vui vầy. Hồ Chủ tịch giọng nói bình thường mà lúc nào cũng ấm như tiếng chuông : "Tôi có mấy câu thơ cũng chỉ là khoai khoai sắn sắn xin đọc ra đây". Và Bác Hồ đọc rất giản dị :

*Sáu mươi tuổi hầy còn xuân chán,
So với ông Bành vẫn thiếu niên.
Ăn khoẻ, ngủ ngon, làm việc khoẻ,
Trần mà như thế kém gì tiên !*

Đúng là tính chất của Bác Hồ chứ không ai khác. Trí tuệ Hồ Chủ tịch luôn luôn động, như lửa nổ tí tách, Bác không thích những nghi thức cứng đờ câu thúc, luôn luôn Bác muốn tự nhiên, thoải mái, xuất phát từ tình cảm chân thật (Đồng chí Phạm Văn Đồng nói : "Hồ Chủ tịch là người lão thực", nghĩa là người rất mực chân thực) ; trong khi mọi người ngưỡng về Bác chúc thọ, thì Bác vui vẻ tự so tuổi mình với tuổi ông Bành tổ (sống 800 năm, theo truyền thuyết) và thấy như vậy thì mình cũng chỉ như mới bước vào đời ; "sương như tiên", đối với Bác, là "ăn khoẻ, ngủ ngon, làm việc khoẻ", là có sức khoẻ để mà hết sức làm việc, cái vui sướng lớn nhất của người cộng sản là đấu tranh, làm việc !

Ngày 19 tháng năm 1953 đến giữa núi rừng Việt-Bắc, trong lúc lớp chinh huân của bốn trăm cán bộ chúng tôi bước vào kết thúc thắng lợi.

*...Hồn như nở lại dưới trời Chí Minh;
Ngày sinh nhật Bác quang vinh
Là ngày sinh nhật hồn xanh muôn người.*

Ngày sinh ra Bác Hồ ở trên đời cũng là ngày sinh ra một trong những cái đòn xeo, đòn bẩy mạnh nhất của thời đại

chúng ta, một đòn bẩy phá tan cuộc sống cũ tồi tăm, kích dựng một xã hội mới rực ánh sáng; cứ đến ngày sinh nhật ấy, mỗi người chúng ta, nghĩ đến Bác Hồ, lại thấy trong mình nẩy nở ra một tâm hồn mới, đẹp đẽ, tốt lành. - Năm ấy, tôi được đọc bài thơ của Bác (làm bằng chữ nho) :

*Nhân vị ngũ tuần thường thán lão,
Ngã kim thất cửu chính khang cường.
Tự cung thanh đạm tinh thần sáng,
Tổ sự thung dung nhật nguyệt trường.*

Tạm dịch :

*Người chưa năm chục đã than già,
Ta thật khang cường tuổi sáu ba.
Giản dị bữa ăn, tâm trí sáng,
Ung dung xét việc tháng ngày xa.*

Tránh sao được xã hội cũ còn lại trong chúng ta một tâm trạng cũ, kháng chiến rất mực gian khổ, càng gần thắng lợi lại càng gay go, chưa năm mươi tuổi, thường tình đã có người tự cho mình là già rồi. Hồ Chủ tịch nói rất đúng vào cái tâm trạng ấy. Cũng như bài thơ trước, bài này cũng lại có cái nụ cười đùa vui của Hồ Chủ tịch : Tôi nay 7 x 9 (tức 63) chính là lúc khoẻ mạnh hơn bao giờ hết. Mấy chữ *nhật nguyệt trường* trong câu bốn không thể dịch hết được : vừa có nghĩa là "ngày tháng dài", vừa có nghĩa là lâu dài với mặt trời mặt trăng.

*

* *

Nói về thơ Bác, tức là nói về tâm hồn, trí tuệ của Bác. Tập thơ *Nhật ký trong tù* đứng vô song trong văn học nước

ta, vì nó là những tiếng tâm hồn của Hồ Chủ tịch. Trên trường thơ thế giới, nó cũng gây những sóng dội vang đặc biệt ; nhà xuất bản Pháp Pi-e Xơ-ghe (Pierre Seghers) đã gửi đến một bức thư "Kính thưa Chủ tịch và thưa Nhà thơ thân mến" xin phép Bác được in tập thơ ấy ra tiếng Pháp (bản dịch của Phan Nhuận), nói : Tôi đã có cái duyên được đọc *Nhật ký trong tù* dịch ra tiếng Pháp, những bài thơ ấy đã xáo trộn cả tâm hồn tôi.

Thơ *Nhật ký trong tù* theo ý tôi, rất dễ và rất khó. Dễ là dễ hiểu, giản dị, gần gũi với mọi người, các bài đều có cơ sở đầu tiên ở thực tế, dễ thông cảm. Nhưng nếu chưa nâng tâm trí mình lên đúng mức, thì chưa thấy hết cái tinh túy ở bên trong thơ, cho nên nói là rất khó. Nếu ai đọc cứ quen tìm theo những thị hiếu thông thường, thích lời thơ phải hoa mỹ như cô gái đeo nhiều nữ trang, thích vị thơ phải chua, cay, ngọt, béo đập mạnh vào lưỡi, thì người ấy sẽ thấy thơ này bình thường quá. Phải ở trong cái không khi cao, sáng của trí tuệ này, phải nổi lên mạch, với trái tim rất nhân đạo này thì mới nhận được hết cái chất thơ quý này. Người xưa nói : "đối diện đàm tâm", nghĩa là mặt nhìn nhau, miệng không nói, mà hai tâm hồn trò chuyện, như vậy là tinh vi lắm, là cái thứ im lặng rất cao, rất sâu, đàm tâm với nhau được thì thâm thía không bờ ; lại nói : "đạm nhược thủy", nghĩa là thanh đạm như nước, tức là cái vị nước ngọt không pha trà, không hoà đường, nước lành nguyên chất uống mát đến tận ruột gan ! Đọc *Nhật ký trong tù* cũng phải tế nhị như vậy. Cái hay vô song của tập thơ là chất người cộng sản Hồ Chí Minh, được đào tạo trong lò hun đúc của Lê-nin, và vẫn mang cái tinh anh của Nguyễn Trãi, Văn Thiên Tường...

Đó là chất người, như Nguyễn Trãi đã nói, "mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen", bỏ vào lửa không cháy ! Đó là sự trung trinh của bao nhiêu anh hùng liệt sĩ của nước ta kết tinh trong một người ; có như thế mới có cái chất thơ của *Nhật ký trong tù*. Một mặt nữa, người cộng sản Việt-Nam Hồ Chí Minh lại thu hút được cái tinh hoa của tinh tình quần chúng bao đời nay : lạc quan, vui vẻ, trào lộng, linh hoạt. Càng đọc đi đọc lại, càng thấy chùm thơ này là một chuỗi ngọc, một tràng hoa duy nhất, liền dính, và các mặt bổ sung nhau, càng đọc càng yêu và quý.

Trước tiên, dừng về *Nhật ký* mà nói, đây là ngòi bút của một phóng viên, ghi nhanh lại sắc, đức tính của ngòi bút nhà báo Nguyễn Ái Quốc ngay từ khi Bác còn trẻ. Cái nét dù là nhỏ nhất của đời tù cũng không lọt được qua mắt tác giả, từ giờ giấc trong một ngày :

*Sớm dậy người người đua bắt rận,
Tam giờ cơm sáng kèng vang rồi...*

*Hai giờ ngục mở thông hơi
Tù nhân ngẩng mặt ngắm trời tự do...*

*Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm, Vang
tiếng đàn ca, rộn tiếng ngâm...*

đến bữa cơm tù :

*Lót lòng mỗi bữa lưng cơm đỏ
Không muối, không canh, cũng chẳng cà ;*

đến cảnh đun nấu mỗi người tù tìm cách tự "cải thiện":

*Hoả lò ai cũng có riêng rồi
Nhỏ nhỏ to to mấy chiếc nồi ;*

*Cơm nước rau canh đun với nẫu
Suốt ngày khói lửa mãi không thôi.*

từ những lệ tục hủ lậu :

*Lệ thường tù mới đến
Phải nằm cạnh cầu tiêu*

đến những thói ăn người trắng trợn :

*Hút thuốc nơi này cầm gắt gao
Thuốc anh nó⁽¹⁾ tịch bỏ vào bao.*

đến những giá cắt cổ trong tù :

*Thối một nồi cơm trả sáu hào
Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao.*

Những nét ấy, nếu gặp một người có cái phương pháp suy nghĩ chỉ thiên về "vĩ đại", "cao siêu" thì sẽ bỏ đi hết. Thì làm gì có *Nhật ký trong tù* ! Mà mất tinh chất cụ thể nhật ký trong tù, thì chùm thơ cũng mất cái đặc tính của nó, cái hương vị của nó, sẽ thành ra một chùm thơ khác.

Nhiều chỗ dùng bút pháp phóng viên, nhưng tâm tri tác giả thì luôn luôn xúc cảm. Thường xúc cảm lại che dấu sau một nụ cười :

*Ngồi lâu chân đã mềm như bún
Nay thử ra đi muốn ngã nhào.
Phút chốc đã nghe ban trưởng gọi :
"Thôi, thôi ! Lập tức phải quay vào !"*

nụ cười trào phúng mà đau đớn ; ta thử tưởng tượng một

(1) Nó : Linh ngục.

con người dùng đến chân, thì hai chân đã tê như bị mất, cả người nhào đi, tại sao một con người phải như vậy ?

Nụ cười đắng cay, khi nói đến "Cái cùm" :

*Dữ tựa hung thần miệng chực nhai,
Đêm đêm há hốc nuốt chân người,*

thế mà người ta tranh nhau để được cùm trước, việc đời thật là kỳ lạ !

*Được cùm chân mới yên bề ngủ,
Không được cùm chân biết ngủ đâu !*

Những khi dùng lời nói tự nhiên, vẫn có một sự trào lộng rất kín đáo, trào lộng bởi vì có sự tương phản oái oăm nằm trong sự việc, (chứ thực chất đây là trữ tình) :

*Năm mươi ba cây số một ngày
Áo mưa dầm mưa, rách hết giày ;
Lại khô thâu đêm không chỗ ngủ,
Ngồi trên hồ xi đợi ngày mai.*

Và với một số bài thơ *Nhật ký trong tù*, chúng ta không khỏi nhớ đến cái nụ cười gằn tố cáo, đả kích ghê gớm của Nguyễn Ái Quốc trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Bài *Cờ bạc* mở đầu trình bày sự việc rất điềm tĩnh :

*Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội
Trong tù đánh bạc được công khai ;*

đột nhiên ngồi bút quật lại rất nhanh, đánh kẻ địch ngã lăn ra, mà vẫn cứ mát mẻ, ngọt như một lưỡi kiếm sắc :

*Bị tù con bạc ăn năn mãi :
Sao trước không vô quách chôn này !?*

Căm tức không chịu được nữa. Hồ Chủ tịch đã hai lần tỏ tức giận cao độ. Bác bị giải đi bốn chục ngày rất khổ sở, nhưng khổ thậm vô ích : Liễu-châu, Quế-lâm, rồi lại trở về Liễu-châu. Chúng coi Bác có khác gì như quả bóng đá qua đá lại. Bác hỏi gặng chúng nó :

*Quảng tây đi khắp, lòng oan ức
Giải tới bao giờ, giải tới đâu ?*

Lần thứ hai, Bác bị giải khắp mười ba huyện tỉnh Quảng-tây, phải ở qua mười tám nhà lao, rồi đến "Phòng chính trị khu IV" ; Bác quắc mắt dồn chúng nó đến tận chân tường :

*Phạm tội gì đây ? Ta thử hỏi,
Tôi trung với nước, với dân à ?*

Trào phúng, đó là áo mặc ; trữ tình, đó là thực chất. Khi người bạn tù của Hồ Chủ tịch đắp một cái chăn bằng giấy, *Nhật ký* có hai câu thơ trần trụi mà xót xa :

*Sách xưa sách cũ bồi thêm ấm,
Chăn giấy còn hơn chẳng có chăn.*

Một vài câu thơ giản dị như thế, mà sâu thăm thăm một lòng nhân đạo, rất mực yêu thương trân trọng con người ; đó là cái chất lớn của thơ *Nhật ký trong tù*. Một người tù cờ bạc vừa chết bên cạnh Bác :

*Thân anh da bọc lấy xương
Khổ đau, đói rét, hết phương sống rồi.
Đêm qua còn ngủ bên tôi,
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng.*

Người chiến sĩ đấu tranh giai cấp quyết liệt với kẻ thù cũng là người rất mực nhân tình ; Hồ Chủ tịch lúc "Nửa

đêm" còn thức nhìn những người tù ngủ quanh mình ; Người vẫn nhìn thấy được "nhất điểm linh đài" ở trong tâm hồn những người mắc tội, nếu họ không phải là giai cấp áp bức bóc lột :

*Ngủ thì ai cũng như lương thiện
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền ;
Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,
Phần nhiều do giáo dục mà nên.*

Bọn tù có của hoặc có thế lực thì vẫn ung dung no rượu thịt, còn :

Tù nghèo nước mắt bọt mồm tuôn ;

em bé mới nửa tuổi đã phải theo mẹ vào ở tù (vì người chồng trốn bắt lính) ; vợ một người bạn tù đến thăm chồng, kẻ trong người ngoài cửa sắt ; anh tù mong muốn được tự do

Liều mạng dăm nhào nháy xuống xe,

chúng ta thấy người bạn tù, người ở tù là một đề tài nhân loại đối với Hồ Chủ tịch ; tập thơ Bác ấm áp tình thương; Hồ Chủ tịch nói thay cho họ nỗi uẩn khúc của tâm hồn :

*Thanh minh lát phát mưa phùn,
Tù nhân nghe thấm nỗi buồn xót xa.*

cảm động nhất là khi những người bị giam cùm ấy tìm nguồn vui trong nghệ thuật; người bạn tù thổi sáo:

*Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu ;*

và cơm chiều xong, mọi người tù ngheu ngao đàn địch, hát ca, ngâm vịnh:

*Nhà ngục Tĩnh-tây mờ mịt tối
Bỗng thành nhạc quán viện hàn lâm.*

Như ta đã thấy, cái mà làm "xáo trộn mọi tâm hồn" người đọc - như lời nhà xuất bản Pháp nọ nói - đó là *tình người* ở trong nhà cách mạng, nhà tư tưởng, nhà chiến lược chiến thuật Hồ Chí Minh. "Bời chùng hay ghét cũng là hay thương", tình người có sâu vô cùng, thì mới có sức, có chí lớn làm cách mạng.

Hồ Chủ tịch có những vần thơ nhanh, rộng, cứng, đúng là "nay ở trong thơ nên có thép", như trong bài *Học đánh cờ*:

*...Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài...
Phải nhìn cho rộng suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công*

Bác rất bình tĩnh ung dung. Như khi đi Nam-ninh, tự đùa mình :

*Hôm nay xiềng sắt thay dây trời
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung*

Cái ung dung ấy lên đến mức thần thánh, như khi Bác bị áp giải xuống thuyền, chân của Bác bị treo lủng lẳng như người bị xử tội thắt cổ, thế mà trong tư thế ấy, Hồ Chủ tịch của chúng ta vẫn cứ nhìn cảnh đẹp bên sông, vẫn ngắm được chiếc thuyền câu thanh thoát nhẹ nhàng !

*Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung-ninh
Lủng lẳng chân treo tựa giáo hình.
Làng xóm ven sông đông đúc thế.
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.*

Cái ung dung ấy một mặt nói hết cái ác liệt của mùa đông

xứ lạnh trong hai câu thơ cổ điển cô đúc rất hay :

*Gió sắc lựa gươm mài đá núi
Rét như dùi nhọn chích cành cây.*

mặt khác lại đưa lên hai câu thơ

*Chùa xa chuông giục người nhanh bước
Trẻ dắt trâu về, tiếng sáo bay*

rất là thanh thoát; thanh thoát tiếng chuông ngân, tiếng sáo thổi, và có chân người bước, có tay trẻ em dắt trâu, làm cho rét đậm, gió chém cũng không phải là đáng ghê sợ một chiều.

Tuy nhiên trong *Nhật ký trong tù*, điều hơn hết làm cho tập thơ lớn lao mà thâm thía, "lay động mọi tâm hồn", đó là hình ảnh Hồ Chủ tịch. Người mà tất cả chúng ta sẵn sàng đổ máu của mình để bảo vệ, người yêu thương nhất của chúng ta, người mà ta muốn chăm nom từng giờ từng phút cho mỗi giấc ngủ, mỗi bữa ăn, người mà tinh mạng và sức khỏe đôi với chúng ta còn nặng hơn nghìn núi, lớn hơn trăm sông, vị lãnh tụ như con người của mắt chúng ta, Người ấy đã phải chịu những đoạ đầy xúc phạm không thể dung tha được. Người đã bị giải tới giải lui lao này sang tù khác, 80 ngày, ở ba mươi nhà tù ; là tù của bọn Tưởng Giới Thạch, Hồ Chủ tịch bị xử trị y như thế, như bất cứ một tù nhân nào khác, Bác "đêm thu không đệm cũng không chăn - gối quắp lưng còn ngủ chẳng an" ; Bác "còn tối như bưng đã phải đi - đường đi khúc khuỷu lại gồ ghề", Bác trượt chân, xuyết sa vào hố ; Bác "năm mươi ba cây số một ngày - áo mũ dầm mưa rách hết giày" ; Bác "ta thì người dốt, lợn : người khiêng", "để cho người dắt tựa trâu bò" ! Bác cũng phải "cháo tù lưng bát thấm vào đầu - bụng đói luôn luôn cứ réo gào" ; Bác

phải sống với "rệp bò lổm ngổm như xe cóc - muỗi lượn nghênh ngang tựa máy bay", Bác bị "thừa cơ rét, rệp xông vào đánh". Bác có một chiếc gậy cũng bị linh ngục đánh cắp mất, Bác rụng một cái răng, làm thơ từ già bạn gậy, làm thơ từ biệt bạn răng ! Bốn tháng đầu qua, Bác sơ kết :

*Sống khác loài người vừa bốn tháng,
Tiều tụy còn hơn mười năm trời !*

Bác tự nói với mình : Bốn tháng cơm không no - bốn tháng đêm thiếu ngủ - bốn tháng áo không thay - bốn tháng không giặt giũ. Và Bác tự nhận thấy

*Răng rụng mất một chiếc
Tóc bạc thêm mấy phần
Gậy đen như quỷ đói
Ghẻ lở mọc đầy thân.*

Tinh thần Bác vẫn không lay chuyển ; nhưng đối với chúng ta, xem lại *Nhật ký* của Bác, yêu thương Bác vô tận vô cùng. Bác tỉnh từng ngày trong lao lung; khi lên xe lửa đi Lai-tân, Bác kiểm lại "mấy chục ngày qua toàn cuộc bộ" ; hôm mồng chín lại bị giải đến Liễu-châu, Bác đã "ngoảnh lại hơn trăm ngày ác mộng"; sau bốn tháng, lại đến tám tháng :

Tám tháng hao mòn với xích gông

Mùa thu đến, Bác nhớ năm ngoái còn tự do, thu năm nay đến ở trong tù ; mười hai tháng đã đủ một chu kỳ, thơ Bác xót xa đến nỗi như mài thổi mực bằng nước mắt mà viết nên câu :

*...Nghìn dặm băng khuâng hồn nước cũ
Muôn tư vương vấn mộng sầu nay.*

*Ở tù năm trọn thân vô tội
Hoà lệ thành thơ tả nỗi này.*

Bi tráng nhất là khi Bác ốm nặng, còn tự bắt mạch lấy bệnh mình : tôi ốm đây là vì thời tiết nước ngoài đổi thay không hợp, đó là ngoại cảm, còn nội thương trong tim gan tì phổi, thì bởi ở Tổ quốc tôi dân Việt đang chịu lầm than:

*Trong tù mắc bệnh càng đau khổ
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn !*

Và người tù Hồ Chí Minh đáng quý mến biết bao! Bác hay chữ, nên viết hộ báo cáo cho các bạn "cùng hội cùng thuyền" trong tù với mình, cũng dùng đủ các chữ "chiếu theo", "thừa lệnh" theo đúng cung cách giấy tờ việc quan dưới chế độ Quốc dân đảng, và :

Đã được bao lời bạn cảm ơn

câu thơ rất mực thanh đạm, nhưng rất là cảm động! Bác của ta cũng bình đẳng, đồng đẳng với mọi người trong tù; Bác cũng có những cái vui thiết thực thương tình với họ, như khi máy bay địch tới, mọi người chạy xuống hào, tù cũng được mở cửa cho ra lánh nạn. Bác "*được ra ngoài ngục, khoái làm sao !*". Đến phong trần cũng phong trần thế thôi, Bác cũng bị ghẻ như ai, cũng ngứa như ai, và cũng hay gãi như ai, duy có khác là Bác làm nên những câu thơ thật ý vị, không biết đó là vui hay buồn bên sau cái nụ cười rất sâu sắc, thật là những câu thơ đặc biệt vừa có màu sắc lại có âm thanh :

*Dây mình đỏ tím như hoa gấm,
Sột soạt luôn tay tựa gảy đàn*

*Mặc gấm bạn tù đều khách quý,
Gảy đàn, trong ngục thấy tri âm.*

Nụ cười trào lộng của bài *Chia nước* khá là điển hình trong tập thơ, thật là nhẹ nhàng, có thể nói là tươi mát nữa ; nhưng trong thực chất, nó đau đớn; nếu nghĩ sâu hơn nữa, nó căm giận :

*Mỗi người nửa chậu nước nhà pha,
Rửa mặt, pha trà tự ý ta.
Muốn để pha trà, đừng rửa mặt,
Muốn đem rửa mặt, chớ pha trà.*

Tất cả những cực nhục ấy, dù mượn nụ cười, dù thành thơ hay, ta vẫn không thể nguôi được rằng bản thân Hồ Chủ tịch đã phải bị đầy đoạ, và ta xót xa vô cùng khi thấy Bác ghi lại trong thơ.

*

* *

Nhật ký trong tù càng đọc càng mến yêu. Tâm trí đã ở trong cái không khí thơ Hồ Chủ tịch, tâm hồn đã thở được cái hương đạo đức của Bác, linh hội được cái chất người cộng sản của Bác, thì sẽ không phải là đọc từ thơ, rồi tìm thấy Bác, mà sẽ tới được gần Bác và thấy từ Bác mà toả ra thơ. Lúc đó mỗi lời sẽ thấm thía vô hạn, vì lời nào cũng mang tính chất tâm hồn của Bác. Khi đó những lời thơ thanh đạm nhất cũng phảng phất thơm như hương lúa đồng quê:

*Ngây đi, bạn tiến đến bên sông,
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng ;
Nay gặt đã xong, cày đã khắp,
Quê người tôi vẫn chốn lao lung.*

Nhật ký trong tù có những câu rất hồn thơ. Trăng trung thu tròn vành vạnh *Sáng khắp nhân gian bạc một màu*, mà Bác thì trong nhà ngục *Lòng theo vời vời mảnh trăng thu*. - Bác nói thân tù chẳng thiết gì thu tới hay thu chưa, nhưng Bác vẫn lắng nghe *Dế kêu khoan nhất đón mừng thu*. Đêm thu nằm không đệm không chăn, Bác lạnh quá không ngủ được. *Khóm chuối trăng soi càng thấy lạnh*. - Sao Bác đầu nhìn qua song cửa ngục, khi thì đã nằm ngang trời gần sáng, khi thì ngang đỉnh núi lúc mười giờ đêm.

Có những câu thơ nhiều lần trước lướt qua, lần này đã thấy rồi, thì ấn tượng không rời trí tôi nữa. Như:

*Cành lá khéo in hình Dục Đức,
Vàng hồng sáng mãi dạ Quan Công.*

rõ là thơ của một người ngồi trong buồng tù ban đêm trông ra, mới tỉ mỉ nhìn từng nhánh lá, mới có thì giờ và cần giải trí, thấy lá giống hình Trương Phi ; cũng người ấy đón mặt trời buổi sáng dội vào buồng tù ; sự liên hệ đến Dục Đức và Quan Công đưa đến một khi vị cổ kính ngân nga, đồng thời nói lòng mình trung thực.

Tập thơ *Nhật ký trong tù* chủ yếu dùng cái bút pháp tự nhiên, hồn nhiên, như là rất dễ viết ra. Kỳ thực, cái đơn giản tự nhiên này là kết quả của một sự nắm rất vững ngôn ngữ, hiểu rất sâu chất thơ, hiểu cách tác động thâm thúy nhất vào tâm hồn người : tác động bằng sự chân thật. Có những câu có thể coi là quá giản dị, nhưng tại sao tôi đọc đi đọc lại, vẫn cứ thấy một cái gì trong đó mà mình rút chưa hết; ví dụ như "Cảnh chiều tối", hoa hồng bên ngoài nở rồi lại rụng :

*Hương hoa bay thấu vào trong ngục,
Kế với tù nhân nổi bất bình.*

Tôi rất quý báu những câu không phải là gợi cảnh nữa, mà như Nguyễn Trãi xưa kia viết : *Đầy song hoa nở tiếng chim kêu*, hoặc là : *Xuân đến tự nhiên mọi vật tươi*, những câu thơ gợi cái khí sống trong trời đất ; ở đây người mới nhất, người cộng sản, không cắt đứt với những ý thơ, ý sống trong văn hoá ngàn xưa ; cái mà người xưa gọi là "khí hạo nhiên", cái mà Văn Thiên Tường nói "một vắng chính khí trong trời đất", điều mà quần chúng muôn thuở vẫn tin sắt đá, cái quan niệm và tư tưởng ánh sáng thắng bóng tối, chính thắng tà, Hồ Chủ tịch cũng như vậy: *sự vật vẫn xoay đà định sẵn : hết mưa là nắng hửng lên thôi ; nắng sớm mọc lên, cả nhà ngục cũng bừng sáng:*

*Tràn đầy sinh khí trong trời đất,
Tất cả tù nhân mặt nở tươi ;*

mùa đông vừa mới hô tàn mà mùa xuân đã tới nhanh lắm:

*Đất trời một thoáng thu màn ước,
Sông núi muôn trùng trải gấm phơi ;*

những của cải tự nhiên của trời đất, như "chim ca rộng núi, hương bay ngát rừng", Hồ Chủ tịch không thiếu thốn bao giờ.

Chúng ta biết rằng khi Hồ Chủ tịch ra khỏi nhà tù Quốc dân đảng, thì Bác rất yếu ; mắt Bác kém, Bác phải tập nhìn vào bóng đèn ; hai chân Bác run, Bác tập leo núi ; tay Bác yếu, Bác để ở trên bàn hòn đá cuội, thường bóp đá để luyện tay. Bài thơ ở ngoài tập *Nhật ký trong tù* phong thái bình tĩnh, cao rộng, tâm trí Bác như mặt gương sáng :

*Núi áp ôm mây, mây áp núi,
Lòng sông gương sáng bụi không mờ,
Bồi hồi dạo bước Tây phong lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.*

Tôi nhắc lại bài thơ ngoài tù này, chú ý lại là để nói tới một bài thơ mở đầu tập *Trong tù* :

VÀO NHÀ LAO HUYỆN TỈNH-TÂY

*Trong lao tù cũ đón tù mới
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa ;
Mây mưa, mây tạnh bay đi hết,
Còn lại trong tù khách tự do.*

Thật là "lòng sông gương sáng bụi không mờ", thật là ung dung lớn lao, không ai giam được người này. Tôi tự lấy làm lý thú mà liên hệ với một bài thơ cổ:

ĐỘC TOẠ KÍNH ĐÌNH SƠN

*Chúng điều cao phi tận
Cô vân độc khứ nhân.
Tương khan lương bất yếm
Duy hữu Kính-đình san.*

Khi đang còn nhỏ tuổi, tôi thuộc bài thơ trên đây của Lý Bạch (701 - 762) nhưng chưa hiểu được tại sao người ta lại truyền tụng nó :

*Bầy chim một loạt bay cao,
Lưng trời thơ thẩn đám mây một mình.
Trông nhau như vẻ hữu tình,
Hoa chẳng có núi Kính-đình với ta.*

Di nhiên đây là một bài thơ trong hệ tư tưởng văn học cũ: độc toạ, ngồi một mình, có sự tự cao tự đại: "chim" cả bấy đi tìm vinh hoa phú quý làm quan to, "mây" chẳng cần bận ba gì sất ! ta cũng là một quả núi cao, Kinh-đỉnh-sơn nhìn ta ; bài thơ của *Nhật ký trong tù* thì ở trong hệ thống văn học cách mạng : vì nhân dân mà phải tù đầy. Tuy nhiên cái phần mà ta có thể suy luận : là một bài thơ Lý Bạch hai mươi chữ, lựa thừa bốn câu mấy nét, mà sao vượt được hơn một nghìn hai trăm năm để đến với ta ngày nay ; kể ra bài thơ cũng khá đơn giản, hai câu trên còn đối, chữ hai câu dưới là một câu nói ngắn tự nhiên. Như thế là trong bài thơ, có một chất gì đó mà mọi người cảm thấy trong mười hai thế kỷ ; cho hay những bài thơ ưu việt có cái chất ngoài lời, có cái chất "như-là-chẳng-có-gì" mà có-rất-nhiều, thật là kỳ lạ !

*Mây mưa, mây tạnh bay đi hết,
Còn lại trong tù khách tự do.*

Hai câu thơ *Nhật ký trong tù* có cái chất ấy như bài *Độc toạ Kinh-đỉnh-sơn* vậy, cũng nói theo lối ấy, cũng ung dung, mây mấy thứ cũng bay đi hết, duy còn lại người tự do ở trong tù ! Cái khí vị của bài thơ thật là kỳ thú; có lẽ trong tù chúng nó đã giam nhăm núi Kinh-đỉnh-sơn hay núi Tản-viên ! Càng nghĩ càng yêu quý bài thơ, kinh sợ con người tự do ấy ! Nghĩ sâu thì thấy như thế, nhưng về ngoài bài thơ thì nhẹ nhàng như không. - Bài *Độc toạ* của Lý Bạch, nhắc lại ở đây, cho ta một khái niệm khá điển hình về sự đơn giản của thơ hay ; cái khái niệm "đơn giản thơ hay" này có thể giúp ta quay ngược trở lên mà "đối diện đàm tâm" nhiều lần, rất nhiều lần, mãi mãi, với thơ *Nhật ký trong tù*.

*
* *

Bác Hồ, cha của chúng con, hồn của muôn hồn, câu thơ Tố Hữu hôm nay nói hộ tôi lòng yêu thương Hồ Chủ tịch. Tôi riêng nói "yêu thương", vì dĩ nhiên là chúng ta kính yêu Bác, nhưng hôm nay tôi muốn nói rằng : yêu thương lên đến cao là kính yêu, kính yêu lên đến cao tốt là yêu thương. Yêu Bác, yêu thơ, yêu tâm hồn và trí tuệ của Bác. Bác là niềm giác ngộ cao nhất của mỗi tâm hồn ; thơ Bác là sở hữu sâu sắc nhất của mỗi tâm hồn.

(Tập chí Văn học, số 5.1966)

BÁC HỒ LÀM THƠ VÀ THƠ CỦA BÁC

HOÀNG TRUNG THÔNG

I

Trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Bác Hồ, thơ ca chỉ chiếm một vị trí nhỏ, nhưng những bài thơ ấy của Bác đã trở thành những viên ngọc quý trong kho tàng văn học Việt Nam. Trừ tập *Nhật ký trong tù* được viết tập trung trong một năm, những bài thơ khác của Bác đều làm rải rác trong nhiều năm từ 1941 đến 1969. Những bài thơ đó đã đi sâu vào cuộc sống tinh thần của dân ta, thành châm ngôn cho chúng ta hành động, thành sức mạnh cho chúng ta đấu tranh, tiên tri mọi thắng lợi của cách mạng.

Ngâm thơ ta vốn không ham,

Bác nói như vậy. Nhưng "không ham" không có nghĩa là không gắn bó. Trong không đầy năm, chịu bao nhiêu cảnh đọa đầy cơ cực, tay trói chân cùm mà viết hơn trăm bài thơ đầy xúc cảm, có sức rung động nghệ thuật sâu sắc thì sự gắn bó đó quả thật là tha thiết. Bác là một nhà thơ và Bác có ý thức rõ rệt về điều đó. Trong bài *Ngắm trăng* khi còn ở trong tù, Bác đã viết:

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*

Và sau này khi ở Việt Bắc trong bài *Tin thắng trận* Bác lại cũng viết :

*Trăng vào cửa sổ, đòi thơ
Việc quân đang bận, xin chờ hôm sau.*

Việc khất thơ đó đã thành cái tứ của một bài thơ tuyệt diệu.

Trước kia trong cảnh tù đầy, trăng và người chỉ nhìn nhau qua khe cửa mà ái ngại. Sau này, khi nước nhà đã độc lập, quân dân đang chiến thắng, trăng có thể đẩy cửa sổ giục già Bác làm thơ. Cái duyên thơ giữa nhà thơ và trăng thật là đặc biệt. Trăng ở đây cũng chính là nàng thơ của Bác, nàng thơ của muôn đời. Sau này, Bác lại mượn cái cớ đã lâu không làm thơ để tạo nên một bài thơ với vần "thăng" bất ngờ và lý thú :

*Đã lâu không làm bài thơ nào
Nay lại thử làm xem ra sao
Lục khắp giấy tờ vẫn chưa thấy
Bỗng nghe vần "thăng" vút lên cao.*

Đó là bài thơ Bác làm vào tháng 3 năm 1968 sau Tết Mậu Thân.

Dừng thấy Bác nói "ở trong tù không có việc gì mới làm thơ cho qua ngày tháng và vừa làm thơ vừa đợi ngày tự do" mà nghĩ rằng Bác coi làm thơ là công việc của những người nhàn rồi, Bác làm thơ bao giờ cũng vì một mục đích rõ rệt.

Thơ là tâm hồn, là tư tưởng, thơ cũng là hành động, là vũ khí đấu tranh. Không phải không có những người trước

Bác đã phê bình thơ xưa quá thiên về miêu tả thiên nhiên, ngâm vịnh hoa tuyết gió trăng mà ít chú ý đến con người, đến xã hội. Nhưng trong bài *Cảm nghĩ sau khi đọc tập "Thiên gia thi"*, sự phê bình thơ xưa đã được Bác gắn liền với quan điểm về một nền thơ mới, nền thơ cách mạng :

Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong

Bác không hề chống lại việc làm thơ ca ngợi thiên nhiên và thiên nhiên trong thơ Bác thật phong phú, hào phóng và ấm áp lạ lùng, thiên nhiên trong thơ Bác gắn bó chặt chẽ với con người, với cuộc sống. Nhưng trong thời đại cách mạng ngày nay, nhà thơ cũng phải là người cách mạng (biết xung phong) cho nên thơ phải có tính chiến đấu (mang chất thép). Vì thế bài thơ tứ tuyệt, bản tuyên ngôn về thơ của Bác đó đã trở thành quan điểm chung cho thơ ca cách mạng Việt Nam nói riêng và thơ ca cách mạng nói chung. Đó là quan điểm quán triệt trong toàn bộ thơ văn của Bác.

II

Bác Hồ của chúng ta từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, và với chủ nghĩa Mác-Lênin, Bác lại càng sôi nổi một tấm lòng yêu nước chân chính mãnh liệt. Những năm ở nước ngoài, Bác viết báo, viết văn, viết kịch và hoạt động cách mạng. Đến khi về nước, Bác lại còn làm thơ. Hình như Bác nghĩ đối với nhân dân ta, thơ có thể trở thành một lợi khí về tình cảm và tư tưởng. Trong khoảng ba mươi năm, từ 1941 đến 1969, thơ Bác đánh dấu những chặng đường lớn của đất nước, của nhân dân, thơ Bác là thơ vì nước vì dân, vì cách mạng. Bác ít nói về mình, nhưng toàn bộ thơ Bác

thể hiện tâm hồn bình dị mà vĩ đại, bình tĩnh mà kiên cường, lạc quan trong gian khổ, quyết liệt trong đấu tranh, yêu nhân dân, yêu nước say mê và mãnh liệt, một tâm hồn cách mạng cao cả luôn luôn hướng về hành động, và đấu tranh cho sự nghiệp chính nghĩa của dân tộc và của loài người.

Đọc thơ Bác thường khi chúng ta bắt gặp những từ "*bâng khuâng hồn nước cũ*", "*cô quốc*", "*con cháu Hồng Bàng*", "*Tiên Rồng*" v.v... giống như thơ của các nhà yêu nước trước Bác hay đồng thời với Bác nhưng không thể đồng nhất lòng yêu nước trong thơ Bác với thơ của các sĩ phu trước Bác hoặc cùng thời với Bác, Bác Hồ tiếp nhận và phát huy tinh thần yêu nước cao cả của dân tộc với ý thức sâu xa của người Mác-xít. Chúng ta hãy đọc những bài ca *Công nhân*, *Dân cày*, *Trẻ chăn trâu*, *Du kích* của Bác và đem so sánh với các bài ca yêu nước của các sĩ phu khác thì sẽ thấy tấm lòng yêu nước rất giống nhau mà tư tưởng thì khác nhau xa lắm. Trong thơ Bác, dân tộc và giai cấp gắn chặt với nhau, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế quyện chặt vào nhau, tấm lòng yêu nước của Bác luôn luôn hướng về những người đau khổ và bị áp bức nhất trong xã hội và tin tưởng vào sức "cứu nước, cứu mình" của họ, động lực chính của cách mạng.

Ngay đối với Phan Bội Châu, nhà chí sĩ, nhà thơ yêu nước mà thơ văn đã ảnh hưởng sâu sắc đến bao thế hệ người cách mạng và nhân dân ta thì tư tưởng yêu nước cũng chưa thể vượt qua khuôn khổ của nhà Nho, nghĩa là vẫn xếp thứ tự các tầng lớp xã hội theo sĩ, nông, công, thương và nhà Nho vẫn là kẻ đứng đầu.

Ta hãy đọc một đoạn trong bài *Kính gửi đồng bào toàn quốc* (1906) mà nhà văn Đặng Thai Mai đề tên tác giả là

Phan Bội Châu với một dấu hỏi, trong quyển *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX* :

*Vi rằng ta biết hợp lòng
May ra nòi giống Lạc Long hây cốn
Người một nước là con một họ
Tính làm sao mà giữ non sông ?
Bốn phương nào sĩ nào nông
Nào công nào cổ đều cùng anh em
Thử giương mắt mà xem thế cục ;
Góm tay người thâm độc nhường bao !
Cá trên thớt, thịt đầu dao
Trăm điều bác tước sống sao được giờ ?
Quyết vùng dậy, tay giơ tả đả •
Đứng đầu lên có bạn nhà Nho*

Trong bài ca *Công nhân Bắc Hồ* đã vạch rõ giai cấp công nhân là người đã làm ra của cải cho xã hội mà lại là người bị áp bức bóc lột thậm tệ :

*Thành ai đắp, lầu ai xây ?
Tàu kia ai đóng, than đây ai sàng !
Bao nhiêu của cải kho tàng
Ai đào bạc, ai luyện vàng mà nên ?
Công nhân sức mạnh, nghề quen
Làm ra của cải cho thiên hạ nhờ...*

và bác kêu gọi :

*Thợ thuyền ta phải đứng ra
Trước ta cứu nước, sau ta cứu mình*

Thế là rõ : một bên thì "đứng đầu lên có bạn nhà nho", một bên thì "thợ thuyền ta phải đứng ra" Ai đứng đầu ? Ai

lãnh đạo ? Bác và các sĩ phu yêu nước trước Bác đã quan niệm rất khác nhau.

Trong những ngày bị cầm tù đặng đặng ở các nhà ngục của Tưởng Giới Thạch, lòng Bác luôn luôn hướng về Tổ quốc và nỗi nhớ nước vẫn vương trong cả giấc mơ:

*Nghìn dặm băng khuâng hồn nước cũ
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay
Ở tù năm trọn thân vô tội,
Hòa lệ thành thơ tả nỗi này*

(Đêm thu)

Nghe một người tù thối sáo diễn tả nỗi lòng nhớ quê hương trong một âm điệu thê lương, Bác lại cảm thấy âm điệu thê lương ấy chính đang rung lên trong nỗi lòng nhớ nước da diết của mình và :

Muôn dặm quan hà khôn xiết nỗi...

Muôn lên cao để nhìn thấy nhau, để nghe nỗi lòng của nhau, đó là tâm trạng của người khuê phụ, nhưng thực ra cũng là tâm trạng của Bác nhớ quê hương. Cũng như sau này khi ra khỏi tù. Bác trèo lên đỉnh Tây Phong để nhìn lại trời Nam, nhớ những người đồng chí, những người bạn chiến đấu của mình :

*"Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa"*

(Mới ra tù tập leo núi)

Bác ra đi là vì một sứ mạng thiêng liêng của cách mạng, của Tổ quốc, thế mà bị nghi là gián điệp, và bị giam cầm!

Ở trong tù, tâm lòng của Bác vẫn hướng về Tổ quốc, hàng ngày, hàng đêm, theo dõi tin tức trong nước, thế mà:

*Năm tròn cô quốc tắm hơi vắng
Tin tức bên nhà bữa bữa trông*

(Tức cảnh)

Và khi chỉ biết được một tin nhỏ theo nguồn tin Xích Đạo trên báo Ung Ninh là "ở Việt Nam có biến động", Bác đã làm ngay một bài thơ :

*Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền,
Xót mình giam hãm trong tù ngục,
Chưa được xông ra giữa trận tiền.*

(Ở Việt Nam có biến động)

Nhân dân ta không cam chịu làm nô lệ mãi đã đứng dậy phất cao cờ nghĩa khắp nơi, nhưng Bác là người lãnh đạo cách mạng thì lại còn bị giam cầm vô lý ở nước ngoài. Có hiểu hoàn cảnh cách mạng nước ta lúc bấy giờ và vị trí lãnh đạo của Bác mới hiểu tâm trạng bồn chồn lo âu đau khổ của một người "chưa được xông ra giữa trận tiền" như Bác. Đó cũng là tâm trạng được thể hiện trong những bài thơ nhiều đêm mất ngủ :

*Năm canh thao thức chưa nằm,
Thơ tù ta viết hơn trăm bài rồi !*

(Đêm không ngủ)

Và nhất là trong bài *Không ngủ được* :

*Một canh ...hai canh... lại ba canh
Trần trọc, bần khoăn giấc chẳng thành.
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

Đọc xong bài thơ ta cảm thấy một niềm xao xuyến lạ lùng. Nỗi lo âu lớn lao về việc nước được biểu hiện trong một bài thơ súc tích và dạt dào tình cảm. Từng canh từng canh được ghi dấu bằng những tâm trạng riêng và cuối cùng vẫn xoáy vào nỗi lòng nhớ nước. Khi canh năm vừa chợp mắt thì hồn mộng lại bay quanh năm cánh sao vàng. Và năm cánh sao vàng đó không có gì khác hơn là *"tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền"*.

Thơ nhớ nước của Bác không phải là thứ thơ nhớ nước suông, thơ thở than rầu rĩ vì cảnh xa quê. Đây là thơ hành động của người chiến sĩ cách mạng hơn nữa là thơ của người lãnh tụ mà vận mệnh tổ quốc và cuộc đời của mình đã gắn liền với nhau làm một. Sau này khi ở Việt Bắc, sống giữa chiến khu trong hoàn cảnh kháng chiến, Bác cũng có những câu thơ rất hay về tâm trạng chưa ngủ :

...
*Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà*

(Cảnh khuya)

III

Ở tù cố nhiên là gian khổ : một ngày ở tù bằng nghìn năm ở ngoài, gian khổ cả về vật chất và tinh thần. Nào là:

*Đêm thu không đệm cũng không chăn
Gối quắp, lưng còng, ngủ chẳng an.*

(Đêm lạnh)

Nào là :

Bốn tháng cơm không no,

*Bốn tháng đêm thiếu ngủ,
Bốn tháng áo không thay,
Bốn tháng không giặt giũ,*

và :

*Răng rụng mất một chiếc
Tóc bạc thêm mấy phần,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở mọc đầy thân*

...

(Bốn tháng rồi)

Cảnh bị cùm chân thật là ghê sợ : cái cùm giống như miệng hung thần đêm đêm há hốc ra để nuốt chân người. Một chân phải bị nuốt mất chỉ còn co duỗi có một chân trái mà thôi.

Còn các cảnh sinh hoạt khác ở trong tù cũng thật là gian khổ.

*Cháo tù lưng bát thấm vào đầu
Bụng đói luôn luôn cứ réo gào...*

(Điền Đông)

*Lót lòng mỗi bữa lưng cơm đỏ
Không muối, không canh cũng chẳng cà...*

(Cơm tù)

Thiếu thốn từng giọt nước, và phải bồi lấy giấy đắp thay chăn. Sự cấm đoán nghiêm ngặt đến mức thật vô lý :

*Đến buồn đi ỉa cũng không cho.
Cửa tù khi mở, không đau bụng,
Đau bụng thì không mở cửa tù*

(Bị hạn chế)

Song những gian khổ về vật chất như thế được miêu tả trong thơ Bác không quá nhiều . Thường thì Bác đùa bỡn với những gian khổ đó, khinh thường những gian khổ đó hoặc lấy những gian khổ đó để tố cáo tội ác của chế độ nhà tù Tưởng Giới Thạch.

Nói về cái dây trói, Bác so sánh nó với cái tua vai của quan võ. Cái tua vai làm oai vệ cho quan võ thì cái dây trói cũng chỉ làm cho người cách mạng tự hào vì không cam tâm khuất phục bọn cường quyền và phản động. Nhưng khác nhau là ông quan võ thì mang tua vai bằng kim tuyến và người cách mạng thì lại mang tua vai bằng cuộn gai. Một sự khác nhau về bản chất. Bài thơ ngắn gọn mà chất hài hước thật là tế nhị :

*Rông uốn vòng quanh chân với tay
Trông như quan võ quấn tua vai
Tua vai quan võ bằng kim tuyến
Tua của ta là một cuộn gai.*

(Dây trói)

Bác đùa bỡn với việc bắt và giải :

*Ăn cơm nhà nước, ở nhà công,
Binh lính thay phiên để hộ tòng*

(Nói cho vui)

hoặc :

*Hôm nay xiềng sắt thay dây trói.
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung*

(Đi Nam Ninh)

Bị ghẻ lở đầy người là một chuyện rất khó chịu nhưng

Bác cũng nhìn với con mắt khác, con mắt trào lộng. Một người như Bác, có bao giờ lại lấy sự gian khổ về vật chất làm điều đau khổ nhất. Đau nhất là một người cách mạng chân chính như Bác mà lại bị tình nghi là "gián điệp", bị giam hãm trong ngục tù, không được tự do hoạt động cách mạng, không được "xông ra giữa trận tiền", không được về với đồng chí đồng bào đang chiến đấu.

Không phải chỉ vì trong tập *Nhật ký trong tù* Bác đã mười ba lần nhắc đến chữ "tự do" mà nói Bác tha thiết đấu tranh cho tự do. Toàn bộ tập thơ đó là một bản tuyên ngôn về tự do viết với tâm lòng thương yêu, với tình thần kiên quyết, với khí phách anh hùng của một người cộng sản vĩ đại. Tự do cho những người đang sống đầy đọa trong tù ngục của bọn thống trị phản động, tự do cho các dân tộc còn bị áp bức, tự do cho cả loài người đang bị bọn phát xít dìm trong bể máu.

Trong nhà tù, Bác viết :

*Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chỉ bằng mất tự do ?*

(Lính gác khiêng lợn cùng đi)

Hoặc :

Đau khổ chỉ bằng mất tự do...

(Bị hạn chế)

Đó là tiếng kêu xé lòng của những người bị áp bức, những người bị giam cầm "nhòm qua cửa ngục ngóng trời tự do". Nhưng khi đất nước đã được độc lập, nhân dân ta được tự do, thì Bác lại đồng dục tuyên bố : "Không có gì quý hơn

độc lập, tự do". Đó là chân lý về độc lập, tự do mà sau này bao nhiêu thế hệ chúng ta đã đổ máu ra để giữ lấy.

Trong *Nhật ký trong tù*, không phải lúc nào Bác cũng cảm thấy mất tự do. Bác chỉ mất tự do về thân thể mà thôi, còn về tư tưởng, tinh thần, Bác hoàn toàn tự chủ, Bác hoàn toàn tự do.

Trong bài thơ coi như lời đề của cả tập thơ, Bác đã viết:

*Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.*

Bốn câu thơ đó đã trở thành phương hướng sống và hành động cho bao thế hệ chúng ta. Mặc dù chân tay bị trói Bác vẫn "tự do thưởng ngoạn không ai cấm" trước cảnh "chim ca rộn núi hương bay ngát rừng". Đi trên đường thẳng xuống huyện Ung Ninh, "lũng lẳng chân treo tựa giáo hình", Bác vẫn tự do nhìn những làng xóm hai bên bờ và tâm hồn Bác cùng với chiếc thuyền câu thênh thênh rẽ sóng.

Trong nhà tù Tĩnh Tây, Bác vẽ ra cái cảnh :

*Trong lao tù cũ đón tù mới,
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa ;*

để rồi nói :

*Mây mưa, mây tạnh bay đi hết,
Còn lại trong tù khách tự do.*

(Vào nhà lao huyện Tĩnh Tây)

Một người tự do mà lại ở trong tù ! Ta tưởng như câu nói có vẻ mâu thuẫn, nhưng chính cái vẻ mâu thuẫn đó lại

làm tăng thêm bản chất tự do của một tâm hồn như Bác dù ở trong bất cứ cảnh lao lung nào. Trong bài *Quá trưa* Bác viết:

*Tự do tiên khách trên trời
Biết chăng trong ngục có người khách tiên?*

Tiên là một nhân vật huyền thoại đi mây về gió, tự do tự tại. Cố nhiên ở trên trời, tiên là khách tự do (cũng dễ hiểu thôi vì nào có ai ngăn cấm), nhưng tiên có biết không ngay ở trong chốn tù ngục cũng có người tự do, cũng có tiên (và tiên này mới thật là tiên). Xác định mình là người tự do nhất dù trong cảnh ngục tù, đó là tư tưởng về tự do của người cộng sản, của Bác Hồ. Nắm được tất yếu của lịch sử, nắm được quy luật của phát triển xã hội, Bác ung dung, bình tĩnh. Bác sống trong một tinh thần lạc quan cách mạng tuyệt vời. Bước đi trong tiếng xiềng sắt leng keng *"mà như khanh tướng về ung dung"*. Dầu cho binh lính thay phiên nhau hộ tòng mà *"non nước dạo chơi tùy sở thích"*. Chao ôi biết bao nhiêu cảnh đọa đầy thân Bác *"Ngồi trên hồ xí đợi ngày mai"*, *"Đáng khóc mà ta cứ hát tràn"*, *"Hòa lệ thành thơ tả nỗi này"*, thế mà tâm hồn Bác *"Lòng sông gương sáng, bụi không mờ"* Bác vẫn nhìn cuộc sống, nhìn cách mạng với lòng tin tưởng sâu xa, với tinh thần lạc quan cách mạng không bờ bến. Màu hồng cách mạng luôn luôn ửng sáng trong thơ Bác, xua đuổi bóng đêm đen mờ mịt, không chỉ có một ý nghĩa tượng trưng mà rất là hiện thực :

Khi thì :

*Phương đông màu trắng chuyển sang hồng,
Bóng tối đêm tàn, quét sách không.*

(Giải di sớm)

Khi thì :

*Đầu non sớm sớm vắng dương mọc,
Khắp núi nơi nơi rực ánh hồng ;*

(Cảnh buổi sớm)

Khi thì :

*Trong ngực giờ đây còn tôi mịt
Ánh hồng trước mặt đã bừng soi*

(Buổi sớm)

Bóng tôi đây là bóng tôi của giai cấp thống trị phản động đang lùi lại. Mầu hồng đây là mầu hồng của cách mạng đã bừng lên. Dầu trong điều kiện tôi tăm nhất, cách mạng cũng chiếu dọi mầu hồng của tương lai thắng lợi. Đúng như sau này khi Bác viết :

*Lửa cách mạng sáng choang bờ cõi
Chiếu lên cờ độc lập tự do*

(Nhóm lửa)

Và cách mạng đã thực sự thành công như Bác đã tiên tri:

Hết mưa là nắng hừng lên thôi.

(Trời hừng)

Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn

(Thơ chúc Tết)

IV

Chúng ta đã đọc khá nhiều tập thơ về nhà tù, thường là nhà thơ tự biểu hiện mình hơn là biểu hiện cuộc sống. Ít có tập thơ nào về nhà tù, chỉ có trên dưới một trăm bài thơ

ngắn gọn (phần nhiều là tứ tuyệt) mà mở ra một thế giới những con người trong và ngoài nhà tù, một khung cảnh cuộc sống phong phú dồi dào đến như thế. Bác đã đi qua nhiều huyện và trải qua nhiều nhà giam của Tưởng Giới Thạch, Bác đã từng ở với bao nhiêu thương phạm, tiếp xúc với bao nhiêu hạng người, cho nên thế giới của Bác vượt qua khuôn khổ một nhà giam. Những mâu thuẫn xã hội trong thời kỳ Tưởng Giới Thạch phản động bị Bác bóc trần đến tận cùng cái đáy sâu của nó.

Nào là :

*Núi cao gặp hồ mà vô sự
Đường phẳng gặp người, bị tổng lao.*

(Đường đời khó khăn)

Vì "người" ở đây lại độc ác hơn là hồ báo.

Nào là :

*Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng,
Lại bị nghi là kẻ Hán gian !*

(Đường đời khó khăn)

Vì chính chúng, những tên tự xưng là chống đế quốc lại giam cầm những người yêu nước ngay thẳng, trắng trong.

Cùng là những người "bạn" của Trung Quốc, thế mà các đại biểu Anh, Mỹ được coi là thượng khách, còn Bác, đại biểu cách mạng của Việt Nam lại được "hưởng" chế độ tù nhân. Và đoàn Mỹ rồi đoàn Anh đến, đâu đâu cũng nhiệt liệt hoan nghênh họ, còn Bác cũng là một phái bộ thăm Trung Quốc thì lại được "hoan nghênh" theo một lối riêng, là cho vào nhà ngục.

Cái xã hội này, nói thì "túc vinh" mà để mọi người mang nhục, đáng lẽ không ai muốn bị tay xích chân cùm, thế mà ai ai cũng tranh nhau để được cùm chân, bởi vì *"Được cùm chân mới yên bề ngủ, không được cùm chân biết ngủ đâu?"*.

Ở trong tù cũng vậy *"Tù cũng"* (có tiền) ngày ngày no rượu thịt, tù nghèo nước mắt, *"bọt mồm tuôn"*. *"Con người coi rẻ hơn con lợn"*. *"Nó thì kéo tẩu tha hồ hút. Anh hút, còng đây tay ghé vào"*. Đánh bạc ở ngoài thì bị bắt mà vào tù lại đánh bạc công khai. Được ra ngoài ngục, dù bị máy bay ném bom cũng còn khoái hơn là ở trong tù :

Máy bay địch bỗng tới ào ào.

Tất cả nhân dân chạy xuống hào.

Cửa mở cho tù ra lánh nạn,

Được ra ngoài ngục, khoái làm sao !

(Báo động)

Chồng đi lính biên biệt, vợ được quan trên "thương xót" cho vào tù để cho bớt nỗi cô quạnh *"Quan trên xót nỗi em cô quạnh, nên lại mời em tạm ở tù"*. Còn em bé mới khóc oa oa vì cha trốn lính mà cũng phải theo mẹ đến nhà pha.

Oa...! oa...! oaa... !

Cha trốn không đi lính nước nhà,

Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi

Phải theo mẹ đến ở nhà pha.

(Cháu bé trong nhà lao Tân Dương)

Cái xã hội Trung Quốc Tưởng Giới Thạch đó là tiếng khóc không dứt của cụ già, em bé, của những người cùng khổ nhất, cái xã hội thối nát đến cực điểm đã diễn ra bao cảnh trái

ngược mà Bác đã ghi lại một cách sâu sắc, cái đất nước ấy đang có tiếng súng xâm lược của quân thù mà nó mới "thái bình" làm sao !

*Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,
Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh,
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.*

(Ở Lai Tân)

Ở cái đất Lai Tân của tỉnh Quảng Tây, người ta cứ "làm việc" như thế đó. Cai ngục đánh bạc, cảnh sát trưởng ăn tiền, huyện trưởng chong đèn làm việc (thực ra là hút thuốc phiện). Ở đâu đánh giặc thì cứ đánh, còn cái trời đất Lai Tân này thì vẫn "thái bình" như muôn thuở. Một chữ "thái bình" mà xâu tảo lại bao nhiêu việc làm trên vốn là chuyện muôn thuở của xã hội Trung Quốc còn giai cấp bóc lột thống trị. Chỉ một chữ ấy mà xé toang tất cả sự "thái bình" dối trá nhưng thực sự là "đại loạn" bên trong. Một người cách mạng Việt Nam vĩ đại, nhà yêu nước Việt Nam thiết tha đang nóng lòng cứu nước ta mà bị giam cầm như Bác mới vẽ nổi sự "thái bình" giả dối ở xã hội Trung Quốc Tưởng Giới Thạch trong lúc cả nước đang có chiến tranh, trong lúc "*Tráng sĩ đưa nhau ra mặt trận*".

Nhưng thơ Bác chủ yếu không chỉ là tố cáo cái xã hội đầy rẫy bất công và tàn ác ấy mà lòng thương yêu mệnh mông của Bác bao trùm lên mọi lớp người trong xã hội ấy, nhất là những người đau khổ trong xã hội ấy. Chúng ta hãy đọc những bài thơ *Vợ người bạn tù đến thăm chồng*, *Chăn bằng giấy của người bạn tù*, *Gia quyến người bị bắt lính*,

Một người tù cờ bạc vừa chết v.v.. Bác thực sự cảm thông với số phận khổ đau của những con người xấu số ấy, cả những người bạn tù mà Bác gọi là "nạn hữu".

Bác lắng nghe tiếng sáo vi vu trong ngục tối gợi lên khúc nhạc nhớ quê hương. Bác không cầm lòng được trước tiếng khóc oa...! oa...! của em bé vừa nửa tuổi đã phải theo mẹ đến nhà pha. Trước cái "cửa sắt" ngăn cách người chồng trong ngục và người vợ đến thăm "*Gần nhau trong tắc gang, Mà biển trời cách mặt, Miệng nói chẳng lên lời, Nói lên bằng khóe mắt*". Bác đã thốt lên : "*Tình cảnh đáng thương thật*". Và người tù cờ bạc ban đêm còn nằm cạnh Bác, sáng dậy vì đói rét quá đã chết rồi, Bác nói đến anh với lời thơ vô cùng xúc động :

*Thân anh da bọc lấy xương,
Khổ đau, đói rét, hết phương sống rồi
Đêm qua còn ngủ bên tôi,
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng !*

(Một người tù cờ bạc vừa chết)

Bác ái ngại cho sự vất vả của người phu làm đường (*Phu làm đường*). Bác lo lắng với nông dân gặp năm hạn hán (*Từ Long An đến Đồng Chính*) Bác thương những người dân cày thời đó :

*Thân người chẳng khác thân trâu
Cái phần no ấm có đâu đến mình*

Bác thương những người công nhân :

*Công nhân sức mạnh nghề quen
Làm ra của cải cho thiên hạ nhờ*

Mà mình quần rách áo xơ
Tiến công thì bớt mà giờ thì thêm
Lại còn đánh chửi tấn phiến
Cúp lương tháng trước, phạt tiền hôm qua
Càng nghĩ lại càng xót xa
Vi ta mất nước nên ta phải hèn

(Công nhân)

Bác thương nhất là các em :

Trẻ em như búp trên cành,
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.

Và Bác có những câu thơ về các em như thấm đầy nước mắt :

Cò khi lia mẹ lia cha
Để làm tôi tớ người ta bên ngoài

(Kêu gọi thiếu nhi)

Bác thương yêu và nhắc nhở đến chiến sĩ :

Sương khuya xuống mưa thu trút
Sương sớm dày như mây biển dâng
Áo rét gửi mau cho chiến sĩ
Trời loe nắng ấm báo xuân sang

(Nhớ chiến sĩ)

Trong Nhật ký trong tù, Bác tỏ lòng yêu mến một cái "Quán cháo" bên đường nghèo nàn mà ấm áp, một "Cô em xóm núi xay ngô tối, Xay hết lò than đã rực hồng", một cảnh ngoài đồng "Khắp chôn nông dân cười hớn hở, Đồng quê vang dậy tiếng ca vui".

Bác ghét cay ghét đắng giai cấp thống trị phản động, bọn

bóc lột áp bức nhân dân, và Bác đã đả kích chúng trong những bài thơ sắc bén như dao, thế nhưng một ông ban trưởng họ Mạc "dộc tài mua cơm giúp phạm nhân" và một ông họ Quách giúp đỡ Bác trong lúc khó khăn, Bác cũng không quên nhắc đến tên và nói "Đời nay người thế vẫn còn mà". Còn bọn lính đã hành hạ Bác và lấy cắp cả cái gậy của Bác thì Bác chỉ nói đến mà không nêu tên tuổi vì Bác cho rằng tội ác chính là ở bọn trùm thống trị chứ không phải ở những tên lính thừa hành. Nửa đêm, nhìn những người tù đang ngủ, thấy nét mặt hiền lành của họ, Bác làm một bài thơ có tính chất triết lý :

*Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền,
Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,
Phần nhiều do giáo dục mà nên.*

(Nửa đêm)

Đừng tưởng lòng thương yêu của Bác ở đây là siêu giai cấp. Thử hỏi có ai như Bác trong thơ đã thể hiện một lòng thương yêu giai cấp sâu sắc đến như thế. Đó là lòng thương yêu cách mạng cao cả nhất, vì thương yêu không phải để mà thương yêu mà chính là để hành động, để phá tan nổi bất bình, phá tan xã hội cũ, xây dựng một xã hội mới công bằng hơn, tốt đẹp hơn, một xã hội mà chúng ta đang ra sức xây dựng ngày nay.

*

* *

Quán triệt toàn bộ thơ Bác là tư tưởng của một nhà yêu nước vĩ đại, một nhà cách mạng vĩ đại. Thơ Bác không phải

chỉ là biểu hiện cuộc sống mà còn là cải tạo cuộc sống, chỉ đạo cuộc sống. Đó chính là tinh Đảng Cộng sản lớn lao, đó chính là chất thép của thời đại.

Trước kia Bác nói :

Đau khổ chỉ bằng mất tự do

Thì sau này Bác nói :

Không có gì quý hơn độc lập tự do

Trước kia, khi mới nhen nhóm phong trào du kích, Bác viết:

*Kẻ có súng dùng súng
Kẻ có dao dùng dao
Kẻ có cuốc dùng cuốc
Người có cào dùng cào...*

(Bài ca du kích)

Thì sau này khi toàn quốc kháng chiến nổ ra, Bác cũng có những lời kêu gọi như vậy.

Mỗi năm Tết đến, Bác thường lại làm thơ chúc Tết vừa nhắc nhở đồng bào. Khi thì :

*Xuân về xin có một bài ca
Gửi chúc đồng bào cả nước ta
Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi
Tin mừng thắng trận nở như hoa*

(Mừng xuân 1967)

Khi thì :

*Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua
Thắng trận tin vui khắp nước nhà*

*Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ
Tiến lên !*

Toàn thắng ắt về ta.

(Mừng xuân 1968)

Và cuối cùng là bài thơ chúc Tết 1969; đã thành phương châm hành động và tiên tri thắng lợi vĩ đại của chúng ta ngày nay :

*Năm qua thắng lợi vẻ vang
Năm nay tiên tuyến chắc càng thắng to
Vì độc lập, vì tự do
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.*

Những bài thơ nói trên và rất nhiều những bài thơ khác của Bác đã biểu hiện sâu sắc tư tưởng yêu nước của Bác, một tư tưởng yêu nước không bao giờ tách ra khỏi chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Có những câu thơ của Bác có sức suy tư rất lớn, chỉ đạo cho những hành động của chúng ta bất kỳ ở trong hoàn cảnh nào:

*Thân thể ở trong lao
Tinh thần ở ngoài lao ;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.*

(Nhật ký trong tù)

hoặc :

*Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân ;
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.*

(Bốn tháng rồi)

Và :

*Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Có chí ắt làm nên*

(Khuyên thanh niên)

Những câu thơ đó, không chạm gọt mà trần trụi, những tư tưởng mạnh mẽ đã cuốn hút chúng ta trong cuộc sống, trong học tập và hành động. Biết bao nhiêu thế hệ thanh niên nhờ những câu thơ đó mà kiên trì trong đấu tranh, vững vàng trong gian khổ, xung phong trong lao động. Cùng một tinh thần như thế, chúng ta còn đọc trong thơ Bác bao nhiêu bài tạo nên những nghị lực, ý chí vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống.

Trong bài thơ *Tự khuyên mình*, Bác viết :

*Vì không có cảnh đông tàn
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân.
Nghĩ mình trong bước gian truân,
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.*

Bác đã tạo ra sự đối lập giữa "*cảnh đông tàn*" với cảnh "*huy hoàng ngày xuân*" tức là sự gian khổ hôm nay và hạnh phúc ngày mai. Và sự thống nhất giữa tai ương rèn luyện và tinh thần thêm hăng. Tất cả những điều đó giúp ta tự nhắc nhở mình phải rèn luyện, phải phấn đấu. Những câu thơ có tính cách giáo huấn có một sự rung động thật sự, đó là sự rung động về trí tuệ. Ta hãy đọc bài thơ *Nghe tiếng già gao* :

Gạo đem vào già, bao đau đớn,

*Gạo già xong rồi, trắng tựa bông.
Sống ở trên đời người cũng vậy :
Gian nan rèn luyện mới thành công.*

Cùng một tư tưởng rèn luyện như trên, bài thơ này lại tạo ra một hình tượng đau đớn của hạt thóc phải đem già và sự trong trắng của hạt gạo khi đã già xong rồi. Bài thơ không che giấu sự đau khổ của quá trình rèn luyện và chỉ ra sự thành công qua những bước gian nan. Đó là những câu thơ rất "Hồ Chí Minh" và không những Bác đã tự khuyên mình mà đã thực hiện trung thành những lời mình tự khuyên đó. "Thơ suy nghĩ" của Bác cũng chính là "thơ hành động".

Chúng ta đặc biệt chú ý đến hai bài thơ *Đi đường* và *Học đánh cờ*. Bài *Đi đường* còn ít ai nói đến vì nó đơn giản quá chăng ? Theo tôi đó là một bài thơ rất lớn. Vì nó mang tư tưởng kiên trì và nhẫn nại, có chí ắt làm nên, nhưng rất sâu, rất hình tượng :

*Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng ;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.*

Bài thơ tất nhiên là dịch chưa thật hay so với nguyên văn. Nhưng ngay trên bản dịch này ta cũng thấy được những bước khó khăn của người đi đường : hết núi đọt này lại đến đọt núi khác rồi lại núi cao nữa. Nhưng khi đến đỉnh cao nhất rồi sẽ thu được muôn trùng núi sông vào trong tầm mắt của mình.

Dem so sánh bài thơ đó với bài *Lên lầu quan tước* của Vương Chi Hoán (Trung Quốc) :

*Mặt trời tắt sau núi
Sông Hoàng vào biển sâu
Muốn nhìn xa nghìn dặm
Lên nữa một tầng lầu*

mà các nhà thơ nhiều thời đại khen ngợi là tuyệt vời thì ta thấy tư tưởng khác nhau một trời một vực. Một bên là leo mãi cho lên đến muôn trùng núi thì sẽ thu vào tầm mắt tất cả núi sông. Một bên là muốn thấy xa nghìn dặm thì bước lên một tầng lầu nữa. Người phải đi khắp núi non mới đạt được mục đích, người chỉ cần bước lên một tầng lầu. Một người là phấn đấu, một người là hưởng thụ. Đường đây là đường núi, cũng là đường đời, đường cách mạng.

Bài thơ *Đi đường* chính là bằng nghệ thuật thơ đã biểu hiện tư tưởng của Bác : Cách mạng phải lâu dài gian khổ nhưng nhất định thắng lợi. Mục tiêu là thu lại non sông vào trong tầm mắt nhưng phải qua hết chặng đường gian khổ này đến chặng đường gian khổ khác. Có đọc nguyên văn bằng chữ Hán mới thấy nghệ thuật tuyệt diệu của bài thơ :

*Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan,
Trung san chi ngoại hựu trùng san
Trùng san đăng đảo cao phong hậu,
Vạn lý dư đồ cố miện gian.*

Bài thơ *Học đánh cờ* biểu hiện một tư tưởng chiến lược chiến thuật rất cao của Bác. Tuy đặt vấn đề "*tấn công phòng thủ không sơ hở*", "*tấn công phòng thủ nhanh như chớp*", tức là coi trọng cả hai mặt tấn công và phòng thủ, nhưng đối với Bác, tấn công là chủ yếu, phải không ngừng tấn công, phải tấn công kiên quyết:

*Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công ;*

Trên cái bàn cờ nhỏ bé, thực ra là cả chiến trường, cả thời cuộc thu hẹp lại, thiên binh vạn mã cứ đuổi nhau hoài. Cuộc đấu tranh có bao giờ chấm dứt đâu. Cách mạng đang ở thế tiến công mà lại lo lùì thì thật là nguy hiểm. Mình không tấn công thì đối phương sẽ tấn công mình thôi và cuối cùng "thắng lợi thuộc về một bên" như Bác đã nói.

Vấn đề là làm sao cho "thắng". Phải có tài cao, phải có chân lẹ, phải nhìn rộng, phải suy sâu. Vấn đề là phải biết tấn công đối phương. Sai đường lối thì dầu có đến hai xe cũng vô ích. Biết tạo ra thời cơ và nắm lấy thời cơ thì dầu một tốt cũng thành công :

*Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công.*

Những tư tưởng chiến lược chiến thuật đã tạo nên thành công của Cách mạng Tháng Tám, thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống Pháp và trong chống Mỹ, cứu nước ngày nay, những tư tưởng chiến lược chiến thuật tài tình đó đâu chỉ dành riêng cho Việt Nam. Đó là tư tưởng chiến thuật Mác-xít Lê-nin-nít đúng đắn nhất của thời đại chúng ta.

Còn biết bao nhiêu bài thơ khác nói lên tư tưởng của Bác, mang tính chất triết lý rất cao và dẫn tới hành động cách mạng rất lớn, những "bài thơ suy nghĩ" có sức rung động nghệ thuật, càng đọc lâu càng thấm thía, càng suy nghĩ càng thấy sâu sắc, uốn luôn thúc đẩy chúng ta hành động, đấu tranh.

VI

Nói đến thơ Bác không thể không nói đến nghệ thuật trong thơ Bác. Vì đối với thơ ấy, thơ của tâm hồn, thơ của tình cảm, thơ của tư tưởng, thơ của hành động, Bác đã sử dụng không biết bao nhiêu phương tiện biểu hiện của nghệ thuật hết sức phong phú đa dạng, nhiều lúc tưởng như trái ngược nhau mà lại có một sự nhất quán lạ lùng. Đó là sự bình dị tuyệt vời không ai có thể bắt chước được.

Ở thơ Bác có thơ cổ động, diễn ca và có cả thơ tâm tình, có thơ đả kích, có thơ triết lý và cả thơ ghi việc hàng ngày.

Chúng ta đã được đọc nhiều loại thơ trong thơ Bác mà loại nào cũng có những bài thơ đạt đến đỉnh cao.

Thí dụ :

Thơ về khí phách :

*Chống gậy lên non xem trận địa
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây
Quân ta khí mạnh nuốt ngưu đầu
Thề diệt xâm lăng lũ sói cây*

(Lên núi)

Thơ tâm tình :

*Ngày đi, bạn tiễn đến bên sông,
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng,
Nay gặt đã xong, cây đã khắp,
Quê người tôi vẫn chốn lao lung !*

(Nhớ bạn)

Thơ triết lý :

Gạo đem vào giã, bao đau đớn,

*Gạo già xong rồi, trắng tựa bông.
Sống ở trên đời người cũng vậy :
Gian nan rèn luyện mới thành công*

(Nghe tiếng già gạo)

Thơ đả kích :

*Vào lao anh phải nộp tiền đèn.
Tiền Quảng Tây vừa đúng sáu "nguyên" ;
Vào chỗ tối tăm mù mịt ấy.
Quang minh đáng giá bấy nhiêu tiền !*

(Tiền đèn)

Và những bài thơ cổ động : Ca công nhân, Ca dân cày, Ca binh lính, những bài thơ kêu gọi, thơ chúc tết, những bài thơ dưới hình thức thư, những bài thơ tặng, những bài thơ tức cảnh, thơ ứng đối, thơ tự trào, thơ tự khuyên...

Có những câu thơ tả cảnh đẹp như vẽ :

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa*

(Cảnh khuya)

*Dòng sông lặng ngắt như tờ
Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo*

(Đi thuyền trên sông Đáy)

*Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền*

(Rằm tháng giêng)

Có những câu thơ tả thực một cách trần trụi, tưởng không còn thể trần trụi hơn được nữa :

*Thối một nồi cơm trà sáu hào
Nước sôi mỗi chậu một đồng trao*

Bên cạnh những vấn đề rất lớn lao, rất cao cả, Bác có thể nói đến những vấn đề nhỏ nhất hàng ngày mà ít ai có thể nói đến trong thơ. Ai có thể ngờ được bên cạnh câu thơ mang một ý nghĩa lớn :

Đau khổ chi bằng mất tự do

Lại là một câu khác :

Đến buồn đi ỉa cũng không cho

Thế mà câu thơ đọc lên không chối, trái lại đã làm tăng thêm sự tàn ác, làm cho việc mất tự do (cái tự do tối thiểu của con người cũng không có) càng được nhấn mạnh.

Bác không từ chối một đề tài nào, ngay đề tài ấy có nên thơ hay không : ghẻ , rửa mặt, mất gậy, rụng răng...

Bác không từ chối một từ nào không dùng miễn là từ ấy dùng đúng chỗ, dùng đắt. Bác đem rất nhiều những từ dùng hàng ngày vào trong thơ mà những từ ấy không làm cho thơ Bác tầm thường đi, trái lại câu thơ của Bác càng sinh động, càng thực, càng xúc động lòng người.

Bác không từ chối các cách nói từ ẩn dụ, tượng trưng, ước lệ, chơi chữ, chiết tự, nói nhại, đến cách nói trực tiếp, cách nói hiện thực, rất thực, rất thẳng mà rất sâu.

Trong thơ Bác, trữ tình và tự sự, lãng mạn và hiện thực, cổ động và giáo dục, phản ánh và triết lý... đã kết hợp với nhau một cách chặt chẽ, một cách nghệ thuật. Trong thơ Bác, nhất là trong *Ngục trung nhật ký* Bác thích dùng đối chọi giữa các mặt đối lập, tạo nên một sự châm biếm có

khi nhẹ nhàng có khi gay gắt, nhưng cuối cùng gây một nụ cười sâu sắc, khoái trá. Đó là nghệ thuật trào lộng của Bác, rất Việt Nam và rất hiện đại. Thơ Bác rất hiện đại và rất Việt Nam ngay cả ở những bài thơ Bác viết bằng chữ Hán. Ta có thể đọc rất nhiều những câu thơ mang sự đối lập đó :

Ta thì người dốt, lộn người khiêng

*Muốn để pha trà, đừng rửa mặt,
Muốn đem rửa mặt, chớ pha trà.*

*Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội
Trong tù đánh bạc được công khai :*

*Cũng là đi Trùng Khánh,
Cũng là bạn Trung Hoa,
Anh ngồi trên phòng khách,
Tôi ở dưới nhà pha.*

*Tự do thử hỏi đâu là ?
Lính canh trở lời thẳng ra công đường.*

Chính những sự đối lập ấy đã tạo ra sự buồn cười, và những bài thơ của Bác dù nói đến gian khổ mà vẫn trào lộng, nói đến kẻ thù mà pha lẫn sự căm giận với sự khinh khi. Cái cười là vũ khí của người mạnh. Bác đã sử dụng vũ khí của người mạnh đó mà sử dụng một cách tài tình. Đọc thơ Bác luôn luôn chúng ta gặp một nụ cười, độ lượng mà tế nhị, gay gắt mà thấm thía, một nụ cười riêng của Bác: căm giận, mỉa mai, chua chát, xót xa nhưng không rơi vào

bi kịch ; vui, đùa, bốn cợt nhưng không đi đến khô hài. Chúng ta sẽ biết phân tích làm sao về nụ cười đó trong thơ Bác, người lãnh tụ nhà thơ, nhà hiền triết người hành động, nụ cười trí tuệ rất sâu.

Chúng ta đã nói sự bình dị tuyệt diệu trong thơ Bác. Sự bình dị tuyệt diệu đó chính là bắt nguồn từ con người của Bác, từ cuộc sống hàng ngày của Bác.

Bình dị mà không tầm thường. Giản dị mà không đơn giản. Một người nhìn cuộc sống từ nhiều mặt đối lập của nó, nhìn hiện tại mà hướng về tương lai, coi trọng tư tưởng mà rất chú ý đến nghệ thuật (dẫu không làm ra nghệ thuật) như Bác làm sao mà đơn giản được?

Thơ của Bác không hề đơn điệu, cả về đề tài và cách biểu hiện, cả thể thơ và giọng thơ.

Ta hãy đọc :

*Núi áp ôm mây, mây áp núi,
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ...*

(Mới ra tù tập leo núi)

Với :

*Đầy mình đỏ tím như hoa gấm,
Sốt soạt luôn tay tựa gảy đàn;*

(Ghê)

Rồi đến :

*Hòn đá to
Hòn đá nặng
Chỉ một người
Nhắc khôngặng*

*Hòn đá nặng
Hòn đá bền...*

(Hòn đá)

Và :

*Ao, ào, ào...
Ao, ào, ào...
Già nào
Trẻ nào
Lính nào
Dân nào
Đàn ông nào
Đàn bà nào
Kẻ có súng dùng súng
Kẻ có dao dùng dao...*

(Bài ca du kích)

Trong thơ Bác có chất "dân gian" mà sâu sắc, có chất "bác học" mà không cầu kỳ. Và hình như Bác không thích sự cầu kỳ hiểm hóc vì tâm hồn Bác luôn luôn hướng về quần chúng đông đảo.

Không dễ gì mà hiểu được sự giản dị tuyệt vời trong thơ Bác. Chúng ta muốn dùng từ đó như các nhà phê bình Trung-quốc ngày xưa đã dùng để ca ngợi một số nhà thơ, bài thơ như thế. Đó là chữ "giản diệu", giản dị tuyệt diệu, một từ ngữ rất hay, rất hợp với Bác, với thơ Bác.

Biết bao nhiêu nhà thơ đã mong muốn đạt đến chữ đó trong thơ mà không được. Bác Hồ làm thơ và thơ Bác đã đạt đến chỗ sâu sắc trong tư tưởng, giản diệu trong nghệ thuật.

Bác Hồ làm thơ bằng tiếng Việt. Bác sử dụng rất thạo tiếng Việt đã đành, Bác làm thơ bằng chữ Hán, Bác lại cũng

sử dụng rất tài tình chữ Hán, mà là thứ chữ Hán mới, chữ Hán hiện tại.

Nghệ thuật thơ Đường, Bác nắm vững quá đi rồi. Hãy đọc bài thơ :

*Chim mới về rừng tìm chôn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không
Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết lò than đã rực hồng*

(Chiều tối)

Đó là một bài thơ tứ tuyệt, với thể thơ khó làm, nhất là khó làm cho ra "Đường". Câu đầu nói về con chim đi xa mới mệt về chiều đang tìm chỗ đỗ (tác giả cũng thể thôi, bị giải đi chiều đến rồi cũng mong có chỗ nghỉ). Làn mây giữa tầng không, làn mây che mặt trời cũng uể oải như thế, cũng muốn tìm chỗ trú chân (ở chân trời ? !). Còn cô em trong xóm núi (có biết xóm núi thì mới hay cảnh chim mới và mây trôi) thì đang xay ngô, một công việc cũng không ít nặng nhọc, và cô em cứ xay hoài cho đến khi hết cũng vừa lúc đó lò than đã đỏ (báo hiệu bữa cơm chiều). Tất cả ba câu thơ trên đều miêu tả sự mệt mỏi, vội vã, nặng nề. Giá như chỉ dừng lại đó thì nhà thơ Hồ Chí Minh của chúng ta cũng không khác gì nhà thơ Liễu Tông Nguyên đời Đường với bài thơ *Giang tuyết* ⁽¹⁾, bài thơ rất hay nhưng hết sức tĩnh mịch đầu

(1) *Thiên sơn diều phi tuyết
Vạn kinh nhân tông diệt
Cò thuyền xuy lập ông
Độc diều hàn giang tuyết*

Nghĩa là :

Nghìn non bóng chim bay đã tắt
Muôn nẻo, dấu người mất
Trên chiếc thuyền cô đơn, ông già mang tôi đội nón
Một mình câu tuyết sông lạnh

câu "*Thiên Sơn điều phi tuyết*" và kết thúc bằng câu "*độc điều hàn giang tuyết*", nghĩa là một bài thơ lẽ loi quá chừng, lạnh lẽo quá chừng ? Nhưng Hồ Chí Minh rất Đường mà lại không Đường một tí nào về tư tưởng !

Với một chữ *hồng*, Bác đã làm sáng rực lên toàn bộ bài thơ, đã làm mất đi sự mệt mỏi, sự uể oải, sự vội vã, sự nặng nề đã diễn tả trong ba câu đầu, đã làm sáng rực lên khuôn mặt của cô em sau khi xay xong ngô buổi tối. Chữ *hồng* trong nghệ thuật thơ Đường người ta gọi là "*Con mắt của thơ*" (thi nhãn) hoặc là "*nhân tự*" (chữ mắt), nó sáng bừng lên, nó cân lại, chỉ một chữ thôi, với hai mươi bảy chữ khác dấu nặng đến mấy đi chẳng nữa.

Với chữ *hồng* đó, có ai còn cảm giác nặng nề mệt mỏi nhọc nhằn nữa đâu, mà chỉ thấy màu đỏ đã nhuộm lên cả bóng đêm, cả thân hình cả lao động của cô gái đáng yêu kia. Đó là màu đỏ của tình cảm Bác. Nghệ thuật "Đường thi" của Bác tuyệt vời là như vậy.

Tôi muốn dẫn thêm một thi dụ nữa là bài *Ở Lai Tân*:

*Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,
Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh.
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.*

Ba câu đầu chỉ là những câu kể việc, nói về hình tượng cũng không có gì là đặc biệt lắm nhưng mỗi nhân vật đều có một việc làm khác nhau mà đặc biệt giống nhau về sự thoỉ nát, nhất là khi "quốc gia hữu sự". Giặc đến rồi, "thiên hạ đại loạn" rồi, thế mà những tên quan lớn, quan bé chỉ lo đánh bạc, ăn tiền, hút thuốc phiện, hay dù là "làm việc công" đi chẳng nữa, thế thì chúng nó là cái gì ? Là hạng

ưu thái bình à ? là hạng hưởng thụ thái bình trong "đại loạn" à? Bác không cần dùng chữ "đại loạn" mà chỉ nói "thái bình", cứ nói như không: "*Trời đất Lai Tân vẫn thái bình*". Với câu đó, mà nghệ thuật thơ Đường người ta gọi là "*Cảnh cú*", một câu thơ nó kêu lên, nó rung chuyển những câu thơ khác, bài thơ vốn phẳng lặng bỗng ngân vang, bỗng giục giã, bỗng gây ra những xúc động đặc biệt.

Bác quá thừa tài năng để làm những bài thơ rất "nghệ thuật thơ Đường", rất mùi vị thơ Đường, nhưng tại sao phần lớn thơ Bác lại là chọi lại nghệ thuật đó vì Bác muốn tìm một nghệ thuật mới hơn, khác hơn, một ngôn ngữ mới hơn dẫu trong khuôn khổ thơ cũ. Vì tư tưởng của Bác là tư tưởng của người cộng sản. Ấy thế mà có người lại bảo là để lẫn một số bài thơ của Bác vào thơ Đường, Tống cũng không ai phân biệt được. Sao lại không ai phân biệt được ? Thơ của người cộng sản tất nhiên phải khác thơ của các nhà nho. Và cái hay của thơ Bác đâu phải nhất thiết là ở chỗ giống thơ Đường, Tống. Chúng ta có thể tìm ra rất nhiều bài thơ ; câu thơ chọi lại thơ Đường, Tống. Bác nhại lại những câu thơ đó thật là vui. Thí dụ người ta nói :

Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu
(Khuyên anh hãy cạn một ly rượu)

Bác nhắc lại :

Khuyến quân thả ngật nhất cá bão
(Khuyên anh cứ chén cho no bụng)

Bốn chữ "ngật nhất cá bão" bạch thoại một trăm phần trăm chẳng "Đường" một tí nào cả. Mà không phải chỉ có bốn chữ này là bạch thoại.

Người ta nói :

*"Tá vắn tửu gia hà xứ hữu
Mục đồng dao chỉ Hạnh Hoa thôn"*

(Thử hỏi ở đâu nhà bán rượu
Mục đồng xa trở Hạnh Hoa thôn)

Bác nhại lại :

*"Tá vắn tự do há xứ hữu
Vệ binh dao chỉ biện công môn"*
(Tự do thử hỏi đâu là
Lính canh trở lối thẳng ra công đường)

Sự chọi lại đó đặc biệt tập trung trong bài *Cảm nghĩ khi đọc tập "Thiên gia thi"*. Bác đã phê phán thơ Đường, Tống.

*Thơ xưa thiên về yêu vẻ đẹp của thiên nhiên
Sông, núi, khói, hoa, tuyết, gió, trăng*

Còn ai phê bình nghiêm khắc và có tình như Bác.

Chúng ta ngày nay đọc lại thơ Bác, hiểu sâu một tâm hồn thơ phong phú mà nhất quán, rất nghệ thuật mà không chịu dừng lại ở một lối diễn tả nghệ thuật nào. Nhà thơ cộng sản ấy thật là vĩ đại. Bác làm việc không mệt mỏi vì cách mạng, vì dân tộc, vì nhân dân; chúng ta còn phải làm việc không mệt mỏi để khám phá về Bác, về cuộc đời, về tư tưởng và về thơ văn của Bác.

19-5-1976

(Báo Văn nghệ số 667, 668 và 669,
Năm 1976)

NÓI CHUYỆN THƠ BÁC

HOÀI THANH

I

Thơ Bác không nhiều. Chỉ có hai tập : tập *Nhật ký trong tù* gồm hơn một trăm bài thơ chữ Hán Bác viết từ mùa thu 1942 đến mùa thu 1943 trong các nhà tù của bè lũ Tưởng Giới Thạch ở Quảng Tây và một tập nữa chưa đến một trăm bài gồm những bài thơ tiếng Việt và chữ Hán Bác viết trong thời gian ở Pắc Bó, trong thời kháng chiến chống Pháp và những năm về sau cho đến ngày Bác mất.

Trong sự nghiệp vĩ đại của Bác, thơ chỉ là một phần nhỏ. Nhưng nhỏ là so với sự nghiệp của Bác. Cứ lấy riêng ra thì đâu có phải là nhỏ. Thơ Bác, nhất là tập *Nhật ký trong tù*, sau khi được in ra, đã rất nhanh chóng trở thành một sự kiện lớn trong đời sống văn học ở Việt Nam.

Người ta không những muốn đọc mà còn muốn nghe. Nghe ngâm, nghe nói. Từ ngày thơ Bác được in ra, đã có hàng mấy ngàn cuộc nói chuyện ở các đơn vị bộ đội, các cơ quan, các hội nghị, các trường học, các xí nghiệp, các hợp tác xã ở khắp nơi. Hàng triệu người đã say sưa nghe thơ Bác. Có người nghe đi nghe lại đến mấy lần.

Do đâu mà có một sự trân trọng, một sự thiết tha như vậy đối với thơ Bác ? Có những câu thơ của Bác như trong các bài thơ chúc Tết ta cứ nghĩ già ta viết e cũng được. Nhưng nếu ta viết thì chỉ có mình ta đọc mà thôi. Còn lời Bác thì cả nước cùng nghe. Cho nên không phải không có người nghĩ thơ Bác được hoan nghênh vì đó là thơ của Bác. Nghĩ thế không phải không có một phần đúng. Nhưng chỉ đúng một phần rất nhỏ thôi. Trong lĩnh vực văn thơ, yêu qui nhau là một chuyện, yêu quý văn thơ của nhau lại là chuyện khác. Có những người, ta hết sức yêu quý, bố ta, mẹ ta, vợ ta, chồng ta, nhưng nếu nhờ những người ta yêu quý có thơ thì không chắc thơ ấy được sự yêu quý của chúng ta. Nói thế là để nói nhân dân ta yêu thơ Bác chủ yếu là vì thơ Bác hay.

Viện Văn học nhận định "Ngục trung nhật ký" không những là một văn kiện lịch sử vô giá mà còn là một tác phẩm văn học lớn có tác dụng giáo dục sâu sắc phẩm chất, đạo đức cách mạng cho tất cả chúng ta ngày nay.

Cũng về *Nhật ký trong tù*, nhà thơ Xuân Diệu viết: "Càng đọc đi đọc lại, càng thấy chùm thơ này là một chuỗi ngọc, một tràng hoa duy nhất".

Và nhà thơ Hoàng Trung Thông :

*Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp
Ánh đèn toả rạng mái đầu xanh
Văn thơ của Bác, văn thơ thép
Mà vẫn mênh mông bát ngát tình*

Thơ Bác là một sự kiện lớn trong đời sống văn học không chỉ ở Việt Nam mà cả trên thế giới. *Nhật ký trong tù* vừa ra mắt bạn đọc là liền được dịch, được giới thiệu, được nhiệt liệt hoan nghênh ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa anh

em. Riêng ở Trung Quốc thì không cần dịch, cứ y nguyên văn mà in ra và trước sau đã in đi in lại ba bốn lần. Nhiều nhà văn, nhà thơ Trung Quốc đã có bài hết lời ca ngợi thơ Bác. Chỉ xin trích một lời bình luận của Triệu Phác Sơ đăng trên *Nhân dân Nhật báo* vào cuối năm 1972 : "Hồ Chủ tịch nắm vững luật thơ mà không để cho luật thơ gò bó, có khi đột phá luật thơ mà vẫn giữ nguyên cái hay của âm điệu. Về thể loại là thơ cổ điển nhưng lời thơ lại có tính hiện đại và tính quần chúng. Giọng thơ chân chất, tưởng chừng như cứ phóng tay mà viết thôi, nhưng lại rất là kỳ thú... Thơ Hồ Chủ tịch là những vần thơ thép nên cùng với đất trời còn mãi".

Nhà thơ Cu-ba Phêlich Pita Rôđorighet viết : "Đi vào *Nhật ký trong tù*, cái toà nhà bằng ngôn ngữ vững chắc và đẹp, người ta có cảm giác như mỗi bước đi đều chạm vào gốc rễ sâu xa của một trong những con người kỳ diệu ít có, những con người như những tảng đá lớn làm nền cho nhân loại".

Tại các nước dân tộc chủ nghĩa và ngay ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa thơ Bác cũng rất được hoan nghênh. Trên tạp chí *Châu Âu* của Pháp năm 1967, R. Đơnuý viết : "Thơ Người nói ít mà gợi nhiều, là loại thơ có màu sắc thanh đạm, có âm thanh trầm lắng, không phô diễn mà như cố khép lại trong đường nét để cho người đọc tự thưởng thức lấy cái phần ý ở ngoài lời. Phải yên lặng một mình ngồi đọc thơ Người, phải tỉnh thoả ngừng lại để suy nghĩ mới cảm thấy hết những âm vang của nó và nghe những âm vang ấy cứ ngân dài mãi".

Chinh phục tâm trí người đọc, nhất là người đọc phương Tây, đến mức ấy thật không dễ.

Thơ Bác rất dễ hiểu. Bất kỳ ai đều thấy mình có thể dễ dàng đi theo lời thơ mà bước vào thế giới gần gũi mà trong sáng, đầm ấm vô cùng. Nhưng bất kỳ ai cũng đều thấy thế giới này có đi mãi vẫn không cùng. *Nhật ký trong tù* có bài thơ về một cái quán cháo:

*Lộ bàng thụ ảnh lương âm hạ
Nhất duyên mao tư thị "tửu lâu"
Lãnh chúc, bạch diêm cung thực phổ
Hành nhân quá thử tạm đình lưu*

Lời dịch : (1)

*Ven đường nấp dưới bóng lùm cây
Một túp lều tranh "quán rượu" đây
Chỉ có cháo hoa và muối trắng
Đường xa, khách tạm nghỉ nơi này.*

Vì sao ngòi bút của Bác bỗng dừng lại ở cảnh này, giữa bao nhiêu cảnh liên tiếp xuất hiện trên đường đi ? Làm sao thấy hết được chiều sâu của một bài thơ như vậy ? Chiều sâu của một cái nhìn, một tấm lòng ưu ái vô biên đối với những người khách nghèo trong cảnh đường xa, trời nắng.

II

Có những người làm thơ chia cuộc đời làm hai khu vực. Một bên là những chuyện thơ như gió, trăng, mây, núi, tình yêu... Một bên là những chuyện người ta cho là không nên thơ.

(1) Những bài thơ của Bác nếu là thơ dịch mà không đề tên người dịch, đều trích theo bản dịch của Viện Văn học trong đó phần đóng góp chính là của nhà thơ Nam Trân (đã mất).

Bác thì có thơ về trăng và cũng có thơ về một cái răng rụng, về chuyện đun nấu ở trong tù, cả về chuyện bị ghê.

Đời sống trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch rất cay cực. Thơ Bác còn ghi :

*Tứ nguyệt ngật bất lão
Tứ nguyệt thuy bất hảo
Tứ nguyệt bất hoán y
Tứ nguyệt bất tẩy thảo*

Lời dịch :

*Bốn tháng cơm không no
Bốn tháng đêm thiếu ngủ
Bốn tháng áo không thay
Bốn tháng không giặt giũ.*

Trong tình hình ấy, bị ghê là chuyện tất nhiên. Mà bị ghê thì rất khổ, một thứ khổ khó nói là nên thơ. Nhưng Bác vẫn có thơ và có thơ vui :

*Mãn thân hồng lục như xuyên cãm,
Thành nật lao tao tự cổ cãm ;
Xuyên cãm, tù trung đô quý khách
Cổ cãm, nạn hữu tận tri âm.*

Lời dịch :

*Đầy mình đỏ tím như hoa gấm,
Sốt soạt luôn tay tựa gảy đàn ;
Mặc gấm, bạn tù đều khách quý,
Gảy đàn, trong ngục thấy tri âm.*

Cái làm nên ý vị của bài thơ chính là tinh thần bất chấp, là cái tư thế tự mình coi thường cái khổ của mình, *Nhật*

ký trong tù không phải chỉ có bài Ghé mà còn nhiều bài thơ khác nữa đùa với cảnh khổ ở trong tù theo một truyền thống lâu đời của thơ Việt Nam.

Cũng thời gian ở trong tù, Bác bị một tên lính ngục đánh cắp mất chiếc gậy. Mất một cái gì đâu phải chuyện nên thơ. Thường nó là chuyện bực mình, không khéo còn có thể biến thành chuyện cãi nhau nữa. Nhưng Bác mất gậy lại có thơ và bài thơ *Lính ngục đánh cắp mất chiếc gậy* của Bác là một bài thơ hay :

*Nhất sinh chính trực hựu kiên cường,
Huê thủ đồng hành kỷ tuyết sương ;
Hận bỉ gian nhân ly ngã lương,
Trường giao ngã nhĩ các thê lương !*

Lời dịch :

*Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Diu dắt nhau đi mấy tuyết sương.
Giận kẻ bất lương gây cách biệt,
Hai ta dằng dặc nỗi buồn thương.*

Anh Trần Huy Liệu, trong một bài ca ngợi thơ Bác, nói về bài thơ này có câu : "Của chẳng đáng bao nhiêu nhưng tình thì rất nặng." Phải chăng vì tình nặng nên thành thơ?

III

Những tháng ngày sống trong nhà tù của bọn Tưởng Giới Thạch, từ mùa thu 1942 đến mùa thu 1943, tâm trí Bác luôn luôn hướng về Tổ quốc :

*Tâm hoài cố quốc thiên đường lộ
Mộng nhiều tâm sầu vạn lữ ti*

Lời dịch :

*Nghìn dặm băng khuâng hồn nước cũ
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay*

Ngày nào cũng mong tin và tin mong hoài không có.

*Tổ quốc chung niên vô tin tức
Cố hương mỗi nhật vọng hồi âm.*

Lời dịch :

*Năm tròn cố quốc tâm hơi vắng
Tin tức bên nhà bữa bữa trông.*

Bác nhớ đến một bên nước thân yêu, những nét mặt thân yêu :

*Tịch quân tổng ngã chí giang tân,
Vân ngã quy kỳ, chỉ cốc tân ;
Hiện tại tân điền dĩ lê hảo,
Tha hương ngã tác ngục trung nhân !*

Lời dịch :

*Ngày đi, bạn tiễn đến bên sông,
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng ;
Nay gặt đã xong, cày đã khắp,
Quê người tôi vẫn chốn lao lung !*

Lời thơ phảng phất không khí *Chinh phụ ngâm* nhưng tấm lòng lại là tấm lòng một người chiến sĩ nhớ đất nước, nhớ bạn bè và nhớ cờ chiến đấu. Điểm lại những ngọn cờ lớn nhỏ cùng chống phát xít Nhật ở châu Á, Bác thấy :

*Tinh kỳ đại đích cô tu hữu
Tiểu đích tinh kỳ bất khả vô.*

Lời dịch :

*Cờ to đã hẳn là nên có,
Cờ nhỏ dù sao, thiếu được đâu.*

Trong khi nói cờ nhỏ và khẳng định cờ, dù nhỏ vẫn không thể thiếu, chắc Bác nghĩ đến ngọn cờ lúc bấy giờ của cách mạng Việt Nam. Nó còn nhỏ mà vẫn rất có khí thế. Khí thế ấy, ý chí ấy, Bác cũng đã nói rõ trong thơ, nhân báo chí Quảng Tây đăng tin tình hình Việt Nam có biến động :

*Ninh tử, bất cam nô lệ khổ,
Nghĩa kỳ đảo xứ hựu phiêu dương ;*

Lời dịch :

*Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền.*

Cái điều cực nhất đối với Bác là bị giam cầm mãi không được tự mình xông ra chiến trường cùng với đồng bào, đồng chí. Chính vì thế mà có những đêm Bác trần trọc không sao ngủ được. Đến khi vừa chợp mắt thì lại mơ thấy lá cờ của Tổ quốc:

*Nhất canh... nhị canh... hựu tam canh,
Triển chuyển, bồi hồi, thuy bất thành,
Tứ ngũ canh thời tái hợp nhân,
Mộng hồn hoàn nhiều ngũ tiêm tinh.*

Lời dịch :

*Một canh... hai canh... lại ba canh,
Trần trọc, bồn khoăn giấc chẳng thành,*

*Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

Ai chẳng có những đêm trằn trọc, không ngủ được và trong khi ngủ ai chẳng có những giấc mơ. Nhưng vấn đề là ở chỗ chúng ta có trằn trọc như Bác không? Có mơ như Bác không? Đồng chí Trường Chinh trong quyển *Hồ Chủ tịch, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam* có viết : "Ở Người, lòng yêu mến nhân dân đã trở thành một sự say mê mãnh liệt". Chính sự say mê mãnh liệt ấy của Bác từ lâu đã giáo dục nhiều thế hệ anh chị em chúng ta.

Bài thơ *Không ngủ được* Bác viết vào cuối năm 1942. Lá cờ Bác thấy trong mơ đêm ấy chẳng bao lâu nữa sẽ cùng với thơ Bác tung bay, tràn đầy hào khí, trong những ngày Tết kháng chiến toàn quốc đầu tiên :

*Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến
Chi ta đã quyết, lòng ta đã đồng
Tiến lên chiến sĩ ! Tiến lên đồng bào !
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông
Trùng kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi
Thống nhất độc lập nhất định thành công.*

Hào khí ấy đã đưa chúng ta đến chiến thắng Điện Biên, đến một nửa nước tiến lên chủ nghĩa xã hội :

Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh

như Bác đã chỉ ra trong lời mừng xuân 1961. Cũng hào khí ấy đã đưa chúng ta đến chiến dịch Hồ Chí Minh đầu năm 1975:

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào

đúng như lời mừng xuân cuối cùng của Bác năm 1969.

Và giờ đây, trong giai đoạn mới của cách mạng Việt Nam, trong hoàn cảnh cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, lời thơ Bác để lại trong *Di chúc*, những lời thơ chan chứa tin yêu, vẫn không ngừng nâng đỡ, dìu dắt, cổ vũ chúng ta trên bước đường đi tới :

*Còn non, còn nước, còn người
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay.*

IV

*Lão Phu nguyên bất ái ngâm thi ;
Nhân vị tù trung vô sở vi,*

Lời dịch :

*Ngâm thơ ta vốn không ham
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây ?*

Ở trong tù, không biết làm chi, Bác đành làm thơ. Nhưng việc làm cùng bất đắc dĩ ấy đã để lại cho ta tập *Nhật ký trong tù*, một tập thơ vô giá.

Ngoài *Nhật ký trong tù*, những bài thơ khác của Bác ra đời cũng không do ý định làm thơ. Thường mục đích rất rõ của Bác trong khi viết là làm công tác tuyên truyền cách mạng. Tất nhiên không thể nói tất cả những bài ca tuyên truyền Bác viết đều là thơ. Nhưng có nhiều bài rất đậm chất thơ.

Có một cái ý Bác nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần. Đó là ý:

*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công*

Ý này Bác nói bằng nhiều cách. Có những cách nói một em bé lên năm, lên ba cũng hiểu :

*Hòn đá to
Hòn đá nặng
Chỉ một người
Nhắc không dậy*

*...Hòn đá to
Hòn đá nặng
Nhiều người nhắc
Nhắc lên dậy.*

21-4-1942

Có những cách nói cũng rất dễ hiểu nhưng lại khác. Ví như trong bài *Ca sợi chỉ* in trên báo *Việt Nam độc lập*, ngày 1-4-1942. Bác làm lời một sợi chỉ nó kể lại cuộc đời của mình. Bài ca kết thúc bằng một lời kêu gọi:

*Yêu nhau xin nhớ lời nhau
Việt Minh hội ấy mau mau tìm vào*

Nhưng lời mở đầu rất nên thơ :

*Mẹ tôi là một đoá hoa
Thân tôi trong sạch tôi là cái bông.*

Bởi chỉ là làm bằng bông và có hoa rồi mới có bông. Cái nhìn của Bác đẹp quá. Sợi chỉ bông trở nên có hồn, một mảnh hồn rất trong, dưới cái nhìn của Bác. Nó thực sự cảm thấy tất cả cái yếu ớt, cái mong manh của nó trong cảnh lẻ loi, rời rạc :

*Xưa tôi yếu ớt vô cùng
Ai vò cũng đứt, ai rung cũng rời
Khi tôi đã thành chỉ rồi
Cũng còn yếu lắm ăn ngồi không an
Mạnh gì sợi chỉ con con
Khuôn thiêng biết có vương tròn cho chăng?*

Nhưng đã là chỉ thì có sợi ngắn sợi dài. Sợi dài rất dễ nghĩ : Ta đây dài. Cả sợi ngắn cũng có thể nghĩ : Ta đây ngắn. Cho nên cần nói rõ :

*Càng dài lại càng mỏng manh
Thế gian ai sợ chỉ anh chỉ xoàng ?*

Thành ra bông yếu, chỉ cũng yếu, chỉ ngắn yếu, chỉ dài cũng yếu, không làm nên chuyện. Làm nên chuyện là nhờ có tổ chức, nhờ biết gắn bó với nhau trong tổ chức :

*Nhờ tôi có lắm đồng bang
Hợp nhau sợi dọc sợi ngang rất nhiều
Dệt nên tấm vải mỹ miều
Đã bền hơn lụa lại điều hơn da
Đố ai bứt xé cho ra,
Đó là lực lượng, đó là vẻ vang.*

Làm thế nào để chuyển yếu thành mạnh, đó là vấn đề lớn nhất, cấp bách nhất đối với các dân tộc bị áp bức, đối với cả nhân loại cần lao và vì vậy đó cũng là vấn đề thiết thân nhất đối với tất cả mọi người. *Bài Ca sợi chỉ* đặt vấn đề và giải quyết vấn đề đúng theo mong ước chung mà lại sáng tỏ và chắc chắn như hai lần hai là bốn. Tôi từng có cái may mắn lớn được đọc bài thơ này trước công chúng yêu thơ, thường trước năm ba trăm người, mỗi lần đọc đến đoạn

thơ vừa trích dẫn ở trên, tôi đều thấy bao nhiêu nét mặt sáng ngời lên sung sướng.

V

Tôi còn nhớ mãi cái sung sướng của tôi lần đầu tiên được nghe hai câu thơ :

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.*

Sung sướng vì được nghe những câu thơ hay. Nhưng sung sướng hơn nữa là vì những câu thơ hay ấy lại là của Bác - hai câu này ở trong bài *Cảnh khuya* Bác viết ở Việt Bắc năm 1947.

Xin nói thêm cho rõ. Từ trong tuổi thanh niên, tôi đã sống triền miên nhiều năm trong những vần thơ về thiên nhiên, từ những cảnh trăng nhớ thương của Nguyễn Du, cảnh ao thu trong veo của Nguyễn Khuyến, đến con nai vàng ngơ ngác của Lưu Trọng Lư, cánh cò phân vân của Xuân Diệu, ánh nắng ngẩn ngơ buồn của Huy Cận, và tôi cũng đã nhiều lần nghe lên án chuyện ngâm hoa vịnh nguyệt. Cho nên tôi bước vào cách mạng và kháng chiến lòng rất vui nhưng không phải không có chút băn khoăn. Phải chăng đã là người cách mạng thì phải quên trăng quên hoa ?

Nhưng kìa ! Trăng hoa đã trở về trong thơ Bác, vẫn yêu kiều, vẫn lộng lẫy như xưa !

Về sau, được đọc nhiều bài thơ của Bác, tôi càng thấy thiên nhiên trong thơ Bác rất giống thiên nhiên trong thơ xưa. Trong thơ xưa của ta cũng như của Trung Quốc, trong thơ của các

bài thơ cũng như trong thơ ca dân gian, thiên nhiên nhiều và đẹp. Cũng bởi ta không thể thiếu thiên nhiên trong đời sống. Với ta, một ngôi đình, một ngôi chùa hay một ngôi nhà đẹp không thể nào đẹp nếu không có những màu sắc, những đường nét thích hợp trong khung cảnh thiên nhiên. Dầu không phải là ngôi nhà đẹp mà chỉ là một túp lều tranh thì cũng vẫn phải có gốc tre, bụi chuối.

Thiên nhiên trong thơ Bác cũng nhiều và đẹp. Có những cảnh trời chiều bình yên, đầm ấm :

*Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không ;
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.*

Lời dịch :

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không,
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.*

Hoặc cũng cảnh trời chiều mà lại khác, mở ra sắc như một đường gươm nhưng khép lại nhẹ nhàng, thanh thoát:

*Phong như lợi kiếm ma sơn thạch
Hàn tự tiêm phong thích thụ chi
Viễn tự chung thanh thôi khách bộ,
Mục đồng xuy địch dẫn ngư quy.*

Lời dịch :

*Gió sắc tựa gươm mài đá núi,
Rét như dùi nhọn chích cành cây,*

*Chùa xa chuông giục người nhanh bước
Trẻ đất trâu về, tiếng sáo bay.*

Có người nói nhiều bài thơ Bác rất khó phân biệt với những bài thơ Đường thơ Tống. Đặc biệt, trong thơ Bác, có rất nhiều trắng. *Nhật ký trong tù* có đến mấy bài thơ trắng. Thơ ngoài nhà tù lại càng nhiều trắng. Không những Bác có thơ trắng mà còn có thơ trò chuyện với trắng. Hồi năm 1942 ở Pắc Bó đã có lần Bác hỏi trắng :

*Nam Việt bao giờ thì giải phóng
Nói cho nghe thử, hỡi cô Hằng ?*

Bác hỏi thì trắng trả lời :

*Trắng rằng : "Tôi kính trả lời ông
Tôi đã từng soi khắp núi sông
Muốn biết tự do chảy hoặc chổng
Thì xem tổ chức khắp hay không
Nước nhà giành lại nhờ gan sắt
Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng..."*

Tất nhiên cái chính trong bài thơ là mượn trắng để gửi một vài lời đến đồng bào, đồng chí. Nhưng qua lời thơ, ta cũng thấy trắng ở đây không phải không có đáng đáp riêng, không có hồn riêng.

Ở Việt Bắc, năm 1948, một lần nữa, Bác lại trò chuyện với trắng và lần này thì đúng là trò chuyện đầu chỉ là trò chuyện trong mơ.

Thiên nhiên trong thơ Bác là những cảnh từ hàng ngàn năm nay đã rất thân thiết với chúng ta. Ta có cảm giác như cảnh nào cũng là cảnh của quê hương.

Nét vẽ trong thơ Bác cũng là những nét vẽ từ rất lâu đã

quen thuộc với ta trong thơ, trong tranh thời trước. Nó đơn sơ mà sinh động.

Nhưng chúng ta đều biết nhân đọc tập *Thiên gia thi*, Bác từng có ý kiến phê phán thơ xưa :

*Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ :
Sơn, thủy, yên, hoa, tuyết, nguyệt, phong ;
Hiện đại thi trung ưng hữu thiết
Thi gia dã yêu hội xung phong*

Lời dịch :

*Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp :
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông ;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

Phê phán nhẹ nhàng thôi nhưng thiên nhiên trong thơ Bác, ngoài phần giống thiên nhiên trong thơ xưa, chắc phải có phần khác.

VI

Thiên nhiên trong thơ Bác vừa giống thơ xưa lại vừa không giống. Có khi lời giống, ý giống mà tinh thần lại không giống. Và cứ thế, rất nhẹ nhàng, Bác tặng cụ Bùi Bằng Đoàn năm 1948 :

*Khán thư sơn diều thê song hân
Phê trát xuân hoa chiếu nghiên tri*

Lời dịch :

*Xem sách, chim rừng vào cửa đậu
Phê văn, hoa núi ghé nghiên soi*

Chuyện chim rừng, chuyện hoa núi vẫn thường thấy trong thơ xưa. Nhưng trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến chống Pháp mới bắt đầu, không phải dễ mà nói chuyện chim rừng, hoa núi. Cụ Bùi Bằng Đoàn chắc cũng hiểu thế nên tuy Bác nói chuyện chim rừng, hoa núi mà trong bài thơ hoa lại cụ vẫn viết :

*Tri công quốc sự vô dư hạ
Thao bút nhưng thành thoái lỗ thi*

Lời dịch :

*Biết Người việc nước không hề rảnh,
Vung bút thành thơ đuổi giặc thù.*

Cái mới chính là chất thép trong thơ Bác. Một nhà thơ xưa rất có thể cũng nhìn theo một cánh chim đi tìm chỗ ngủ, một chòm mây trôi nhẹ trên không nhưng thương thì chỉ nhìn theo trong cảnh an nhàn vô sự. Còn Bác thì nhìn theo giữa lúc chân tay đang bị xiềng, bị trói và ngày ngày cứ bị giải đi miết từ nhà lao này sang nhà lao khác, chưa biết đến bao giờ mới được trở về với những công việc lớn đang chờ mình trước cơ hội ngàn năm có một. trong hoàn cảnh ấy mà tâm trí vẫn có đủ cái bình tĩnh, cái thanh thản để nhìn theo một cánh chim, một chòm mây !

Nói về thơ trong tù của Bác, Tố Hữu có hai câu:

*Ôi chân yếu, mắt mờ, tóc bạc
Mà thơ bay... cánh hạc ung dung !*

Thơ Bác là như vậy. Vừa rất xưa vừa rất mới. Đây không chỉ là cái ung dung của các bác hiền giả phương Đông ngày trước mà trước hết là cái ung dung của một chiến sĩ cộng sản nắm chắc bước đi của lịch sử, nắm chắc chiến thắng nên giữa muôn nghìn gian khổ vẫn ung dung.

Sau này, trong kháng chiến, núi rừng Việt Bắc trong thơ Bác lại càng say người. Nhất là trong những bài tràn ngập ánh trăng, như bài này viết năm 1948 :

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên
Xuân giang, xuân thủy, tiếp xuân thiên Yên
ba thâm xứ đàm quân sự
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền*

Lời dịch của xuân Thủy :

*Rằm xuân lồng lộng trăng soi
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân
Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.*

Cảnh đêm rằm trong bài thơ tuyệt đẹp. Nhưng đẹp nhất vẫn là phong thái của Bác, giữa sóng to gió lớn của cuộc chiến đấu, vẫn bình tĩnh và bình dị như không. Cho nên ánh trăng ở đây chính cũng là ánh thép.

Ánh trăng ấy, từ thơ Bác, đã toả ra khắp nơi trên đất nước ta, góp phần tạo nên một phong cách sống và chiến đấu riêng của quân dân ta. Một anh bộ đội Trường sơn, trong những năm chống Mỹ gay go, từng có bài thơ hành quân:

*Ta đi trăng cũng đi theo
Đường xa, dốc núi, đỉnh đèo trăng soi
Bây giờ trăng đã ngủ rồi
Ta đi lòng vẫn sáng ngời ánh trăng.*

Không phải là anh bộ đội cụ Hồ khó mà có được những vần thơ hành quân như thế.

Cùng với câu thơ Bác, đằng sau câu thơ Bác, văng vẳng đâu đây những câu thơ cổ :

*Thế sự thăng trầm quân mạc vấn
Yên ba thâm xứ hữu ngư châu.*

Và :

*Cô tô thành ngoại Hàn sơn tự
Đa bán chung thanh đảo khách thuyền.*

Nhưng đã xa lắm rồi cái không khí man mác buồn trong lời thơ cổ, Thiên nhiên trong thơ Bác thường chứa chan một niềm vui lớn. Bên cạnh những cảnh trời chiều bình yên hoặc xao động, những cảnh trời đêm rực rỡ ánh trăng, thơ Bác cũng rất nhiều những cảnh ban mai tràn đầy khí thế. Người đọc nhớ nhất là cảnh ban mai một hôm Bác bị giải đi sớm:

*Đông phương bạch sắc dĩ thành hồng,
U ám tàn dư tảo nhất không;
Noãn khí bao la toàn vũ trụ,
Hành nhân thi hứng hốt gia nông !*

Lời dịch :

*Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng,
Bóng tối đêm tàn, quét sạch không,
Hơi ấm bao la trùm vũ trụ,
Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng,*

Không thể nào có được những nét bút hùng tráng như vậy ngay trong cảnh tù tội và trước ngày cách mạng thành công nếu không có sẵn trong lòng một niềm tin sắt đá về một bình minh lớn lao trong lịch sử của dân tộc và của loài người.

VII

Trong một bài viết về Bác của đồng chí Phạm Văn Đồng

có câu : "Tình nhân đạo, tình thương đồng bào, đó là điều sâu sắc nhất và tốt đẹp nhất trong con người của Hồ Chủ Tịch."

Đọc thơ Bác, chúng ta cũng có thể thấy như vậy. Cái ánh sáng toả ra từ tâm hồn Bác, qua thơ Bác, trước hết là ánh sáng của tình thương người. Hồi ở Pắc bó, trong những năm 1941 - 1942, Bác có nhiều bài ca kêu gọi các tầng lớp nhân dân cùng nhau cứu nước. Những bài ca ấy đều tràn đầy tình thương. Bao nhiêu tình thương trong một câu nói về người dân cày thời đó.

*Thân người chẳng khác thân trâu
Cái phần no ấm có đâu tới mình.*

Nói tình thương nghe cũng chưa đủ. Ở đây có gì hơn cả tình thương. Ở đây là tự đặt mình vào thân phận của người, mình với người là một.

Nhật ký trong tù còn ghi lại bao cảnh thương tâm. cảnh những cái chăn bằng giấy :

*Cựu quyền tân thư tương bố xuyết,
Chỉ chiên do noãn quá vô chiên;*

Lời dịch :

*Sách xưa, sách mới bồi thêm ấm
Chăn giấy còn hơn chẳng có chăn*

Cảnh no đói khác nhau một trời một vực ngay ở trong tù:

*"Nghạnh" phạm hào soạn thiên thiên hữu,
Cùng phạm cơ diên cộng lệ thủy !*

Lời dịch :

*Tù "cứng" ngày ngày no rượu thịt,
Tù nghèo nước mắt, bọt mồm tuôn,*

• Bên cạnh cảnh đói rét là cảnh chết đói, chết rét.

*Tha thân chỉ hữu cốt bao bì
Thống khổ cơ hàn bất khả chi*

Lời dịch :

*Thân anh da bọc lấy xương
Khổ đau, đói rét hết phương sống rồi*

Bác bị giam chung với những người tù thương. Đối với Bác, họ đều là người xa lạ. Nhưng ai đau khổ là Bác thương. Đói rét : thương. Buồn nhớ : thương. Một hôm bỗng có tiếng sáo ở trong nhà tù Bác nghe tiếng sáo, mà đoán được nỗi niềm nhớ nhà của người thổi sáo. Không những thế, Bác còn nghĩ đến một nơi xa nào đó có người giờ đây tâm trí cũng đang hướng về người thổi sáo :

*Ngục trung hốt thỉnh tư hương khúc,
Thanh chuyển thể lương, điệu chuyển sầu.
Thiên lý quan hà vô hạn cảm,
Khuê nhân cánh thương nhất tăng lâu.*

Lời dịch :

*Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu,
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu.
Muôn dặm quan hà khôn xiết nỗi,
Lên lầu, ai đó ngóng trông nhau.*

Tình thương người từ xưa vốn có một vị trí đặc biệt trong đời sống của cha ông ta. Người Việt Nam ta ăn ở với nhau quý nhất là cái tình. Có thể nói Bác đã kế thừa rất đầy đủ truyền thống lâu đời ấy của dân tộc. Nhưng ở Bác, cũng như ở cha ông ta ngày xưa, không phải là thứ tình thương chung

chung mà bọn Mỹ nguy thường hay khuyến khích. nó là tình thương thật nên rất cụ thể : thương là thương những người đau khổ, những người bị chà đạp và do đó không thể nào không đồng thời căm ghét những kẻ chà đạp lên hạnh phúc, lên tính mệnh của con người.

Ta nhớ rằng những nét vẽ xót xa, căm giận của Bác trên báo *Người cùng khổ* ngày xưa, những nét vẽ từng ghi lại những cảnh xốn xang không thể nào chịu được, nhiều lời thơ của Bác cũng gọi lên những cảnh xốn xang như thế. Đúng là tiếng nói của tình thương, nhưng là một thứ tình thương không buông xuôi, trái lại, có thể nói là một thứ tình thương đầy chất nổ, đầy sức tấn công. Biểu hiện cao đẹp nhất của tình thương ấy trong hoàn cảnh của ta chính là lòng yêu nước.

Tình thương ấy đã thôi thúc Bác dứt khoát rời quê hương đi tìm đường cứu nước, đã dắt dẫn bước đi của Bác giữa sóng to gió lớn của cuộc sống thời bấy giờ, đã đưa Bác đi khắp năm châu bốn biển và cuối cùng đã đưa Bác đến chủ nghĩa Mác - Lênin để từ đó Bác sẽ tạo ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

*Bác ơi, tim Bác mênh mông thế
Ôm cả non sông mọi kiếp người*

TỔ HỮU

Cả sự nghiệp vĩ đại của Bác và của Đảng ta, nhân dân ta gói trọn trong tình thương mênh mông ấy.

VIII

Xã hội thực dân phong kiến là một xã hội tàn nhẫn với phụ nữ và nhi đồng. Có nhìn rõ điều đó mới thấy cái việc bất kỳ đi tới đâu Bác cũng đặc biệt chú ý đến phụ nữ và

nhi đồng là một việc làm có ý nghĩa chính trị rất sâu. Riêng đối với thiếu niên nhi đồng, sự quan tâm của Bác còn gắn liền với vấn đề bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau mà Bác đặt rất cao trong *Di chúc*. Chúng ta đều biết câu nói của Bác : "Vì lợi ích mười năm, trồng cây; vì lợi ích trăm năm, trồng người". Từ năm 1925, Bác đã viết trong cuốn *Đường Kách mệnh* : "Đời này làm chưa xong, đời sau nối theo làm thì phải xong". Rõ ràng cái nhìn của Bác là một cái nhìn có tầm thế kỷ.

Trong những bài ca Bác viết ở Pắc bó, Bác đã dành hai bài cho các em. Một bài viết chung cho các em. Một bài viết riêng cho các em chăn trâu. Bài viết chung mở đầu bằng hai câu:

*Trẻ em như búp trên cành
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan*

Đúng là cách nhìn của Bác : rất âu yếm, rất tươi và rất khoa học. Đối với các em là phải thế. Không nên đòi hỏi quá đáng ở các em. Biết ăn, biết ngủ, thế là ngoan rồi, biết học lại càng ngoan. Nhưng cuộc đời hồi bấy giờ, dưới ách của Nhật, của Pháp, lại đòi hỏi ở các em rất nhiều, nhất là những em con nhà nghèo. Bác rất thương các em nhưng thương mà tin. Tin ở trí thông minh, ở sức quật khởi của các em :

*Người lớn cứu nước đã đành
Trẻ em cũng góp phần mình một tay*

Và Bác hứa :

*Bao giờ đuổi hết Nhật, Tây
Trẻ em ta sẽ là bấy con cung*

Lại một câu theo cách nói riêng của Bác, không thể nhầm được.

Bài viết cho các em chăn trâu kể chuyện các em đang ca hát để nhắc nhở nhau vào Hội Nhi đồng Cứu quốc. Bác dựng lên cho các em một khung cảnh quen thuộc, tưởng chừng như vốn có sẵn từ bao giờ trong ca dao :

*Trên đôi cỏ mọc xanh xanh
Một đàn cò đậu ngoài ghềnh xa xa
Trâu bò lữ bảy, lữ ba,
Ven đôi chen chúc bụi già, cỏ non.*

Sau này, trong kháng chiến chống Pháp, cứ trung thu, Bác lại có thư gửi các em. Thu 1948, Bác viết "Trăng thu soi xuống các cháu êm ái như một người mẹ lành.". Thu 1951, bức thư mở đầu bằng hai câu:

*Trung thu trăng sáng như gương
Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng.*

Sự săn sóc của Bác đối với các em như ở trên chúng ta đã nói, vốn có một ý nghĩa chính trị rất sâu. Nhưng không biết từ bao giờ ý nghĩa chính trị ấy đã biến thành tình cảm hết sức hồn nhiên, cơ hồ như không còn có gì là "chính trị". Trung thu 1952, Bác chỉ nói chuyện tình cảm và nói rất hồn nhiên:

*Ai yêu các nhi đồng
Bằng Bác Hồ chí Minh ?
Tỉnh các cháu ngoan ngoan
Mặt các cháu xinh xinh*

Thật khó mà hình dung đây lại là lời của một vị Chủ tịch nước, của người đang lãnh đạo một cuộc chiến đấu lay trời chuyển đất.

Thu 1953, kháng chiến thắng lợi nhiều bức thư của Bác biến thành một bài thơ và bài thơ vui suốt từ đầu đến cuối:

*Thu này, Bác gửi thư chung
Bác hôn các cháu khắp vùng gần xa
Thu này hơn những thu qua
Kháng chiến thắng lợi gấp ba bốn lần*

Bài thơ kết thúc bằng mấy câu :

*Các cháu vui thay
Bác cũng vui thay
Thu sau so với thu này vui hơn*

Quả thật là thu sau vui hơn thật. Vì là trung thu hoà bình đầu tiên sau tám, chín năm kháng chiến. Nhưng niềm vui chưa trọn. Lần này Bác đặc biệt nhớ các cháu miền Nam.

Tình hình chia cắt càng kéo dài, nỗi nhớ thương càng da diết. Trung thu 1965, trong bức thư của Bác và Bác Tôn gửi các cháu trường Hoàng Lê Kha ở Tây Ninh và tất cả các cháu miền Nam có hai câu:

*Nhớ thương các cháu vô cùng
Mong sao mỗi cháu là một anh hùng thiếu nhi*

Khó mà nói hết mỗi lời thơ, mỗi cử chỉ âu yếm của Bác đã có tác dụng quyết định như thế nào đối với chiều hướng và bước đi của hàng triệu, hàng triệu những cuộc đời đã kế tiếp nhau làm nên sự nghiệp chung của cả dân tộc. Điều chắc chắn là các em thiếu nhi ta trong cả nước đã rất xứng đáng với tấm lòng của Bác. Chưa nói đến những thành tích và cố gắng của các em trong học tập, trong sản xuất và chiến đấu. Chỉ xin nói một tí về tình cảm của các em đối với Bác trong thơ.

Thời kháng chiến chống Pháp, một em thiếu nhi Hà Nội viết cho bạn ở vùng tự do :

*Hôm nay vắng Bác không ca hát
Nhìn ánh trăng mà nhớ Bác thêm*

.....

*Anh có khi nào gặp Bác qua
Thì anh nhớ bẩm Bác rằng là
Nhi đồng Hà Nội đang mong ngóng
Nhớ Bác đôi khi muốn khóc oà*

Nhưng nhớ Bác đến cháy ruột, cháy gan thì không ai như em bé miền Nam trong bài *Cháu nhớ Bác Hồ* của Thanh Hải, mặc dầu Thanh Hải lúc viết bài thơ ấy không còn ở trong lứa tuổi thiếu nhi :

*Càng nhìn càng lại ngẩn ngơ
Ôm hôn ảnh Bác mà ngờ Bác hôn*

Nhớ Bác và ước mơ một ngày nào đó Bác sẽ vào Nam:

*Cổng chào dựng chặt đường quan
Bác đến đình làng, Bác đứng trên cao
Bác cười mắt sáng như sao*

May mắn hơn em bé Hà Nội thời chống Pháp và em bé miền Nam thời chống Mỹ, Trần Đăng Khoa đã lớn lên trong một ngôi nhà có treo ảnh Bác. Em có thơ về Bác từ năm em lên tám tuổi (1966). Ba năm sau, một ngày tháng năm, em được đến chỗ quảng trường Ba Đình. Em thừa với Bác:

*Bác ơi cháu đến đây rồi
Xanh trên nhà Bác, vẫn trời mùa thu*

Nhưng trong lòng em vẫn thấy lo lo.

*Sang năm Bác tám mươi rồi
Bác ơi Bác thấy trong người khoẻ không ?*

Nỗi băn khoăn năm ấy của em Khoa đã nói đúng tâm lòng gắn bó sâu xa của tất cả các em bé Việt Nam đối với Bác.

IX

Một trong những bài thơ hay nhất của Bác là bài *Mừng xuân 1967* :

*Xuân về xin có một bài ca
Gửi chúc đồng bào cả nước ta
Chông Mỹ hai miền đều đánh giỏi
Tin mừng thắng trận nở như hoa*

Lúc bấy giờ là lúc đế quốc Mỹ đang ngày ngày leo thang đánh phá miền Bắc và đang tiếp tục ào ạt đưa quân vào miền Nam. Người ta có thể ngạc nhiên làm sao trong một hoàn cảnh như vậy lại có thể có những lời thơ vừa ngọt ngào vừa say sưa đến thế. Nhưng hai mươi năm trước, mùa xuân 1947, lúc cuộc kháng chiến toàn quốc mới bắt đầu, tình thế còn khó khăn hơn nhiều mà bài thơ mừng Xuân của Bác vẫn hết sức lạc quan.

Và xa hơn nữa, vào đầu năm 1941, khi Bác mới trở về nước, trong tay cơ hồ như chưa có gì, ngày ngày phải sống trong hang, Bác cũng đã khẳng định :

*Non xa xa, nước xa xa
Nào phải thên thang mới gọi là
Đây suối Lênin kia núi Mác.
Hai tay xây dựng một sơn hà.*

Tinh thần lạc quan trong thơ Bác không dừng lại ở mức lạc quan hồn nhiên như trong những câu dân ca thời trước. Nó là một tinh thần lạc quan có căn cứ khoa học. Lạc quan do nắm chắc qui luật tiến hoá của lịch sử. Bác đã có lần viết:

*Sự vật tuần hoàn nguyên hữu định :
Vũ thiên chi hậu tất tinh thiên*

Lời dịch:

*Sự vật vẫn xoay đã định sẵn
Hết mưa là nắng hửng lên thôi.*

Nhưng chỉ nắm qui luật chung như vậy chưa đủ. Còn phải nắm cho được những bước đi cụ thể. Bác từng mượn chuyện nhóm lửa để gợi ý cho ta về bước đi của cách mạng. Nhóm lửa lúc mới đầu thật khó khăn nhưng đó chỉ là chuyện lúc đầu:

*Khi lửa đã chắc chắn bén lên
Thì mưa gió chi chi cũng cháy*

Có nhìn trước được những bước đi như thế của cách mạng mới không chùn bước trước các thử thách, mới luôn luôn giữ vững tinh thần tấn công và nắm chắc phương pháp tấn công như Bác từng chỉ rõ trong mấy câu thơ nói chuyện đánh cờ:

*Nhân quang ưng đại, tâm ưng tề
Kiên quyết, thời thời yếu tấn công,
Thác lộ, song xa đã một dụng,
Phùng thời, nhất tốt khả thành công.*

Lời dịch :

*Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công;
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí
Gặp thời, một tốt cũng thành công.*

Cho nên nói tinh thần lạc quan trong thơ Bác cũng tức là nói tinh thần chiến đấu, nói quyết tâm chiến thắng. Nhất

định không chịu thua địch. Cũng nhất định không chịu thua trời. Ai chẳng có lúc già và trong khi trở về già, không phải không có người cảm thấy buồn buồn. Nhưng năm sáu mươi tuổi, Bác có mấy câu thơ :

*Sáu mươi tuổi hầy còn xuân chán
So với ông Bành vẫn thiếu niên*

Đến bảy mươi tám tuổi cũng không chịu thua :

*Bảy mươi tám tuổi chưa già lắm,
Vẫn vững hai vai việc nước nhà*

Ngay đến khi cái chết đã kề bên, lời *Di chúc* của Bác vẫn lạc quan, vẫn bình tĩnh, có chỗ vẫn như muốn đùa vui : "Phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin".

Có thể nói quân dân ta đã học được khá tốt bài học lạc quan của Bác. Giữa bom đạn ác liệt, các anh chị thanh niên ta vẫn không ngớt tiếng cười vui như Tố Hữu đã ghi lại trong một chuyến đi vào tuyến lửa Khu Tư (1965) :

*Ơi này anh xung phong
Ơi này o du kích
Có nghe thấy gì không ?
Chuyện chi mà rúc rích !*

Được gặp Bác hoặc đọc thơ Bác thường có cảm giác như được gặp tiên. Gặp cái ung dung, cái nhẹ nhàng, cái thanh khiết của tiên. Ngay trước hang Pắc Bó, bên cạnh tảng đá dùng làm bàn viết. Bác cũng trồng một đám hoa. Và khi Bác viết :

*Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang*

thì đó không chỉ là vui mà cũng là nói thật. Cũng thời gian này

bài thơ Bác viết ở Lũng Dẽ cũng gọi lên không khí côi tiên:

*Lục nguyệt nhị thập tứ
Thượng đảo thử sơn lai
Cử đầu hồng nhật cận
Đôi ngạn nhất chi mai*

Lời dịch của Tô Hữu :

*Hai mươi tư tháng sáu
Lên ngọn núi này chơi
Ngẩng đầu: mặt trời đỏ
Bên suối, một cành mai.*

Kế đó là những ngày tháng bị đày đoạ trong tù. Nhưng từ cánh cửa nhà tù, Bác vẫn nhìn trời hỏi :

*Tự do thiên thượng thần tiên khách
Tri phủ lung trung dã hữu tiên ?*

Lời dịch :

*Tự do tiên khách trên trời
Biết chăng trong ngục có người khách tiên ?*

Và có lẽ cũng phải là "khách tiên" thì mới có thể vui với chim, với hoa ngay trong lúc bị giải đi đường:

*Hình tí tuy nhiên bị khẩn bang.
Mãn sơn điệu ngữ dữ hoa hương;
Tự do lâm thưởng vô nhân cảm
Lại thử, chinh đồ giảm tịch lương.*

Lời dịch :

*Mặc dù bị trói chân tay,
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng*

*Vui say, ai cấm ta dừng
Đường xa âu cũng bớt chùng quanh hiu.*

Cái ung dung, thanh thản ấy, Xuân Diệu cho là "lên đến mức thần thánh" trong bài *Giữa đường đáp thuyền đi huyện Ứng*. Hai chân bị treo ngược lên giàn thuyền mà mắt vẫn nhìn theo làng xóm trên bờ và tâm trí vẫn cùng một chiếc thuyền câu nhẹ nhàng rẽ sóng :

*Thừa chu thuận thủy vãng Ứng Ninh,
Hình diêu thuyền lan tự giáo hình.
Lương ngạn hương thôn trừ mật thậm,
Giang tâm ngư phủ diêu thuyền khinh.*

Lời dịch :

*Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ứng Ninh
Lung lẳng chân treo tựa giáo hình.
Làng xóm ven sông đông đúc thế,
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.*

Nhưng lên đến mức thần thánh mà người kể chỉ kể lại một cách tự nhiên, không hề nghĩ có gì là thần thánh.

Cái cốt cách người tiên ấy, Bác đã giữ suốt trong thời gian kháng chiến chống Pháp : Có những đêm Bác nằm ngủ bên cửa sổ dưới ánh trăng, có những đêm đi về trên những chiếc thuyền đầy trăng, có những lúc mơ màng trò chuyện với trăng. Nơi Bác ở đầy những hoa với chim và tuy lúc này Bác đã trở thành vị lãnh tụ tối cao không những của Đảng mà của cả Nhà nước, chiều chiều Bác vẫn xách ống bương đi tưới rau rất tự nhiên và Bác kể chuyện tưới rau cũng rất tự nhiên:

*Sơn kính khách lai hoa mãn địa
Tùng lâm quân đáo điệu xung thiên
Quân cơ quốc kế thương đàm liễu
Huê dũng giai đồng quán thái viên.*

Lời dịch của Xuân Thuỷ :

*Đường non khách tới hoa đầy,
Rừng sâu quân đến, tung bay chim ngàn.
Việc quân việc nước đã bàn
Xách bương, dắt trẻ ra vườn tưới rau.*

Cái cốt cách ấy, Bác vẫn giữ nguyên sau khi trở về Hà Nội. Khó nhất có lẽ là lúc này. Nhưng giữa những lời ngợi ca từ bốn phương vọng lại, Bác vẫn xem mình là một người trong muôn vạn người. Giữa trăm công ngàn việc, ngày ngày Bác vẫn tập thể dục, vẫn trồng rau, trồng hoa y như thời ở Pắc Bó. Không khí chung quanh ngôi nhà sàn của Bác vẫn là không khí côi tiên.

Có thể nói Bác đã sáng tạo ra một kiểu người tiên. Một sự kết hợp kỳ diệu giữa những ước mơ trong sáng của nhân dân ta từ xưa với cái cao đẹp vô song của nhân sinh quan cộng sản. Tiên mà không xa lánh cõi đời, không nhớn nhợ vô sự. Trái lại, rất hoạt bát, khẩn trương ở ngay nơi đầu sóng ngọn gió, lòng dào dạt yêu thương và nóng bỏng căm thù mà vẫn nhẹ nhàng, vẫn bình dị, vẫn ung dung. Bởi vô luận trong hoàn cảnh nào cũng sống thuận theo lẽ trời và đúng với đạo người nên luôn luôn làm chủ bản thân mình, làm chủ công việc mình, làm chủ tình thế.

Tuần báo Văn nghệ giải phóng
từ 14-8 đến 16-10-1976

ĐỌC THƠ BÁC

LƯU TRỌNG LƯ

Đồng chí Hoàng Quảng Bình, thuật lại một quãng đời hoạt động của Bác ở Vân Nam vào những năm 1937 - 1938 có nói :

"Bác không làm ai kinh ngạc, Bác ở gần ta trở thành người cha, người anh của ta lúc nào ta cũng không biết... Ban ngày tôi bận cắt tóc, Bác hay xuống bếp chế củi, thổi cơm.

"Nhớ lại lúc đầu gặp gỡ, Bác không vô vập nhưng Bác đi sâu vào đời sống gia đình, giúp đỡ mọi việc thực tế, quan tâm thực sự đến đời sống vật chất và tinh thần của chúng tôi, nên cảm hoá được mọi người trong nhà, gây được một nếp sống khác hẳn. Nhất là đối với cháu Hải, Bác chăm sóc nó thật chu đáo, hơn cả tôi là bố nó. Nó ngủ nghèo đầu thì Bác sắp gối, nhẹ nhàng đặt nó nằm thẳng lại. Đêm Bác dậy mấy lần đắp lại chăn cho nó, Bác luôn luôn lo cho nó ấm, đề phòng nó sưng phổi. Bác sờ bụng nó thấy ăn no mà giải rút buộc chặt thì lại nới ra..." (1).

Những mẫu chuyện như thế này về Bác hôm nay lại đến trong trí tôi, giúp tôi thêm hiểu thơ Bác.

(1) Xem Bác Hồ, tập hồi ký của nhiều tác giả. Nxb Văn học, 1960, tr 129.

Thật vậy trong cuộc sống và cả trong thơ văn không bao giờ Bác dùng đến chiêng trống âm ỉ. Trong bài *Mở đầu tập Nhật ký* (Nhật ký trong tù), Bác đã nói:

*Lão phu nguyên bất ái ngâm thi,
Nhân vị tù trung vô sở vi.
Liệu tả ngâm thi tiêu vĩnh nhật,
Thả ngâm thả dãi tự do thi.*

Ngâm thơ ta vốn không ham,
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây.
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.

Lắm lúc ở Bác tôi không tách thơ ra khỏi sự sống được hay trái lại. Tứ thơ, ý thơ của Bác bình dị như sự sống, lẫn đi trong sự sống hàng ngày. Có lúc ở một vài bài tôi vừa thoáng thấy một tứ thơ, lơ đãng một chút mất ngay ; phải đọc đi đọc lại tìm mãi, tìm mãi mới ra. Trước đây Bác có những bài như bài *Quán trọ* nói chuyện bát cháo hoa, hạt muối trắng bên đường, thật là xúc động nhưng cũng khó nói là thơ ở chỗ nào. Đọc một loạt bài đầu của tập thơ (mới) này, ta tưởng như Bác không có ý gì làm thơ cả. Ta chỉ thấy Bác cầm bút lên như để phổ biến một chính sách của Đảng, mượn ít câu văn vần để làm cho quần chúng dễ nhớ, dễ truyền miệng. Lắm bài như *Ca công nhân*, *Ca dân cày*, *Ca binh lính*, *Kêu gọi phụ nữ*, *Kêu gọi thiếu nhi* v.v... thật đúng là những lời kêu gọi, tuyên truyền vào hội Việt Minh, là những "truyền đơn". Thế thôi. Nhưng kỳ diệu, truyền đơn kêu gọi đó lại *đầy dẫy* tình người, lòng người. Những câu diễn ca hoặc văn vần đó lại là những bài thơ hay. Vì thơ, trước hết, chả phải cái gì khác hơn là tiếng nói của lòng người.

Mở đầu bài *Ca công nhân*, Bác viết :

*Thành ai đắp, lâu ai xây
Tàu kia ai đóng, than đây ai sàng ?
Bao nhiêu của cải kho tàng
Ai đào bạc, ai luyện vàng mà nên
Công nhân sức mạnh nghề quen
Làm ra của cải cho thiên hạ nhờ.
Mà mình quần rách áo xơ
Tiền công thì bớt mà giờ thì thêm
Lại còn đánh chửi tấn phiến
Cúp lương tháng trước, phạt tiền hôm qua
Càng nghĩ lại càng xót xa
Vì ta mất nước mà ta phải hèn...*

Đoạn trên Bác nêu lên công lao của công nhân là người sáng tạo ra của cải vật chất ở trên đất nước này. Chỉ một chữ "nhờ" thôi (thiên hạ nhờ) cũng làm bật được cái vai trò chủ chốt của giai cấp. Đoạn dưới Bác nêu lên những nỗi lầm than đau xót của công nhân. Hai đoạn đó chẳng khác nào hai bức tranh trái ngược nhau, cùng ghép vào một khung để cho chúng ta cùng xem và cùng gẫm ! Người hoạ sĩ như lách mình đi mà ta chỉ thấy một người thợ ghép, hay đóng khung rất bình thường vậy. Đến cái câu kết luận của Bác:

*Càng nghĩ lại càng xót xa
Vì ta mất nước mà ta phải hèn*

thì như đã có sẵn ở trong lòng mỗi người công nhân, mỗi người dân lao động.

Với những người này, có lẽ có khi không cần có "đại văn chương" mà chỉ cần một ngón tay dịu hiền khảy nhẹ là lòng

họ bung ra. Thật ra tự bao giờ người công nhân không phải đã không cảm thấy từ trên da thịt của họ nổi nhục mất nước. Cho nên chỉ với mấy chữ đơn sơ, Bác đã rọi lên cái nguồn gốc của bao nhiêu đau khổ của giai cấp. Trong giai đoạn bấy giờ - mà nay cũng thế - đau khổ của giai cấp hoà chung trong đau khổ của Dân tộc, của Đất nước. Cho nên cái nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp công nhân là nằm trong hai chữ : cứu nước.

*Thợ thuyền ta phải đứng ra
Trước ta cứu nước sau ta cứu mình*

Hai chữ "đứng ra" nói lên vai trò tiên phong của giai cấp.

Và cuối bài ca Bác gọi ra một triển vọng rất nức lòng, cái ngày mà ta cứu nước thành công, công nhân được thực sự làm chủ :

*Bao giờ khôi phục nước nhà
Của ta ta giữ, công ta ta cầm*

"Của ta ta giữ" lại "công ta ta cầm" nói lên người chủ và rõ ràng là người chủ công nhân. *Bài ca công nhân* chỉ phổ biến đường lối "công vận" tuyên truyền kêu gọi công nhân "đứng ra". Nhưng lời nô nôm na mộc mạc, trong sáng, lý gầy gọn rõ ràng dễ thuyết phục. Len vào đó một giọng nói thân mật, thủ thỉ, mộc mạc, chân thành. Không có một sự đồng cảm giai cấp sâu xa, không thể có lời thơ ấy được. Giọng thơ nô nôm na, mộc mạc, chân thành ấy chúng ta lại gặp trong một loạt bài.

Nói về nông dân thì :

*Thân người chẳng khác thân trâu
Cái phần no ấm có đâu đến mình*

về thiếu nhi thì :

*Trẻ em như búp trên cành
Biết ăn ngủ biết học hành là ngoan
Chẳng may vận nước gian nan
Trẻ em cũng phải lâm than cực lòng
Học hành giáo dục đã không
Nhà nghèo đã phải làm công cày bừa
Sức còn yếu, tuổi còn thơ
Mà đã khó nhọc cũng như người già*

Rồi :

*Bao giờ đuổi hết Nhật Tây
Trẻ em ta sẽ là bầy con cưng*

và riêng với trẻ chăn trâu :

*Ai nghe mà chẳng động lòng
Khá thương con trẻ mục đồng Việt Nam.*

Thật ra khi nói đến các cháu, lòng Bác bao giờ cũng thế đấy ! Sau khi về ra bao cảnh đau khổ Bác lại nêu câu hỏi: ai đã gây ra bao cảnh đau khổ đó. Ai đã :

*Làm cho tan cửa nát nhà
Trẻ em vất vả, người già đắng cay ?*

Bài Kêu gọi phụ nữ mở đầu bằng một câu nói lên cả một sự thật lịch sử và cũng chan chứa tự hào :

*Việt Nam phụ nữ đời đời
Nhiều người vì nước vì nòi hý sinh*

Với binh lính Việt Nam còn trong hàng ngũ giặc, bài ca cũng mở đầu bằng một câu hỏi làm cho người cầm súng không

thế không bắn khoăn suy nghĩ :

*Hai tay cầm khẩu súng dài
Ngắm đi, ngắm lại, bắn ai thế này ?*

Chính sách, lời thơ, tình người như các vị thuốc hoà đi trong một thang thuốc, một bát thuốc trên tay.

Văn chương ở trên đời thật quả có trăm đường nghìn đường để đến với lòng người, có trăm cách nghìn cách để tác động đến lòng người. Bác có con đường, có cách của Bác, cái cách khây nhẹ nhàng riêng của Bác, nhất là đối với nhân dân lao động. Những bài ca trên cũng chỉ là những bài văn vần thôi nhưng những bài văn vần đó đã thành lời ca lúc nào ta không biết. Cái vĩ đại là ở điểm xuất phát. Những lời kêu gọi trên kia thật ra đều xuất phát từ một lòng ưu ái lớn mà Bác vốn sẵn có trong lòng. Trong đời làm thơ làm văn chúng ta có khi do một yêu cầu cách mạng mà chúng ta phải làm một vài bài thơ để phổ biến chính sách, để tuyên truyền cổ động, để "dân vận" hay "nguy vận" thì ngọn bút của ta như nặng nghìn cân, "câu thơ" của ta ổng ẹo trăm chiều tưởng như mình làm một bài văn vần hay diễn ca thì đã như sắp phũ tình với cô ả ! Nói cho cùng thơ cũng có trăm loại, loại nào cũng đáng quý. Chỉ lo một điều là tình nghèo thiếu, lòng cần cỗi mà thôi.

Trong tập thơ này cũng như trong tập *Nhật ký trong tù* của Bác chúng ta cũng lại thấy đầy đầy một lòng ưu ái lớn đó. Lời thơ Bác nói đến các chiến sĩ lúc nào cũng thấm thiết. Bác có bài chữ Hán đề là *Tư chiến sĩ* (nhớ chiến sĩ) :

*Canh thâm lộ cấp như thu vũ
Thần tảo sương nồng tự hải vân*

*Khoái tông hàn sam cấp chiến sĩ
Dương quang hoà noãn báo tân xuân*

Anh Khương Hữu Dụng dịch :

Sương khuya xuống tựa mưa thu trút
Sương sớm dày như mây biển dâng
Áo rét gửi mau cho chiến sĩ
Trời loe nắng ấm báo xuân sang

"Sương khuya mưa trút", "áo rét gửi mau cho chiến sĩ" lời thơ vẫn bình dị như bao giờ mà vốn từ lòng toát ra. Cái lòng ưu ái đó chính là lòng lo nước thương dân mà Bác không ngăn được dưới ngọn bút. Trong bài thơ tiếng Việt tặng cụ Đinh Chương Dương, Bác có câu :

*Dân ta hai tròng vào một cổ
Ta liều trăm đắng nuốt ngàn cay*

Lại trong bài thơ chữ Hán tặng cụ Võ Liêm Sơn, Bác cũng có câu :

*Sự dân nguyện tận hiếu
Sự quốc nguyện tận trung*
(Thờ dân tròn đạo hiếu
Thờ nước vẹn lòng trung)

Hai chữ "hiếu", "trung" đầu miệng người xưa từ trong lòng Bác nói ra nghe ngọt ngào và dưới ngọn bút của Bác như toả ra một thứ ánh sáng mới. Trong tập thơ trước, Bác có nói chuyện Bác mộng thấy "sao năm cánh". Tổ quốc chiếm cả giấc ngủ của Bác. Trong tập này, Bác có bài tiếng Việt đề *Cám ơn người tặng cam*. Cũng chỉ nhân có người tặng

Bác gói cam, Bác ngẫu hứng mấy câu để gọi là cảm ơn người tặng cam. Bài thơ đề ngày 8-1-1946.

*Cám ơn bà biếu gói cam
Nhận thì không đúng từ làm sao đây*

*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai*

Chuyện là chuyện người ta biếu Bác gói cam, thế mà câu thơ tự nhiên "vận" vào vận nước. "Khổ tận đến ngày cam lai" thật ra cũng chỉ muốn nói đến vận nước mà thôi.

Hai chữ "ưu ái" đối với chúng ta ngày nay thật ra có một ý nghĩa rộng lớn mệnh mang. Trong lịch sử nước ta mỗi lần có nạn ngoại xâm thì tiếng căm thù lại thét lên, lòng thương yêu đùm bọc nhau lại càng khăng khít (nhiều điều phủ lấy giá gương). Tổ quốc trở nên "ruột thịt" lạ thường ! Thời Trần Hưng Đạo thì "trên dưới một lòng" và những đầu bạc Diên Hồng cùng chum lại mà lo việc chung. Đến thời Lê Lợi, Nguyễn Trãi thì càng nói nhiều đến chữ "ưu ái", chữ "nhân nghĩa". Nhưng thật ra đến thời đại chúng ta những chữ đó lại càng được phát triển và có một nội dung vô cùng phong phú. Cuộc chiến tranh nhân dân của chúng ta ngày nay căn bản phải dựa lên trên bốn chữ : "căm thù và thương yêu" ? Giữa thời đại này, sự tập hợp lớn nhất chính là sự tập hợp của nhân dân, vì thế Hồ Chủ tịch từ giữa cuộc chiến tranh chống Pháp trước đã ghi bằng mấy chữ lớn :

*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công*

Với Bác, đoàn kết không chỉ là một chiến thuật, một chủ trương mà là một tư tưởng cơ bản của cách mạng. Nó đã

hoà vào máu. Nó đã nở thành hoa. Trong thơ Bác đã biểu lộ trên nhiều mặt, từ trong một lời kêu gọi :

*Người người thi đua
Ngành ngành thi đua
Ngày ngày thi đua
Ta nhất định thắng
Địch nhất định thua*

cho đến qua một lời đúc lại như một lời tổng kết :

Sự nghiệp làm nên chữ đồng !

Nó được vẽ ra bằng một hình ảnh cụ thể nhất, dễ hiểu nhất, đại chúng nhất :

*Hòn đá to
Hòn đá nặng
Chỉ một người
Nhắc không dậy*

...

*Hòn đá to
Hòn đá nặng
Nhiều người nhắc
Nhắc lên dậy
Biết đồng sức
Biết đồng lòng
Việc gì khó
Làm cũng xong*

Qua bài thơ *Bài ca sơi chỉ* (một loại ngụ ngôn) Bác làm lời cho bông tự kể đời mình và đồng thời nêu lên một triết lý vừa giản dị vừa sâu sắc. Bài thơ mở đầu bằng những hình tượng rất đẹp :

*Mẹ tôi là một đoá hoa
Thân tôi trong sạch, tôi là cái bông.*

Bằng một giọng trong sáng, bông kể tiếp câu chuyện đời mình :

*Xưa tôi yếu ớt vô cùng
Ai vò cũng đứt, ai rung cũng rời
Khi tôi đã thành chỉ rồi
Cũng còn yếu lắm ăn ngồi không an
Mạnh gì sợi chỉ con con
Khôn thiêng biết có vương tròn cho chăng !*

rồi :

*Càng dài lại càng mỏng manh
Thế gian ai sợ chỉ anh chỉ xoàng*

Nhưng bông như có một phép lạ : sợi ngang sợi dọc cùng hợp lại :

*Dệt nên tấm vải mỹ miều
Đã bền hơn lụa, lại điều hơn da
Đố ai bứt xé cho ra
Đó là lực lượng, đó là vẻ vang.*

Một lời dạy bảo, một ý tuyên truyền, một tư tưởng, một triết lý cứ thế như một làn gió nhẹ lướt trên da, thấm tận thịt, hoà vào máu. Những bài thơ như thế nhất định sẽ có một tác động sâu rộng trong nhân dân lao động của chúng ta.

Bác không đi tìm những điều kỳ lạ. Bác thường nhắc lại một điều hình như ai cũng biết rồi. Nhưng cái điều bình thường nhất ấy qua Bác lại mang một vẻ riêng, mang cả tâm hồn và tư tưởng của Bác, trở nên thấm thiết.

mà nuôi lại càng khó. Bài thơ của Bác làm cho ta nhớ lời Nguyễn Trãi trong bài *Phú Chi Linh*.

*Giầu mũi nhọn, bịt ánh sáng
Biết làm kẻ yếu, biết làm kẻ mạnh*

Nhóm lửa thì khó đây, nhưng khi lửa đã "chắc chắn bén rồi, thì mưa gió chi chi" cũng chẳng sợ. Và :

Gió càng cao ngọn lửa càng cao !

Sự nghiệp chống Mỹ của ta hiện nay càng làm sáng thêm lời thơ của Bác.

Bài thơ của Bác không bao giờ chịu ngừng lại chỗ chưa có thể ngừng được. Hình như nói đến gian lao là Bác phải nói đến sự tất thắng. Cũng như Lê-nin, Bác không quên vẽ trước ra bức tranh đẹp sẽ hoàn thành để cùng ngắm :

*Núi rừng đều bén cháy ào ào
Lửa nung đỏ cả trời sáng toé !*

Nhưng trong chúng ta không ít những người một khi cách mạng thành công dễ quên bài học Bác dạy, cái bài học tuyên truyền từng người một, mở từng lớp huấn luyện năm bảy người, bước từng bước nhỏ từ thấp lên cao, cũng dễ quên những ngày đun từng que củi ướt, phen rách phải che từng ngọn gió lửa. Bác vốn có cách nhìn như thế, giản dị mà thấu suốt vô cùng. Sự bình dị của Bác vốn như có một ánh sáng riêng làm cho con người của ta phải chau tụ lại mà không bị chói chang chút nào ! Sự bình dị ở Bác như đồng nghĩa với sự yêu đời. Rừng đối với Bác không rậm vì Bác thấy từng đường ngang ngõ lách. Bác có được sự bình tĩnh và tinh thần lạc quan cách mạng là vì đã nắm được những quy luật khách

quan của sự vật và thông suốt chuyện xưa nay ! Bác làm cho chúng ta kinh ngạc nhưng sự kinh ngạc không phải từ trên trời xuống, mà từ trong sự sống ra, sự sống rất hàng ngày. Đây là bốn câu thơ kể lại một cảnh sinh hoạt của Bác ở Pắc Bó :

*Sáng ra bờ suối, tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang !*

Sáng ra bờ suối, tối lại vào hang, món ăn hàng ngày chỉ có cháo bẹ với rau măng ; công việc hàng ngày là kê mây hòm đá chông chênh làm bàn ngồi dịch lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô chỉ có thể thôi mà cuộc đời cách mạng thật là "sang". Cũng là một chữ "sang" nhưng đây là cái "sang" của vô sản ! Cuộc sống ở đây chuyển qua thơ như không thêm không vẽ gì thêm mà vẫn cứ sáng ngời ! Bốn câu thơ như không có gì thực ra nó cũng phải xuất phát từ một tâm hồn tràn trề sự yêu đời, tin đời, tràn trề chủ nghĩa lạc quan cách mạng.

Chủ nghĩa cộng sản, nói cho cùng, là cả một sự tin yêu cuộc sống và quyết tâm cải tạo cuộc sống.

*Mừng năm mới, mừng xuân mới
Mừng Việt Nam, mừng thế giới
Đường lên Hạnh phúc rộng thênh thênh !*

Đó chỉ là một bài *Mừng xuân 1961*. Một lời chúc như những lời chúc hàng năm của Bác thôi. Nước nhà không phải là không còn sóng gió, thế giới không phải là không còn sóng gió, nhưng "đường lên Hạnh phúc" vẫn "rộng thênh thênh",

Nói đến chuyện sức mạnh của đoàn kết thì Bác mượn chuyện *Hòn đá* và chuyện *Sợi chỉ* với *tấm vải*. Và nói đến chuyện đoàn kết chiến đấu thì Bác kể chuyện *Con cáo và tổ ong*:

*Tổ ong lũng lảng trên cành
Trong đây mật ngọt ngon lành lắm thay !
Cáo già nhẹ nhẹ lên cây
Định rằng lấy được ăn ngay cho dòn
Ong thấy cáo muốn cướp con
Kéo nhau xúm lại vây tròn cáo ta
Châm đầu châm mắt cáo già
Cáo già đau quá phải sa xuống rồi !*

Với những hình tượng và cách nói ấy cả những người không được cầm cuốn sách bao giờ cũng hiểu được, cũng thấm thía.

Không phải chỉ đó là sự bình dị của bút pháp của nghệ thuật mà chính là sự bình dị của cuộc sống, của cách nhìn. Cách mạng là một điều lớn nhất trên quả đất này. Nghệ thuật cách mạng là một nghệ thuật tinh vi đòi bao nhiêu khéo léo. Bác giản dị vì việc làm cách mạng với việc nhen lửa :

*Lúc leo lét bắt đầu nhóm lửa
Biết bao nhiêu là sự khó khăn
Chỉ đui hui một mảnh gió xuân
Cũng lo sợ có khi tắt mất
Nghĩ ngút khói mặc dầu thổi quạt
Che một bên lại tạt một bên*

"Che một bên lại tạt một bên" cái cảnh người nhen thật là gian khổ. Nhưng không gian khổ, không kiên trì, không khéo léo thì làm sao mà nuôi được ngọn lửa ? Nhen đã khó

vẫn nhẹ như không, thế thôi. Hạnh phúc nhất định sẽ đến. Cách mạng trong nước, cách mạng thế giới nhất định thành công ! Không phải năm 1961 Bác mới có giọng thơ ấy, ngay khi còn ở Pắc Bó Bác đã viết :

*Non xa xa, nước xa xa
Nào phải thênh thang mới gọi là
Đây suối Lê-nin, kia núi Mác
Hai tay xây dựng một sơn hà*

Cách mạng còn ở hang, nhưng cách mạng đã có tư thế chiến thắng.

Trong tập thơ chữ Hán, Bác có bài *Dăng sơn* viết từ 1950:

*Huế trượng đăng sơn quan trận địa
Vạn trùng sơn ủng vạn trùng vân
Nghĩa binh tráng khí thôn Ngưu đầu
Thê diệt sài lang xâm lược quân*

Anh Xuân Diệu dịch :

*Chống gậy lên non xem trận địa
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây
Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đầu
Thê diệt xâm lăng lũ sói cây*

"Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây", cũng vẫn là cái thế mạnh đó !

Lại trong một bài khác đề *Thượng sơn* viết từ 1942:

*Lục nguyệt nhị thập tứ
Thượng đảo thử sơn lai
Cử đầu, hồng nhật cận
Đôi ngạn nhất chi mai*

Anh Tố Hữu dịch :

*Hai mươi tư tháng sáu
Lên ngọn núi này chơi
Ngẩng đầu : mặt trời đỏ
Bên sông, một nhánh mai*

"Cử đầu, hồng nhật cận. Đối ngạn nhất chi mai", trong đó dường như có ẩn ý : Cách mạng sắp thành công và nhánh mai bên sông cũng không thể là nhánh gì khác nhánh mai độc lập, tự do.

Trong bài thơ *Nhớ chiến sĩ*, Bác kể lại một cảnh sương khuya xuống như mưa trút, dày như mây biển, nghĩ đến các chiến sĩ, Bác giục gửi mau áo rét cho chiến sĩ nhưng ngay trong cơn rét, Bác đã cảm thấy nắng ấm rồi :

Trời loe nắng ấm báo xuân sang !

Trong thơ Bác không thiếu những câu nói đến những tin mừng thắng trận trong cuộc kháng chiến này :

Tin mừng thắng trận nở như hoa

hay trong cuộc kháng chiến trước :

Tin vui thắng trận dồn chân ngựa

(Thơ dịch)

hoặc :

*Chuông lâu chợt tỉnh giấc thu
Ấy tin thắng trận Liên khu bay về*

(Huy Cận dịch)

Điều ấy không lấy gì làm lạ. Tin thắng trận dồn dập, từ trước đến nay, vẫn là một sự thật hàng ngày. Nhưng riêng

đôi với Bác, trong lòng Bác, những tin thắng trận đã đến từ lâu, từ lâu nở rộ trong lòng Bác. Trong bài "Tặng các cụ lão du kích" Bác có viết hai câu :

*Tuổi cao chí khí càng cao
Múa gươm giết giặc ào ào gió thu...*

Bác chỉ mới vẽ ra một lão du kích nhưng trong mấy chữ "ào ào gió thu" thật ra đã tràn trề chiến thắng.

Tinh thần lạc quan cách mạng ở trong Bác, thật ra như hoa trăm màu. Nhớ trong tập *Nhật ký trong tù*, có bài *Đêm ngủ ở Long Tuyền*, tay bị trói chân bị cùm, muỗi rệp lại thừa cơ tấn công thế mà vẫn:

Mừng sáng nghe oanh hót xóm gần !

(Thơ dịch)

Câu thơ đó từ trong bóng đen của nhà tù như một cánh chim loáng bạc bay sáng cả trời đất.

Chủ nghĩa lạc quan cách mạng của Bác, không phải tự nhiên mà có. Cái vui, cái đẹp, cái lớn thật ra thấy da trót vỏ mới có được. Nó là kết quả của một sự rèn luyện gian khổ :

*Gạo đem vào giã bao đau đớn
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông*

(Thơ dịch)

Chủ nghĩa lạc quan cách mạng ở Bác có khi là biểu thị một sức mạnh bình thản bên trong. Giữa một cuộc kháng chiến đầy khó khăn mà vẫn :

*Khán thư sơn diều thê song hân
Phê trát xuân hoa chiếu nghiêng tri*

Xem sách, chim rừng vào cửa đậu
Phê văn hoa núi ghé nghiên soi

Ngồi xem sách mà chim rừng vào tận cửa đậu, ngồi phê văn mà hoa núi ghé soi vào nghiên mực thì quả nhà thơ đã thu cuộc đời náo động vào một cái gương sáng lung linh. Hai câu thơ ấy làm cho ta lại nhớ đến Nguyễn Trãi, người đại chiến sĩ chống xâm lăng ngày trước, sau mười năm khua gươm múa bút chống địch đã viết nên hai câu thơ trong mà đẹp vô cùng, nói lên một khía cạnh rất tế nhị của tâm hồn:

*Cửa hé đêm chờ hương quế lọt,
Quét hiên ngay "lệ" ⁽¹⁾ bóng hoa tan !*

Những khi nhiệm vụ hàng ngày đã xong, Bác luôn luôn điểm xuyết cuộc đời :

*Yên ba thâm xứ đàm quân sự
Dạ bán quy lại nguyệt mãn thuyền*

*Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền*

(Xuân Thuỷ dịch)

Bàn việc quân xong, lúc ra về mà trăng đầy thuyền thì cảnh đã đẹp mà lòng người thật cũng no nê sáng khoái.

Lại một lần khác, cũng sau khi "việc nước việc quân" bàn xong, Bác cũng nói lên cái thư thái hả hê của mình như thế:

*Song ngoại nguyệt minh tung cổ thụ
Nguyệt di thu ảnh đảo song tiền
Quân cơ quốc kế thương đàm liễu
Huê chấm, song bàng đôi nguyệt miên*

(1) Lệ : sọt.

Ngoài song trắng dọi cây sân
Ánh trắng nhích bóng cây gần trước song
Việc quân việc nước bàn xong
Gối khuya ngon giấc bên song trắng nhòm

(Nam Trân dịch)

Bàn việc nước việc quân xong, lại kéo gối đối mặt trắng mà ngủ. Thật là một giấc ngủ tuyệt vời ! Nhưng cái cảnh gần Bác nhất có lẽ là cảnh cũng sau khi việc nước việc quân bàn xong, chạy xách cái bương, dắt vài đứa trẻ cùng ra vườn tưới rau :

*Sơn kính khách lai hoa mãn địa,
Tùng lâm quân báo điều xung thiên.
Quân cơ quốc kế thương đàm liễu,
Huê dũng giai đồng quán thái viên.*

Đường non khách tới hoa đầy,
Rừng sâu quân đến, tung bay chim ngàn.
Việc quân việc nước đã bàn,
Xách bương dắt trẻ ra vườn tưới rau.

(Xuân Thủy dịch)

Thật không phải dễ dàng mà có được một phong thái như thế, khi hàng ngày, khi nhiệm vụ đã xong vẫn "chim bên cửa", "trăng đầy thuyền" hay "kéo gối đối trăng mà ngủ" hay "xách bương dắt trẻ tưới rau" ! Bác lúc nào cũng chủ động tự tạo được một thế giới ! Đó là biểu hiện cao độ của một sự bình thản bên trong, đồng thời là kết quả của một cuộc đời đầy sóng gió và đã quen với sóng gió ! Phải là "tiên phong đạo cốt" mà chính là trăm mài nghìn rửa mới có ! Điều đó không gì khác hơn là sự bình tĩnh kỳ diệu của người

lái già dặn, đầu đã bạc đi vì sóng gió, đã quen ra khơi vào
lộng, từng thông thuộc mây sao trên trời, đá ghềnh dưới biển.
Sóng gió bốn bên mà trong mắt Bác như đã trời quang mây
tạnh. Đó cũng là một phong thái bất nguồn từ vận mạng
một dân tộc gian truân nhiều, bão táp lắm và luôn luôn làm
chủ được vận mạng mình !

*

* *

Đọc thơ Bác, cũng như gẫm đời Bác, chúng ta đã học
được bao nhiêu điều : tinh thần "đào núi lấp biển", một lòng
"thờ dân tròn đạo hiếu, thờ nước vẹn lòng trung", một tư
tưởng đoàn kết sâu sắc, một phong cách bình dị, trong sáng
mà độc đáo, và trên hết một chủ nghĩa lạc quan cách mạng
sản sinh từ trong một cuộc chiến đấu dài lâu và gian khổ
! Trong dịp kỷ niệm Lê-nin năm nay, giữa một dòng, giữa
một ngày thủ đô đang chiến đấu và chiến thắng oanh liệt
máy bay giặc Mỹ, chúng ta được cái may mắn đặc biệt là
nghe lại từ trong đài Tiếng nói Việt Nam phát ra, tiếng
nói của Lê-nin, tiếng nói cất lên đã gần nửa thế kỷ, cất
lên giữa những ngày sóng gió của Cách mạng tháng Mười
Nga, tiếng nói sang sảng đầy lòng tin tưởng ở ngày mai.
Sang sảng và đầy tin tưởng ở ngày nay đó cũng là tiếng
nói của Bác đã cất lên như một tiếng gà thức tỉnh từ những
năm đầu của thế kỷ 20 và còn đang cất lên giữa sóng gió
của một cuộc kháng chiến vẻ vang chống Mỹ, một đế quốc
tàn bạo nhất. Người con hiếu đễ tuổi cha mẹ. Người dân
Việt Nam từ Nam chí Bắc hôm nay đang đếm từng sợi tóc
bạc trên đầu Bác. Chúng ta biết : mỗi sợi tóc ấy cũng như

mỗi ý nghĩ, mỗi hành động, mỗi lời nói, mỗi vần thơ của Bác đều gắn bó với vận mạng Dân tộc và Giai cấp. 77 năm trên cõi đời kia thuộc về chúng ta hơn là riêng về Bác... Thơ của Bác đâu phải chỉ là một câu chuyện văn thơ. Đọc một vần thơ của Bác là để gẫm thêm một hành động, một ý nghĩ, một tư tưởng của Bác, và cũng là để phấn đấu cho mỗi giọt máu Việt Nam, ta mang trong mình mỗi chúng ta, ngày thêm tươi thêm hồng, ngày thêm lóng lánh.

(Tập chí Văn học, số 5-1967)

"KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO", TƯ TƯỞNG LỚN VÀ CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO TRONG THƠ BÁC

HÀ MINH ĐỨC

MỘT TIẾNG NÓI THƠ CA,
MỘT TÂM LÒNG SÂU NẶNG VỚI ĐẤT NƯỚC

Hồ Chủ tịch chính là hiện thân của độc lập, tự do, hạnh phúc" (Phạm Văn Đồng). Toàn bộ cuộc đời hoạt động của Người cũng chỉ nhằm vào một mục đích duy nhất là đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc và hạnh phúc của nhân dân. Nửa thế kỷ trước đây, những lời nói tha thiết chân thành của Người trên con đường cứu nước vẫn làm chúng ta xúc động sâu sắc : *"Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu"* (1).

Cũng vẫn là tiếng nói trên, đẹp đẽ và vang sâu của tâm lòng Người với dân với nước khi cách mạng đã thành công: "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn

1. Trần Dân Tiên : *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 46.

tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành" (1).

Nguyện vọng và tư tưởng cao đẹp đó quán xuyên trong toàn bộ hoạt động cách mạng của Người. Cảm hứng chủ đạo trong thơ của Bác cũng không vượt ra ngoài tinh thần ấy. "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" là tư tưởng lớn quán xuyên trong toàn bộ thơ Bác từ những vần thơ về Pác Bó hùng vĩ, những trang *Nhật ký trong tù*, những bài thơ động viên, kêu gọi, chúc mừng năm mới của Người với các đoàn thể và quần chúng nhân dân, cho đến câu thơ cuối cùng của Người trong Di chúc. Tất cả đều bộc lộ sâu sắc chủ nghĩa yêu nước anh hùng của một thời đại mới.

Chủ nghĩa yêu nước anh hùng trong thơ Bác tiếp tục truyền thống thơ ca yêu nước của dân tộc từ hàng ngàn năm lịch sử, từ những lời tuyên ngôn của nghị lực và ý chí quyết tâm của cả một dân tộc đứng lên trong thơ Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi, đến những vần thơ tâm huyết giục giã hành động của Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu. Thơ Bác là bông hoa thắm đỏ, là đỉnh cao của thơ ca yêu nước và cách mạng của giai cấp vô sản ở cả thời kỳ trước và sau Cách mạng. Chủ nghĩa yêu nước anh hùng trong thơ Hồ Chủ tịch được bộc lộ dưới nội dung và sắc thái phong phú. Chúng ta tìm thấy trong thơ Bác những vần thơ tâm huyết canh cánh ngày đêm một lòng với đất nước, những vần thơ hùng tráng nói lên khí thế anh hùng và sức mạnh của dân tộc, những lời thơ động viên kêu gọi mọi người trong nhiệm vụ như lời hiệu triệu và mệnh lệnh chiến đấu. Dù lời thơ viết ra trong ngục tù hoặc giữa không khí khản trương của những ngày chiến dịch, hoặc trong cảm hứng tươi đẹp của một ngày xuân, thơ

1. Hồ Chủ tịch trả lời các nhà báo, tháng 1-1946.

Bác là chất thép chiến đấu, là chất ngọc quý của tâm hồn trong sáng và niềm tin sắt son vào thắng lợi của dân tộc.

Dù lời thơ được viết ra khi Người còn là một chiến sĩ cách mạng đang phải hoạt động trong vòng bí mật, hoặc khi Người đã trên cương vị Chủ tịch nước, vẫn trước sau như một, đậm thấm tình cảm cách mạng. Thơ của Người biểu hiện sâu sắc nhiều vẻ đẹp của tư tưởng lớn "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". "Đó là tư tưởng vĩ đại, tình cảm sâu sắc, tâm hồn trong sáng và nguyện vọng tha thiết nhất của dân tộc ta từ ngàn xưa cho đến ngày nay" ⁽¹⁾.

Thơ ca tuyên truyền của Bác từ những năm hai mươi đầu thế kỷ vẫn còn mang theo bao nỗi niềm của người chiến sĩ cách mạng với dân, với nước :

*"Hai mươi triệu quốc hồn Nam Việt,
Thế cuộc này phải biết mà lo.
Đồng bào bình đẳng, tự do,
Xét mình rồi lại đem so mấy người.
Ngón ngang lời vắn, ý dài,
Anh em đã thấu lòng này cho chưa".*

(Việt Nam yêu cầu ca)

Trong những năm tháng phải xa đất nước, Người lúc nào cũng suy nghĩ và hướng lòng mình về Tổ quốc. "Có thể nói là ông Nguyễn suốt ngày nghĩ tới Tổ quốc và suốt đêm mơ đến Tổ quốc mình" ⁽²⁾. Tấm lòng ấy chìm trong một nỗi ưu tư da diết khi Người phải chịu cảnh tù đày. Những ngày sống trong cảnh mất tự do càng làm cho Người xót xa thông cảm

1. Nguyễn Chí Thanh : *Những bài chọn lọc về quân sự*. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1977, tr. 600.

2. Trần Dân Tiên : *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Sách đã dẫn. tr. 47.

hơn tình cảnh của đất nước trong vòng nô lệ. *Nhật ký trong tù* có nhiều bài thơ thể hiện trạng thái tâm tư của Người trong nhiều đêm không ngủ được... Đã quá nửa đêm, những người bạn tù đã đi vào giấc ngủ say, nhưng riêng Người vẫn không ngủ được. Người ngồi nhìn ngắm với tâm lòng thương cảm xót xa những khuôn mặt tù qua giấc ngủ như đang hiện dần lên những nét lương thiện (*Nửa đêm*). Đêm đã khuya lắm rồi..., lại một đêm lạnh không đệm cũng không chăn, sao Bắc Đẩu đã nằm ngang trên bầu trời mà vẫn chưa yên giấc (*Đêm lạnh*). Người có rất ít giấc ngủ ngon, có thể vì đời sống vật chất trong tù quá kham khổ thiếu thốn, nhưng chủ yếu là do những suy nghĩ, ưu tư của Người với non sông đất nước. Sau này, trong cảnh đẹp nên hoạ nên thơ của đêm trăng trong rừng Việt Bắc, Bác vẫn nhiều đêm thao thức :

*"Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,
Chưa ngủ, vì lo nỗi nước nhà".*

Đi thuyền đêm trên sông Đáy, trăng sáng, trời trong, đêm thanh vắng, cảnh đẹp không làm vội đi mà càng làm cho tình cảm Người dội lên những xúc động và lo lắng cho Tổ quốc :

*"Lòng riêng riêng những bàn hoàn,
Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng".*

Suốt những năm dài của hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp và chống Mỹ, chắc Bác ít có những giấc ngủ ngon⁽¹⁾.

1. Năm 1966, trong một lần thăm Trung Quốc, Bác ngoạn cảnh Hoàng Sơn. Trước tình cảm của nhân dân Trung Quốc và cảnh đẹp Hoàng Sơn, Người viết mấy bài thơ tứ tuyệt. Cảm hứng thi ca của Người có nét vui tươi đầm ấm thấm hoà hợp với cảnh vật, nhưng cũng trĩu nặng ưu tư. Thực ra thì toàn bộ tâm tri của Người lúc này dường như hoàn toàn bị thu hút vào công cuộc chống Mỹ, cứu nước. Bài thứ tư trong chùm thơ sáu bài *Nhật ký thăm núi Hoàng* nói lên sâu sắc tâm trạng đó:

*"Đồng công tặng ngã di trường thi,
Ngã dục tố thi phong hoa chi.
Khả thị kháng Mỹ cứu quốc sự,
Hoàn toàn chiếm lĩnh ngã tâm thi".*

Bác suy nghĩ về vận mệnh của dân tộc, Bác nghĩ đến chiến sĩ, đồng bào còn phải chịu đựng nhiều gian khổ, Bác nghĩ đến các cháu nhi đồng chưa thật sung sướng yên vui. Nhiều nhà thơ đã khai thác nét tâm tư này của Bác ở trong thơ. Katép Yaxin trong tác phẩm *Người đi dép cao su* cũng nhắc đến hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, "*con người thường ít ngủ*", "*con người đi trong những giấc mơ của ta*". Trong những năm kháng chiến chống Pháp, Minh Huệ từ một kỷ niệm thực và xúc động của một đội viên, đã xây dựng một tứ thơ hay, một bài thơ đẹp về Bác: *Đêm nay Bác không ngủ*. Vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc cũng là người cha thân thiết chăm lo đến sức khỏe của bộ đội. Suốt đêm Bác không ngủ, nhưng lại sẵn sóc đến giấc ngủ của từng chiến sĩ :

*"Rồi Bác đi dèm chăn,
Từng người từng người một.
Sợ cháu mình giật thột,
Bác nhón chân nhẹ nhàng".*

Qua *Nhật ký trong tù*, bài thơ *Không ngủ được* là sáng tác trội lên về chủ đề trên qua một tứ thơ sáng tạo, một hình ảnh thơ độc đáo :

*"Một canh... hai canh... lại ba canh,
Trần trọc, bần khoăn, giấc chẳng thành.
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh".*

Thời gian được diễn tả nặng nề theo tâm trạng của người đang trong cảnh lo âu, suy nghĩ, khác hẳn với niềm vui "ngày vui ngắn chẳng tày gang". Thời gian trôi qua chậm chạp, từng khắc, từng khắc..., một canh, hai canh, lại ba canh... Chẳng

cứ phải là không gian mới tạo nên những chồng chất nặng nề, thời gian cũng gói nặng những ưu tư "trần trọc, bần khoăn, giấc chẳng thành". Tuy nhiên ở đây tâm trạng không vương một nét buồn tiêu cực nào, không bồi rồi lo âu, nhất là không hề có sự lạnh lẽo và cô đơn. Loại tứ thơ này khá quen thuộc trong thơ ca đầu thế kỷ XX. Nhiều nhà nho yêu nước cũng nhiều đêm không ngủ hoặc "Nghe tiếng đế ngâm sâu mấy đoạn, Nghĩ tình nước cũ dạ khôn khuây" ⁽¹⁾, hoặc "Bên mình sách cũ dăm pho nát, Trên án đèn con một ngọn mờ" ⁽²⁾. Ý thơ vẫn có một cái gì quẩn quanh, bế tắc trong tâm trạng buồn tiêu cực. Cái thất thế của một thế hệ nhà nho lỗi thời đã gieo nỗi thảm, nỗi buồn vào trong câu thơ. Trong đêm không ngủ, nhiều người nhớ đến người xưa, những tấm gương của cha ông trong quá khứ và nỗi niềm hiện tại, nhưng chưa ai dám nghĩ đến tương lai với một hướng giải thoát, một ước mơ tốt đẹp với mai sau. Trong bài thơ *Không ngủ được* của Bác, tứ không đóng lại bế tắc hoặc quẩn quanh, mà vận động. Cái hướng vận động có hiệu quả hơn cả trong thời gian là từ hiện tại vươn đến tương lai, và trong không gian là từ hiện thực đến mơ ước. Trạng thái ấy thích hợp với tư duy của người chiến sĩ cách mạng của giai cấp vô sản nắm chắc những quy luật vận động của lịch sử và thực tiễn đấu tranh cách mạng. Qua một vài phút chợp mắt, tứ thơ chuyển đột ngột sang câu kết và toả sáng trong một hình ảnh tuyệt đẹp và cũng là hình ảnh duy nhất của bài thơ :

"Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh".

Ngôi sao vàng năm cánh đẹp lộng lẫy bay lượn trong giấc

1. Trần Ngọc Thanh : *An Nam tạp chí* số 5 (9-1926).

2. Dương Tự Hưởng : *An Nam tạp chí* số 7 (10-1926).

mơ tượng trưng cho Tổ quốc tươi đẹp, cho thắng lợi cách mạng. Đó cũng là ngôi sao của chân lý, của lý tưởng và niềm tin, ngôi sao của chủ nghĩa Lê-nin⁽¹⁾. Từ hình ảnh ngôi sao vàng trong bài thơ của Bác, nhiều nhà thơ đã có những liên tưởng đẹp. Hoàng Trung Thông cho rằng, năm cánh sao vàng đó không có gì khác hơn là "tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền"⁽²⁾. Xuân Diệu, tác giả của *Ngọn quốc kỳ*, nhận xét : "Đó là ngôi sao trong tâm tưởng của Bác, ngôi sao Bác đã từng ý niệm, khái niệm từ trong tâm tri của Bác, lại bay ra mà hiện lên mọc dậy để cho hồn mộng của Bác chấp chờn, mơn man ôm lấy sáng và ấm"⁽³⁾. Ngôi sao của trí tuệ, của chân lý và niềm tin ấy đã mọc lên như một vầng sáng lớn lao trong bầu trời vẩn vù mây đen của thời kỳ lịch sử này. Ngôi sao vàng năm cánh đó chính là hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, xuất hiện trong chiến khu của núi rừng Việt Bắc, trong cao trào kháng Nhật của Mặt trận Việt Minh. Trong bài thơ *Mừng xuân 1942*, Hồ Chủ tịch đã nhắc đến hình ảnh đẹp lộng lẫy của lá cờ đỏ sao vàng qua lời chúc :

*"Chúc toàn quốc ta trong năm nay,
Cờ đỏ sao vàng bay phấp phới".*

Ngôi sao đẹp dẫn đường lúc nào cũng in sâu trong tâm tư của Người, như hình ảnh tượng trưng yêu quý của đất nước. Những suy nghĩ và tình cảm tha thiết của Người với dân tộc còn được biểu hiện qua nhiều hình tượng thơ phong phú. Có khi Người gọi lên trực tiếp, thiêng liêng và tha thiết

1. Ý của nữ đồng chí Véc-mét-xơ.

2. *Bác Hồ làm thơ và thơ của Bác*. Văn nghệ số 637.

3. *Ngọn quốc kỳ cờ đỏ sao vàng*. Văn nghệ số 694, tháng 2-1977.

hai tiếng Tổ quốc, sơn hà, quốc hồn, cố hương, Nam thiên, Việt địa... Trong tấm lòng của Người, Tổ quốc Việt Nam đã có một truyền thống vinh quang lâu đời với biết bao anh hùng, hào kiệt, với những trang sử đẹp làm rạng rỡ cho non sông đất nước. Hiện tại đất nước đang rơi vào cảnh đời nô lệ với những thảm trạng đen tối. Nhiều nhà thơ yêu nước đầu thế kỷ thường dùng hình tượng hồn nước trong thơ. Phải chăng hồn nước đã rời bỏ, xa lìa và lạc nẻo bơ vơ nơi đâu ?

*"Hồn cố quốc vẫn vơ vơ vẫn,
Khôn tìm đường dò nhẩn hỏi han.
Bâng khuâng đỉnh núi chân ngàn,
Khói tuôn khí uất, sóng cuộn trận đau".*

Từ đó Phan Bội Châu thiết tha gọi hồn về : "Trời sinh ta có tội gì, Sao cho gọi được hồn về nước ta". Phan Chu Trinh viết bài thơ *Tỉnh quốc hồn ca*, và sau này Phạm Tất Đắc viết *Chiêu hồn nước*. Tác giả *Chiêu hồn nước* với những vần thơ xúc động, thiết tha trong tình cảnh "Đời người đến thế còn gì, Nước non đến thế còn gì nước non" và chiêu gọi hồn nước trở về :

*"Nghien răng nuốt cái then thùng,
Mà chiêu hồn cũ lại cùng nước non".*

Hồn trở về và đừng đắm đuối mê say, đừng mơ mơ mộng mộng, mà phải thức tỉnh, thấy rõ tình cảnh của non sông, đất nước, để lo toan, khôi phục. Những tấm lòng thơ vì nước, vì dân trên thật đáng quý. Thơ của Hồ Chủ tịch không khai thác theo hướng đó. Khi Bác nói quốc hồn đã hàm ý gắn vinh quang của Tổ quốc với trách nhiệm riêng của mỗi người. "Hai mươi triệu quốc hồn Nam Việt, Thế cuộc này phải biết mà lo..." (*Việt Nam yêu cầu ca*). Người không ngưỡng vọng

và hướng về một hồn nước linh thiêng nhưng đang lạc nẻo bơ vơ để chiêu gọi về. Hồn nước chính là lương tâm thức tỉnh, là tình yêu Tổ quốc nồng thắm và hành động cứu quốc dũng cảm của hàng triệu quần chúng lao động.

Nhật ký trong tù mang nặng nỗi nhớ mong đất nước của người con phải ở xa Tổ quốc, hằng ngày hướng về Tổ quốc chờ mong, lắng nghe tin tức.

*"Năm tròn Tổ quốc tăm hơi vắng,
Tin tức bên nhà bữa bữa trông".*

(Túc cảnh)

Toàn bộ những suy nghĩ của Người đều hướng về một Tổ quốc cụ thể, nhân dân đang phải chịu đựng bao cảnh đời lầm than khổ cực. "Nội thương đất Việt cảnh lầm than". Tổ quốc là nơi các đồng chí ngày đêm đang hoạt động cho phong trào, nơi "tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền". Cũng vì thế mà trong xa cách ngàn trùng, tấm lòng Người không sao nguôi nỗi nhớ thương và càng cảm uất xót xa cho cảnh ngộ.

*"Nghìn dặm băng khuâng hồn nước cũ,
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay,
Ở tù, năm tròn, thân vô tội,
Hoà lệ thành thơ tả nỗi này".*

(Đêm thu)

Câu thơ của Bác gợi nhớ nỗi đau của người xưa, đã từng xúc động với tình cảnh đất nước và căm giận quân xâm lược từ *Hịch tướng sĩ* của Trần Hưng Đạo đến *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi. Những vần thơ của Bác mang tâm huyết với dân tộc như những lá huyết thư của Phan Bội Châu, những điều đạo lý của Nguyễn Đình Chiểu : "Nói ra thì nước mất trào, Tấm lòng ưu thế biết bao giờ rồi".

Tình cảnh thiêng liêng ấy với dân tộc với đất nước không hề nhuốm chút bi quan, tiêu cực nào. Nhiệm vụ của Người đang tiến hành chưa thành công, nhưng không hề có một nét tâm lý nào của người thất bại, cảnh ngộ mà Người đang phải chịu đựng thật khó khăn "*oái oăm gió cản cánh chim bằng*" nhưng tuyệt đối không phải là sự thất thế. Ngược lại, Người luôn giành thế chủ động, làm chủ hoàn cảnh, và phát huy ý chí và nghị lực trong đấu tranh. Trong hoàn cảnh lao lung trên đất nước người, Người luôn khẳng định vị trí và tư thế của người chiến sĩ cách mạng. Tuy đất nước chưa được giải phóng, còn bị bọn thực dân xâm chiếm, nhưng người chiến sĩ cách mạng là người có ý thức sâu sắc về vận mệnh Tổ quốc. Xương máu của bản thân là một phần của đất nước, ý chí hoạt động cách mạng của mình là trong tư thế đại biểu cho dân tộc Việt Nam :

*"Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm.
Ai ngờ đất bằng gậy sóng gió,
Phải làm "khách quý" tại nhà giam !"*

(Đường đời khó khăn)

Tổ quốc đã hiện hình từ khi trên đường cứu nước Người bắt gặp chủ nghĩa Lê-nin. Tổ quốc Việt Nam mới đã được dựng nên móng trong những tổ chức cách mạng đầu tiên của giai cấp vô sản, trong những hoạt động hăng say của các chiến sĩ ngày đêm gian khổ đấu tranh cho phong trào. Công cuộc kháng Nhật cứu nước của nhân dân ta là một phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, đồng thời cũng đóng góp trực tiếp vào việc đánh đổ chủ nghĩa phát xít, tai họa của nhân dân toàn thế giới. Sự có mặt của Người trên đất nước Trung Hoa cũng nhằm vào một mục đích đó. Người khẳng

định chủ quyền của dân tộc và phê phán chủ nghĩa sô vanh nước lớn. Quan điểm dân tộc của Người là tôn trọng và bình đẳng giữa các dân tộc.

*"Kháng Nhật cờ bay khắp Á châu,
Cờ to, cờ nhỏ, chẳng đều nhau.
Cờ to đã hắt là nên có,
Cờ nhỏ dù sao, thiếu được đâu".*

(Ngày 11 tháng 11)

Ta luôn bắt gặp trong tập thơ cốt cách ung dung của người chiến sĩ cách mạng vượt lên mọi thử thách khó khăn, và cao hơn là tư thế của người đại biểu của dân tộc trên đất nước người. Chế độ Tưởng Giới Thạch với bản chất của một chính quyền tư sản đã vi phạm những nguyên tắc cơ bản của quyền bình đẳng dân tộc. Người sử dụng sắc sảo vũ khí châm biếm để phê phán chế độ sai trái đó :

*"Đoàn Mỹ đi rồi, đoàn Anh đến,
Khắp chốn mừng reo tỏ nhiệt tình.
Ta cũng một đoàn thăm nước bạn,
Lại dành riêng một lối hoan nghênh".*

(Đoàn đại biểu Anh sang thăm Trung Hoa)

Quan điểm phân tích và phê phán của Người dựa trên cơ sở nắm được chắc bản chất xã hội của từng quốc gia, bản chất giai cấp của các liên minh. Đoàn Mỹ, đoàn Anh và chế độ Trung Hoa dân quốc dễ có sự câu kết. Tự nhiên là ở đây, Người luôn có sự phân biệt rõ ràng giữa bản chất của chế độ Tưởng Giới Thạch với nhân dân Trung Quốc. Tình cảm của Người luôn luôn mở rộng và cảm thông gần bó với quần chúng lao động Trung Quốc. Người trân trọng và cảm thương

với những người phu đường vất vả một nắng hai sương, Người chia sẻ niềm vui với bà con nông dân trong mùa lúa chín và nỗi khó khăn trong những vùng bị hạn hán. Tình cảm của Người luôn bộc lộ tình hữu nghị dân tộc và tình hữu ái giai cấp. Có thể nói rằng, trong quan điểm dân tộc, Người luôn luôn bộc lộ sâu sắc tinh thần làm chủ và ý thức tôn trọng quyền bình đẳng của các dân tộc theo lập trường của giai cấp vô sản. Cơ sở nhận thức ấy được xác lập và phát triển trong tư tưởng cách mạng của người chiến sĩ cộng sản và trên thực tiễn của cả một cao trào cách mạng sôi nổi ở trong nước vào thời kỳ tiền khởi nghĩa.

KHÁT VỌNG VÀ Ý CHÍ ĐẤU TRANH CHO TỰ DO

Trong cảm hứng lớn "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", thơ của Bác thấm sâu và toát lên mạnh mẽ khát vọng và ý chí đấu tranh cho tự do. "Tự do", hai tiếng thiêng liêng ấy vẫn là ước mơ và niềm khao khát của biết bao tiếng nói thơ ca tiến bộ trong quá khứ. Trong gông cùm xiềng xích của những kiếp người nô lệ, trong bóng tối âm thầm không lối ra của những nhà thờ giáo hội, hay ngay trên mũ miện của bọn vua chúa, không thể tìm thấy thực sự khuôn mặt và ánh sáng của tự do. Tự do trong xã hội cũ nằm trong mơ ước và ý chí của những người đấu tranh cho tự do. Nó biến thành sức mạnh của thanh gươm và lời thơ của Pêtôphi, nỗi niềm trong thơ của Mikiêvich, Puskin, thành những vần thơ sục sôi tâm huyết của Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng... Nhưng tự do vừa là ý chí phải vừa là sự nhận thức quy luật khách quan. Những nhân vật anh hùng trong quá khứ, trước những giới hạn khắc nghiệt của giai cấp và thời đại, tuy họ

không chùn bước trước khó khăn và thậm chí trước cái chết, nhưng không tránh khỏi rơi vào tâm trạng ngỡ ngàng trước vận mệnh của lịch sử và cô đơn khi thiếu sự tiếp sức của quần chúng.

Với các chiến sĩ cách mạng của giai cấp vô sản, tự do là ý chí đấu tranh và cũng ở sự nhận thức quy luật phát triển xã hội với niềm tin tất thắng. Cũng vì thế mà ngay trong hoàn cảnh khó khăn, tù đầy, gian khổ, người chiến sĩ cách mạng vẫn giữ vững ý chí đấu tranh cho tự do.

Nhật ký trong tù là tập thơ tràn đầy cảm hứng và khát vọng tự do tuy Bác phải ở vào cảnh mất tự do. Đồng chí Tố Hữu nhận xét : "Nhiều lần Bác dùng chữ tự do, cảm giác tự do toát lên trội nhất trong tập thơ, tự do của dân tộc và tự do của con người, trước hết là tự do của Tổ quốc" ⁽¹⁾. Ý kiến của đồng chí Tố Hữu đã nói lên ý nghĩa sâu sắc và rộng lớn của cảm hứng tự do qua tập thơ. Nhà tù không thể làm nao núng tinh thần đấu tranh cho dân tộc của Người, không thể giam hãm ý chí của Người. Trên trang bìa của tập thơ, Bác vẽ hai cánh tay tuy bị xiềng xích nhưng vẫn nắm chặt và giơ lên cao, hình ảnh đầy sức mạnh quật khởi, tượng trưng cho tinh thần kiên cường chiến đấu, không chịu khuất phục. Bài thơ mở đầu có ý nghĩa tiêu đề của tập thơ là bài thơ ca ngợi tự do, ca ngợi sự tất thắng của ý chí đấu tranh cách mạng :

*Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao.
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.*

1. Báo Văn học số 95, ngày 20-5-1960.

Hai câu thơ trên tưởng như mâu thuẫn, như tách ra giữa tinh thần và vật chất, giữa cảnh trong tù và ngoài tù. Nhưng thực sự nó là một, là thống nhất, là sự nhất quán của tinh thần cách mạng tiến công của người chiến sĩ không may bị rơi vào cảnh lao lung.

Bài thơ hiện lên như một phương châm lớn của hành động, nhưng sáng tác lại gợi cho ta nghĩ nhiều đến Bác. Bài thơ cũng chính là con người thực sự của Bác, vừa gần gũi bình dị, vừa lớn lao. Tâm vóc của Người như đang vượt khỏi những giới hạn chật hẹp và ngăn cách của nhà tù. Một nhà làm thơ nước ngoài nhận xét : "Thoạt nghe chúng ta liền tưởng tượng tác giả tinh thần đầy ngạo nghễ, ngẩng đầu cao khi bước vào nhà tù". Mười bốn tháng phải chịu đựng cảnh sống "phi nhân loại", nhưng cảnh ngộ bi đát của đời sống nơi ngục tù không thể làm giảm sút ý chí đấu tranh của Người ⁽¹⁾.

Bác không bị động và thúc thủ đợi chờ. Người vẫn tự do suy nghĩ tìm mọi phương kế tiến công kẻ thù. Không có những dao động, day dứt, tù túng trong tâm hồn. Tư tưởng và tình cảm của Người vẫn là một khối thuần nhất, tuyệt vời trong sáng, không một chút bụi mờ. Tấm lòng của Người mặc dù trong những cảnh ngộ đặc biệt của chốn lao tù, vẫn luôn xứng đáng với dân tộc.

1. Đồng chí Hoàng Văn Thụ trong những ngày bị giam hãm cũng đã viết những vần thơ đầy khí phách :

*"Thân dẫu lao tù lâm cảnh hiểm,
Chi còn theo dõi buổi tung hoành".*

Đồng chí Xuân Thủy cũng có những ý thơ đẹp :

*"Giam người khoá cả chân tay lại,
Chẳng thể ngăn ta nghĩ tự do.
Cửa kín tường cao bưng bít mấy,
Ta nhìn vũ trụ vẫn bao la".*

Không có ý chí chiến đấu của người chiến sĩ cách mạng, của giai cấp vô sản, không thể có được tư tưởng kiên cường bất khuất đó.

Người vẫn tự do trong tư thế chủ động của người chiến sĩ nắm được quy luật đấu tranh, nắm được lẽ xoay vần của tạo vật : "Trong ngục giờ đây còn tối mịt, Ánh hồng trước mặt đã bừng soi". Mặc dù chịu đựng trăm ngàn khổ cực trên đường bị áp giải, Người vẫn để tâm hồn hoà trong vẻ đẹp của tạo vật, tự do thưởng ngoạn cảnh "chim cả rộn núi, hương bay ngát rừng".

Ý chí và tinh thần tự do của Bác là của người chiến sĩ cộng sản, những phẩm chất tinh thần không thể có được ở những chí sĩ và nhân vật anh hùng thuộc hệ tư tưởng của các giai cấp phong kiến và tư sản.

Tinh thần của Người luôn chủ động, kiên quyết, thấu suốt và tự do. *Nhật ký trong tù* toát lên sâu sắc nội dung đó. Đồng chí Tố Hữu nhận xét : "Bác trong thơ không phải là người phản đấu cho tự do, mà thực sự là người tự do. Ở nơi Bác, cần thiết và tự nhiên chỉ là một" ⁽¹⁾.

Tinh thần của người chiến sĩ cách mạng là thế, nhưng cảnh ngộ đang phải chịu đựng là tình cảnh mất tự do. Bác phải chịu cảnh tù đầy và đất nước còn trong vòng nô lệ. Thời gian trong tù là thời gian bị kéo dài. Một ngày trong tù bằng nghìn thu ở ngoài. Và xót xa hơn là, khi thời gian trôi qua uổng phí, không trực tiếp tham gia đấu tranh, không hành động. Không gian trong tù là không gian tăm tối, chật hẹp, bị bưng bít giữa bốn bức tường xám lạnh, cắt đứt với mọi sinh hoạt phong phú và sự sống tung bừng của cuộc đời và tạo vật ngoài kia. Sinh hoạt trong tù là cảnh sống ngột ngạt thiếu ăn, thiếu mặc, bệnh tật, đói rét, trời buộc, gông cùm. Thơ Bác là tiếng nói phản nộ tố cáo chế độ nhà tù tàn bạo và

1. Báo Văn học, số 95, ngày 20-5-1960.

rộng ra là cả chế độ xã hội cũ đầy tội lỗi bất công. Thơ Bác là niềm khát vọng tự do, tự do cho cảnh ngộ riêng của mình, nhưng sâu sắc và tha thiết hơn là tự do cho đất nước và quần chúng nhân dân. Trong tình cảnh bị tù đày, Người càng thấm thía đến xót xa tình trạng mất tự do. Mơ ước tự do đến ngay từ những dòng thơ đầu, và cứ thế "hai tiếng tự do vang vang lên trong tập thơ" ⁽¹⁾. *Nhật ký trong tù* là một chặng đường trong hành trình của Người, cuộc hành trình của Tự do đang vượt qua con đường gian khổ. Nhiều lần Bác nói đến tự do, tự do của Tổ quốc, tự do của bản thân, ngày tự do, cảnh vật tự do, bầu trời tự do, mong ước tự do...

Mơ ước tự do như nổi niềm canh cánh bên lòng, làm quên đi cả thời tiết, thiên nhiên thay mùa đổi vụ :

*"Thân tù đâu thiết thu sang chửa,
Chỉ nghĩ hôm nao mở cửa tù".*

(Thu cảm)

Mơ ước đến trong giấc mộng đẹp bay lên giải thoát, nhưng trở trêu sao trước cảnh đời thực :

*"Mơ thấy cười rông lên thượng giới,
Tỉnh ra trong ngục vẫn nằm trơ".*

(Buổi trưa)

Mơ ước thả trên đôi cánh đợi chờ của những vần thơ "Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do". Chờ đợi ngày tự do, ngắm bầu trời tự do... là hai trạng thái quen thuộc trong sinh hoạt tinh thần của người chiến sĩ cách mạng. Bác nhắc nhiều lần đến bầu trời tự do, cái khoảng không bao la, bát ngát ấy

1. Rôgiê Đơnuýx. Tạp chí *Châu Âu*, số 67.

đang là nơi cho những ý nghĩ tung cánh bay lên, là nơi gặp gỡ của tinh thần tự do nội tại của người chiến sĩ với chốn tự do bao la của đất trời. Trong bầu trời tự do ấy, một hình ảnh rất hấp dẫn, biểu tượng của vẻ đẹp, biểu tượng của tự do : vầng trăng. Nếu bầu trời là khung cảnh chung thì vầng trăng là vẻ riêng sinh động, gần gũi, như có khả năng chia sẻ, tâm sự với con người. Trong cảnh tù đầy, phải chăng chỉ có vầng trăng là vẻ đẹp của tạo vật duy nhất đến được với người tù, mặc dù chỉ qua một khung cửa nhỏ và trong phút giây. Vầng trăng trở thành gần gũi, hiện thân của tự do. Vầng trăng quả đã làm cho Người xao xuyến. Nữ thi sĩ Blaga Đimitrôva đã có lý khi chị tìm thấy trong thơ Hồ Chủ tịch mối liên hệ giữa ánh trăng và khát vọng tự do. "Những bài thơ của Người viết trong nhà tù chứa đầy ánh trăng dịu hiền và khát vọng tự do. Tôi thường ôn lại một trong những bài thơ Người viết trong những giờ phút đen tối đó :

*"Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ.
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ..." (1).*

Bài thơ có nét ung dung, tĩnh tại lạ thường. Thật khó hình dung ra cảnh ngắm trăng trong tù lại diễn ra thanh thản, nên thơ đến như thế. Nếu câu thơ đầu không gợi lên xuất xứ đặc biệt thì người đọc dễ tưởng như đây là một cảnh trên lầu vọng nguyệt, hoặc ở một căn phòng thanh vắng tự do nào. Nhưng thực ra, chính vì ở nơi tăm tối nhất của cảnh ngục tù, mà người trong cuộc lại mang một tâm hồn cao khiết

1. Blaga Đimitrôva: *Ngày phân xử cuối cùng*. Nhà xuất bản Thanh niên, II, tr. 69.

nhất, nên mới có cảnh đối trăng thắm thiết đến thế. Vầng trăng bầu bạn ấy không phải bao giờ cũng gần gũi người tù. Những ngăn cách của bốn bức tường nặng nề đã chia về hai ngả, hai thế giới xa cách nhau.

Mảnh trăng thu thấp thoáng đi qua bầu trời gọi lên ở người chiến sĩ cách mạng bao quyền luyện, yêu thương :

*"Chẳng được tự do mà thương nguyệt,
Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu".*

Một quyền lợi rất chính đáng và tưởng dễ dàng được thực hiện, nhưng cũng không thể có trong nhà tù : không được tự do để ngắm trăng. Do đó, càng quý biết bao khi có được cảnh đối nguyệt chính diện: người ngắm trăng, trăng ngắm người. Nhà thơ Tố Hữu cũng bộc lộ một tâm trạng gần gũi qua những vần thơ về trăng :

*Trăng qua rào song,
Trăng nghiêng mặt cười.
Lâng lâng mây bông,
Trăng lên khơi vơi.*

Ánh trăng trong tù lúc này thật đẹp quá. Trĩ tưởng tượng càng chấp cánh cho thơ, tô điểm cho vầng trăng thêm lộng lẫy, thêm duyên dáng. "Trăng bằng vàng điệp, Mây bằng thủy ngân. Trời trong sắc đẹp, Thơ bay lên vần". Ánh trăng đã đến trong niềm khao khát tự do. Người chiến sĩ cách mạng trong "những năm tháng tù đầy cùng với niềm khát khao một mảnh trăng trôi ngang qua hàng song sắt và sự lắng nghe tiếng gọi của cuộc đời tự do". Nhưng rồi vầng trăng trôi xa như một niềm hạnh phúc đến quá gần gũi :

*Rồi thôi trăng qua,
Trăng đi xa rồi.*

*Ôi vầng trăng xa,
Bao giờ luân hồi.*

Niềm khát vọng tự do trong sự thanh thản và dịu hiền của tâm hồn đã qua đi. Càng suy nghĩ về tình cảnh mất tự do càng thêm xót xa. Câu thơ của Bác có lúc sôi lên căm giận như một lời chất vấn ném thẳng vào mặt kẻ thù :

- *"Sao mãi giam ta ở chốn này ?"*
- *"Quảng Tây giải khắp mười ba huyện,
Mười tám nhà lao đã ở qua.
Phạm tội gì đây ? Ta thử hỏi :
Tội trung với nước với dân à ?"*

(Đến phòng chính trị chiến khu VI)

Tấm lòng ngay thẳng chính trực của Người, tinh thần một lòng vì dân vì nước luôn như một luồng tư tưởng mãnh liệt nung đốt tâm tư, thôi thúc hành động. Xót xa nhất là bị rơi vào tình cảnh bất động, tháng ngày hao mòn với xích gông. Tuy bị giam hãm trong tù cách biệt thế giới bên ngoài, nhưng Bác vẫn chờ đợi, lắng nghe từng tin tức của phong trào cách mạng bên nhà vọng tới. Nỗi lo lắng và mối quan tâm lớn lao nhất vẫn là tự do cho dân tộc. Tự do cho bản thân cũng là nhằm để có điều kiện trực tiếp đấu tranh cho tự do của dân tộc.

*"Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền.
Xót mình giam hãm trong tù ngục,
Chưa được xông ra giữa trận tiền".*

(Ở Việt Nam có biến động)

Bài thơ như mang theo hai tâm trạng vui mừng và xót xa. Nỗi vui mừng như cờ bay, gió cuốn phần phật reo lên trong không khí trăm miền vùng lên khởi nghĩa. Lúc này dường như tâm hồn của Người đã vượt ra khỏi nhà tù chật hẹp để tung cánh bay về với Tổ quốc mà chứng kiến tận mắt, hân hoan trong không khí chiến đấu mà sát cánh cùng quần chúng nhân dân xông thẳng tới trận tiền. Nhưng cảnh ngộ thật là ngang trái, gió cản nên cánh chim bằng không tung bay vào nơi cao rộng được. Tình trạng mất tự do càng thêm nhức nhối, từ chuyện đi lại, ăn uống, sinh hoạt, cho cả đến không được tự do nhìn ngắm một vầng trăng, thở chút không khí của buổi sáng trong lành. Bác đã đúc kết nên những suy nghĩ sâu sắc như những chân lý phổ biến :

*"Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do".*

(Linh gác khiêng lợn cùng đi)

"Đau khổ chi bằng mất tự do"

(Bị hạn chế)

Mất tự do là mất tất cả. Chân lý mà Người khái quát lên trong thơ tuy thấm thía trực tiếp cảnh ngộ riêng xót xa, nhưng lại chứa đựng nhiều kinh nghiệm, nhiều từng trải, nhiều cái nghe cái thấy từ cuộc đời chung rộng lớn. Từ những nỗi đau khổ chất chứa trong những kiếp người cùng khổ của năm châu bốn biển, từ những lần roi quạu đau đến ứa máu trên lưng người nô lệ, từ nỗi nhục mất nước của người dân các xứ thuộc địa da đen, da vàng, từ những đoàn người tù rách rưới xô đẩy nhau trên con tàu biệt xứ ra đi không biết đến ngày về, Bác nghĩ đến ý nghĩa của Tự do. Tự do, hai tiếng thiêng liêng ấy là lẽ sống cao quý nhất

đối với một dân tộc và riêng đối với mỗi cuộc đời. Sau này, lời kêu gọi toàn dân kháng chiến chống Pháp : "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" ⁽¹⁾ đã có mầm mống từ câu thơ bất tử : "*Thà chết chẳng cam nô lệ mãi*". Phương châm lớn của Người, khẩu hiệu hành động của toàn dân ta trong những năm chống Mỹ, cứu nước "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*" cũng đã được lập ý ban đầu từ những vần thơ tù : "Trên đời ngàn vạn điều cay đắng, Cay đắng chi bằng mất tự do". Chỗ khác cơ bản là nhận thức năm xưa được viết ra trong nỗi u uất đôn đau khi nhân dân còn nô lệ phải chịu đựng trăm đắng ngàn cay ; ngày nay, ý thức tự do được biểu hiện trong tư thế của những con người đã làm chủ vận mệnh của mình, đang chiến đấu và chiến thắng với cảm hứng tràn đầy của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sản xuất và chiến đấu.

Trong cuộc đời mới, tự do không chỉ là đặc quyền của một thiểu số người nào mà là quyền sống thiêng liêng của toàn dân. Mọi người được giải phóng, tâm hồn rộng mở, tài năng nảy nở đang chung sức xây dựng cuộc sống hạnh phúc ấm no.

NHỮNG BÀI THƠ LỚN VỀ HIỆN THỰC ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG

Sau ba mươi năm đi tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng ở nước ngoài, năm 1941, Hồ Chủ tịch trở về nước. Biên giới trong mùa xuân đẹp, hoa kim anh nở trắng núi rừng, non nước chập chùng ẩn hiện như tranh vẽ..., tất cả chào đón Người.

1. *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, tr.67.

*"Bác đã về đây, Tổ quốc ơi,
Nhớ thương hòn đất, ấm chân Người.
Ba mươi năm ấy, chân không nghỉ,
Mà đến bây giờ mới tới nơi".*

(Tố Hữu)

Pác Bó là mảnh đất tự do đầu tiên của Tổ quốc, nơi đầu nguồn cách mạng. Hoạt động trong cảnh núi rừng hùng vĩ của Pác Bó và trong lòng của nhân dân yêu nước, cảm hứng thơ đầu tiên đã đến với Người. Chùm thơ về Pác Bó (*Tức cảnh Pác Bó, Pác Bó hùng vĩ*) là những sáng tác rất đẹp về nội dung và nghệ thuật. Tình yêu đất nước được biểu hiện trực tiếp không phải trong cảnh nghìn dặm cách xa. Tổ quốc là đây, trên mảnh đất Người đi, trong cảnh vật Người ngắm nhìn, trong cuộc đời chung gặp gỡ đối trao với đồng bào, đồng chí. Pác Bó là cái bọc hồng, nhúm ruột đầu tiên của Tổ quốc tự do.

*"Non xa xa, nước xa xa,
Nào phải thênh thang mới gọi là.*

*Đây suối Lê-nin, kia núi Mác,
Hai tay xây dựng một sơn hà".*

(Pác Bó hùng vĩ)

Cảm hứng trỗi lên nổi bật là cảm hứng độc lập, tự do. Một tình yêu Tổ quốc rất thiết tha, đắm thắm, hoà nhập trong âm hưởng và nhạc điệu chung của bài thơ, rồi từ đó dẫn sâu vào một cơ sở tư tưởng vô cùng sâu sắc. Bài thơ như một bức tranh sơn thuỷ chấm phá có viễn và cận cảnh, có nước, có non, có cảnh vật và con người hoà hợp. Trong tầm nhìn bao quát, nước non cảnh vật của Tổ quốc với những đường nét mềm mại ẩn hiện xa xa, lôi cuốn, thu hút tâm trí và tình cảm của Người, "Non xa xa, nước xa xa". Một

tiếng gọi thầm kín thiết tha : đất nước còn chịu đựng cảnh nô lệ, nhưng giang san rồi nhất định phải thu về một mối thống nhất. Giang san ấy hôm nay là đây, bắt đầu từ đây. Chưa phải là rộng rãi, thênh thang. "Nào phải thênh thang mới gọi là". Nhưng thật là đàng hoàng, chủ động, tự do trong ý nghĩa đầy đủ của một giang san. Từ đây sẽ bắt đầu tất cả. Bài thơ mang tinh thần cách mạng tiến công, rồi đây đất nước sẽ mở rộng khắp Bắc Nam trên núi rộng sông dài. Ước mong và quyết tâm ấy nhất định sẽ thực hiện vì cơ sở để tạo nên những thắng lợi ngày mai là hoàn toàn có căn cứ thực tiễn :

*"Đây suối Lê-nin, kia núi Mác,
Hai tay xây dựng một sơn hà".*

Đường lối giải phóng dân tộc của Đảng là sự kết hợp giữa những nguyên lý phổ biến sâu rộng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thực tiễn cách mạng của dân tộc. Dòng suối Lê-nin như ngọn nguồn vô tận và đỉnh núi Các Mác hùng vĩ vừa là những hình ảnh thực, vừa là những biểu tượng rất sâu sắc của bài thơ. Không phải ngẫu nhiên mà Bác gọi là "Pác Bó hùng vĩ", hùng vĩ vì rừng núi điệp trùng, mà còn hùng vĩ ở cái thế mạnh, thế tiến công của nơi căn cứ địa cách mạng. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin sẽ là kim chỉ nam, là ánh sáng rọi soi cho sự phát triển của phong trào cách mạng. Hoạt động hăng say sôi nổi của phong trào cách mạng của quần chúng sẽ tạo nên thế xoay chuyển thời cuộc : "Hai tay xây dựng một sơn hà". Hai bàn tay ta sẽ làm nên tất cả, chúng ta chủ yếu dựa vào sức mình, tự xây dựng lực lượng của mình lớn mạnh. Pác Bó mở ra một thời kỳ hoạt động của phong trào, và chính Bác đã thể hiện phong thái và chất người cộng sản đó trong những hoạt động cách mạng ở thời kỳ này :

*"Sáng ra bờ suối, tôi vào hang,
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,
Cuộc đời cách mạng thật là sang".*

(Tức cảnh Pác Bó)

Nếu *Pác Bó hùng vĩ* là một bức tranh chung của non sông cảnh vật, là cái nền vững chắc tạo lập và làm cơ sở xây dựng phong trào cách mạng thì *Tức cảnh Pác Bó* là những hình ảnh hoạt động cụ thể của người chiến sĩ cách mạng. Với một tư thế chủ động, rất ung dung, hoạt động của Người diễn ra hằng ngày theo một kế hoạch nhất định, và trong một không gian và thời gian quen thuộc :

"Sáng ra bờ suối, tôi vào hang".

Nếp sống giản dị "*Cháo bẹ, rau măng*" không hề làm giảm sút đến ý chí và tinh thần làm việc của Người. Qua lời thơ, những gian khổ được cảm thụ như nhẹ nhàng hơn, tự nhiên hơn. Thực ra thì cuộc sống lúc này của Bác rất kham khổ : "Ở trong hang không khí ẩm thấp lắm, nhất là ngày mưa nước thường nhỏ giọt theo nhũ đá xuống nền hang lách tách không bao giờ ngớt... Người sống rất giản dị và kham khổ. Nước lá ổi thay chè và cải soong là thức ăn chủ yếu. Ngày ấy đồng bào quanh vùng ăn độn bắp, mọi người trong cơ quan cùng ăn độn bắp. Riêng "Đồng chí già" tuổi cao, sức yếu, chúng tôi mua gạo nấu riêng cho Người ăn, nhưng Người không đồng ý" ⁽¹⁾.

Chính trong thời kỳ này, Người tiến hành những hoạt động cách mạng sôi nổi, trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng

1. *Dấu nguồn*, hồi ký về Bác Hồ (nhiều tác giả). Nxb Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 360.

trong nước. Hình tượng "Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng" vừa nói lên những khó khăn, phức tạp của tình hình chính trị đương thời, lại vừa nói lên cái thế ổn định của người chiến sĩ cách mạng nắm vững thời cuộc và chủ động tiến hành các hoạt động cách mạng :

"Cuộc đời cách mạng thật là sang".

Chẳng phải là một cách nói châm biếm, mà sự thật đó là một cuộc sống giàu ý nghĩa, cao đẹp và rất đàng hoàng. Một nụ cười nhẹ nhàng, lạc quan, điểm xuyết cho câu thơ, phù hợp với không khí chung của cả bài thơ.

Trong thời kỳ hoạt động ở Pác Bó, Bác Hồ viết *Mười chính sách của Việt Minh, Dân cày, Phụ nữ. Kêu gọi thiếu nhi, Công nhân, Ca binh lính, Ca đội tự vệ, Ca sợi chỉ, Hòn đá, Con cáo và tổ ong, Nhóm lửa, Chơi trăng*. Toàn bộ những sáng tác trên đều tập trung vào chủ đề lớn : kêu gọi toàn dân đoàn kết tham gia Mặt trận Việt Minh, đánh đuổi Nhật, Tây. Thơ ca ở đây đã góp phần thực hiện trực tiếp nhiệm vụ tuyên truyền cách mạng. Trong nhiều trường hợp, chúng ta bắt gặp một bài thơ giản dị, một điệu lục bát quen thuộc, phảng phất như câu hát, lời ca nhằm phổ biến nội dung chính sách của Mặt trận Việt Minh, kêu gọi cầm vũ khí chiến đấu. Bác hiểu rõ tác động dễ cảm động, dễ nhớ lâu của lời thơ nên tác dụng tuyên truyền của thơ càng có hiệu quả.

Thật khó đánh giá được giá trị của các bài thơ qua những vần thơ còn lại hiện nay trên trang giấy. Tư tưởng chính trị của nó là ở trong tấm lòng và phát triển thành hành động của quần chúng cách mạng. Với lòng nhiệt tâm với phong trào của người chiến sĩ và nhà thơ cách mạng, nhiều chủ đề đã được xoáy sâu khai thác một cách công phu và giàu tính nghệ

thuật. *Bài ca du kích, Ca sơi chỉ, Ca đội tự vệ, Ca binh lính, Nhóm lửa, Chơi trăng...* là những sáng tác có giá trị và gây ấn tượng khó lãng quên. Đây là chất thép trực tiếp của cuộc đời và nghệ thuật. Tư tưởng lớn về sức mạnh đoàn kết của toàn dân được biểu thị rất sâu sắc trong thơ Bác ở giai đoạn này. Người luôn nhấn mạnh đến một chữ đồng :

*"Nước nhà giành lại nhờ gan sắt,
Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng".*

Trong truyện ngắn của Người sáng tác ở những năm hai mươi đầu thế kỷ, Hồ Chủ tịch cũng đặc biệt nhấn mạnh đến sức mạnh của đoàn kết. Hai truyện ngắn *Đoàn kết giai cấp* và *Đồng tâm nhất trí* gợi lên những bài học sâu sắc về đoàn kết, đoàn kết trên cơ sở cùng có một lý tưởng chung, một con đường đi, một hoàn cảnh xã hội. Lý tưởng cộng sản chủ nghĩa là cơ sở để tạo nên sức mạnh đoàn kết vững chắc vượt lên mọi thử thách, mọi sự phân biệt về màu da, chủng tộc, quốc gia... Bài học đoàn kết trong thơ ca cách mạng của Người ở thời kỳ này rất sâu sắc, rất thấm thía. Tinh thần căm thù Nhật, Tây và lòng thiết tha yêu nước là cơ sở để đoàn kết toàn dân. Kết thúc *Mười chính sách của Việt Minh*, Bác nhấn nhủ :

*"Khuyên ai xin nhớ chữ đồng,
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh".*

Người tìm mọi cơ hội, hoàn cảnh để nhấn mạnh tư tưởng đoàn kết là sức mạnh quyết định thắng lợi. Giới thiệu báo *Việt Nam độc lập*, Người kêu gọi :

*"Đoàn kết vững bền như khối sắt,
Để cùng nhau cứu nước non ta".*

Và không chỉ là những lời kêu gọi mạnh mẽ, thiết tha, Người suy nghĩ và sáng tạo ra nhiều hình tượng thơ độc đáo, nhiều liên tưởng đẹp để thể hiện tư tưởng đoàn kết là sức mạnh, qua các bài thơ *Ca sợi chỉ*, *Con cáo và tổ ong*, *Hòn đá*.

Ca sợi chỉ là một bài ca giàu tính tư tưởng và nghệ thuật. Sự phát triển của hình tượng thơ từ bông hoa mảnh mai, sợi chỉ nhỏ nhắn cho đến tấm vải bền là một bước phát triển rất biện chứng, tạo được những liên tưởng tự nhiên và phù hợp với chủ đề của sáng tác. Nhịp điệu thơ cũng đi từ nhẹ nhàng, mềm mại đến khoẻ khoắn, vững chãi. Bài thơ mang theo điệu kể dân gian qua cách dẫn chuyện nhẹ nhàng của các loại ngụ ngôn :

*"Mẹ tôi là một đoá hoa,
Thân tôi trong sạch, tôi là cái bông.
Xưa tôi yếu ớt vô cùng,
Ai vò cũng đứt, ai rung cũng rời.
Khi tôi đã thành chỉ rồi,
Cùng còn yếu lắm, ăn ngồi không an.
Mạnh gì sợi chỉ con con,
Khuôn thiêng biết có vuông tròn cho chăng?"*

Mối quan hệ giữa cá thể và tập đoàn được xác lập vững chắc. Tự mình, mỗi cá nhân sẽ chẳng mang sức mạnh gì đáng kể, nhưng nếu biết nhân lên thì lực lượng lại càng lớn lao:

*Nhờ tôi có lắm đồng bang,
Hợp nhau sợi dọc, sợi ngang rất nhiều.
Đệt nên tấm vải mỹ miều,
Đã bền hơn lụa, lại điều hơn da.
Đó ai bứt xé cho ra,
Đó là lực lượng, đó là vẻ vang.*

(*Ca sợi chỉ*)

Cùng một tư tưởng trên, nhưng trong bài *Con cáo và tổ ong*, vấn đề đặt ra trong một hình thái khác. Sức mạnh đoàn kết có khả năng đổi thay tương quan lực lượng. Bầy ong biết đoàn kết nên đã thắng chủ cáo già mon men đến tổ kiểm mỗi. Bài thơ mang dáng dấp một bài ngụ ngôn hiện đại. Cũng không cần phải phúng dụ xa xôi, mà đi thẳng vào chủ đề chính để luận bàn, khẳng định. Bác luôn nghĩ đến đối tượng trực tiếp của những sáng tác là quảng đại quần chúng lao động đông đảo, lực lượng làm nên sức mạnh chủ yếu của khối đoàn kết toàn dân. Những hình ảnh bông hoa, sợi chỉ, tấm vải, con cáo, tổ ong, hòn đá, v.v..., đều gần gũi, trực tiếp trong đời sống lao động hằng ngày nên rất dễ liên tưởng và nhận thức chân lý.

Một chủ đề lớn của thơ ca cách mạng lúc này là kêu gọi toàn dân cầm vũ khí giết giặc. Tư tưởng toàn dân vũ trang khởi nghĩa phải là tư tưởng chiến lược cơ bản của cách mạng. Một loạt những bài thơ *Bài ca du kích*, *Ca đội tự vệ*, *Ca binh lính*... đều nhằm vào chủ đề cơ bản đó. Điều đáng chú ý là sự hoà hợp, ăn ý giữa tư tưởng và nghệ thuật, giữa nội dung và âm hưởng chung của sáng tác. Tất cả đều sôi nổi, khẩn trương mạnh mẽ trong không khí vũ trang khởi nghĩa. *Bài ca du kích*, *Ca đội tự vệ* đều là những sáng tác độc đáo về nội dung cũng như hình thức biểu hiện. Dựa vào âm hưởng mạnh mẽ của âm thanh làm đã phát động, *Bài ca du kích* vận động nhanh như một cơn gió lốc, ào ạt thổi và đẩy sức mạnh lôi cuốn. Nói như Chế Lan Viên : "Câu thơ ùn ùn, ào ào kéo tới, như gió bão, như khí thế cao trào cách mạng lôi cuốn mọi người đi. Bác không phải đã nắm nhạc điệu dân tộc mà ở ngay trong trung tâm luồng nhạc

ấy" ⁽¹⁾. Tiếp đó là lời kêu gọi động viên đến từng đối tượng, đến từng lực lượng :

Ào, ào, ào...
Ào, ào, ào...
Già nào,
Trẻ nào,
Lính nào,
Dân nào,
Đàn ông nào,
Đàn bà nào !"

Nhịp điệu câu thơ lại chuyển sang một bước phát triển mới khẩn trương hơn, vừa lặp lại lấy đà, vừa đẩy tới phía trước:

"Kẻ có súng dùng súng,
Kẻ có dao dùng dao,
Kẻ có cuốc dùng cuốc,
Người có cào dùng cào".

Gọi lên từng vũ khí, gắn liền với từng đối tượng, bài thơ là một sự biểu dương lực lượng và sức mạnh. Hơi thơ tràn tới, mạnh mẽ, như lao về phía trước :

"Thấy Tây cứ chém phứa,
Thấy Nhật cứ chặt nhào"

Ý thơ khoẻ, tin cậy, câu thơ sắc nhọn, nhịp điệu chắc. Hai câu thơ trên là đỉnh cao phát triển của bài thơ. Cái lôgích nội tại của bài thơ tất yếu phải dẫn đến kết quả trên. Tứ thơ lại tiếp tục phát triển, luồng nhạc lại vận động như ngày

1. Báo Sài Gòn giải phóng, số Xuân Bình Thìn, 1976.

càng lớn mạnh hơn, đi đến những đích xa hơn. *Bài ca du kích* là bài thơ độc đáo, vượt khỏi những thi pháp cổ điển thông thường. Rõ ràng từ một quan điểm chính trị, một chủ định về nội dung tư tưởng, Người đã tạo được một cảm hứng thi ca tổng hợp có rung động trực tiếp, hình ảnh chọn lọc, ngôn từ và nhạc điệu rất sinh động. Kết quả là bài thơ thể hiện sự thống nhất chặt chẽ giữa nội dung và hình thức. *Bài ca du kích* là một bài thơ tự do được viết ra do sự am tường sâu sắc về thi pháp, sử dụng linh hoạt mọi thi pháp phục vụ cho chủ đề được chọn lọc.

Cách mạng Tháng Tám thành công đã mở ra trang sử mới cho dân tộc. Niềm vui lớn của những ngày Tháng Tám chưa được bao lâu, kẻ thù lại gây xâm lược, và dân tộc lại bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Lúc đầu lực lượng ta còn yếu, vũ khí ít, mà kẻ địch thì ồ ạt tấn công. Chúng giàu có, hiện đại hơn về phương tiện chiến tranh, nên có cuồng vọng là kết thúc sớm cuộc chiến tranh xâm lược. Nhưng chúng đã sai lầm. Từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến Nam Bộ và tiếp theo là cuộc kháng chiến toàn quốc, quân và dân ta đã biểu thị sức mạnh vô địch của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nam Bộ với gậy tầm vông giết giặc và ngọn đuốc sống căm thù Lê Văn Tám. Hà Nội với các chiến sĩ đánh bom ba càng, những dũng sĩ đâm lê và đánh đại đao của Liên khu I, thề quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh. Ngay từ giờ phút đầu của cuộc chiến đấu, Hồ Chủ tịch đã luôn theo dõi tin tức của chiến trường, thăm hỏi, động viên chiến sĩ giết giặc lập công. Bức thư của Hồ Chủ tịch gửi đội Quyết tử quân Thủ đô thể hiện sâu sắc tấm lòng ân cần, yêu thương của Người với các chiến sĩ căm tử đang đem máu xương ra bảo vệ non sông : "Các em là đội căm tử. Các em căm tử để cho Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu cái tinh thần

tự tôn, tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại, cái tinh thần quật cường đó đã kinh qua Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám truyền lại cho các em. Nay các em gan góc tiếp tục cái tinh thần bất diệt đó để truyền lại cho nòi giống Việt Nam muôn đời về sau".

"Các em hăng hái tiến lên, lòng già Hồ, lòng Chính phủ và lòng toàn thể đồng bào luôn luôn ở bên cạnh các em" (1).

Mùa xuân 1947, Hồ Chủ tịch viết bài thơ *Chúc năm mới*, sáng tác tràn đầy cảm hứng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, giục giã, động viên toàn dân tham gia kháng chiến:

*"Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông.
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,
Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.
Tiến lên chiến sĩ, tiến lên đồng bào !
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông !
Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi,
Thống nhất độc lập, nhất định thành công !"*

Hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng tung bay và âm thanh náo nức, âm vang của tiếng kèn xuất trận gọi lên không khí của buổi ra quân lớn. Tiếng súng toàn quốc kháng chiến bùng nổ chưa lâu, toàn dân đã bước vào cuộc kháng chiến, một cuộc kháng chiến toàn diện. Chúng ta đã có trong tay những nhân tố thắng lợi cơ bản, "*Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng*", những nhân tố hết sức quan trọng mà Người đã có lần nhấn mạnh:

1. Hồ Chí Minh : gửi các chiến sĩ quyết tử quân Hà Nội, ngày 27-1-1947. Dân tộc Việt Nam ta là một dân tộc anh hùng. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tr. 21.

*"Nước nhà giành lại nhờ gan sắt,
Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng".*

Trong thực tế của cuộc kháng chiến, ý chí sắt đá và tinh thần đoàn kết biến thành lực lượng vật chất *"sức ta đã mạnh, người ta đã đông"*, đảm bảo cuộc kháng chiến nhất định giành thắng lợi. Cả bài thơ phát triển theo một hơi thơ khoẻ, giục giã, tin tưởng, khẳng định. Bài thơ mang cảm hứng lịch sử sâu sắc, nói lên cái thế đi tới của cả một dân tộc. *"Cả bài thơ phôi phôi như buồm căng thẳng gió. Nó là lời của một lòng tin vững chắc, của một người đang chiến thắng"* (Hoài Thanh). *"Hãy thử đọc lại cả bài. nghe như có thể chuyển động của cả lịch sử, núi sông trong ấy"* (Chế Lan Viên). Chỉ một năm sau thôi, đáp lại lời kêu gọi của Người, chiến trường đã thu được nhiều thắng lợi vang dội.

Chiến thắng dồn dập trên các mặt trận chính ở Việt Bắc thu đông 1947-1948, chiến thắng Bông Lau vào mùa đông 1947, rồi chiến thắng Lũng Mươi (1-1-1948), chiến thắng Mường Him (5-2-1948), chiến thắng Bố Cung (8-1948)...

Sau chiến thắng Việt Bắc, nhân dịp tổng kết một năm kháng chiến chống Pháp thắng lợi, Hồ Chủ tịch nhận định về tương quan lực lượng giữa ta và địch:

"... Lực lượng của chúng cũng giống như mặt trời vào lúc hoàng hôn, hống hách lắm nhưng đã gần tắt nghỉ".

"... Lực lượng của ta ngày càng thêm mạnh như suối mới chảy, như lửa mới nhen, chỉ có tiến, không có thoái..." ⁽¹⁾.

Những thắng lợi lớn của quân dân ta đã tạo một cảm hứng đẹp, phấn chấn, để Người viết nhiều bài thơ thắng trận.

1. Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch. Nxb Sự thật, Hà Nội, tập I tr. 228.

Những bài thơ thắng trận (*Báo tiếp*, 1948; *Tặng Bùi Công*, 1948; *Thu dạ*, 1948...) đều được viết ra trong mùa chiến dịch này.

Đọc thơ Bác, chúng ta thấy dồn dập những tin vui thắng trận. Tin thắng trận đến trong thơ Bác với những cảm hứng rất đẹp và thật hấp dẫn, nên thơ.

Tin thắng trận báo về khi Người đang làm việc trong rừng Việt Bắc. "*Xem sách chim rừng vào cửa đậu, Phê văn hoa núi ghé nghiên soi. Tin vui thắng trận dồn chân ngựa, Nhớ cụ thơ xuân tặng một bài*". Cảnh vật thiên nhiên thơ mộng quá. Hai câu thơ mở đầu như đưa ta lạc vào một thế giới của "bồng hoa tiên cảnh" yên ắng và xa cách hẳn với cuộc đời náo động. Nhưng không phải thế. Có chăng đây chỉ là dáng vẻ bên ngoài. Bên trong là cả một cuộc sống sôi động của cuộc kháng chiến. Câu thơ thứ ba đến tự nhiên như một niềm vui không hẹn trước nhưng vẫn dự đoán được. "Tin vui thắng trận dồn chân ngựa". Và tin vui đến không phải chỉ một lần ; tin chiến thắng báo về dồn dập mừng vui. Vẻ đẹp của những tiếng chim hót cũng làm cho Người thư thái. Nhưng niềm vui lớn, gây cảm hứng cho Người chắc chắn là niềm vui thắng trận. Tin vui thắng trận đến trong không khí đẹp của một ngày thu, có cả thiên nhiên và thơ cùng tham dự để chia vui. Tin thắng trận và thiên nhiên đẹp trong thơ, những yếu tố trên cũng có mặt trong một số bài thơ khác của Người trong giai đoạn này. Bác là vị lãnh tụ, là nhà thơ. Người xử lý rất đẹp và linh hoạt các mối quan hệ này. Trong một số trường hợp, thiên nhiên thường là tiền đề để gợi ý và khai tứ :

*"Trăng vào cửa sổ đòi thơ,
- Việc quân đang bận, xin chờ hôm sau.*

*Chuông lầu chột tỉnh giấc thu,
Ấy tin thắng trận Liên khu báo về".*

(Tin thắng trận)

Trăng đẹp gợi ý cho thơ, hay nói một cách cụ thể như trong sáng tác : "Trăng đầy cửa sổ hỏi : Thơ xong chưa". Có một cái gì hơi đường đột, nhưng rõ ràng lại biểu hiện một quan hệ rất quen thuộc và thân tình giữa trăng và nhà thơ... Thơ gắn với người, mà nhà thơ lại là vị lãnh tụ tối cao, và Người đang bận chuyện quân. Đây không phải là chuyện từ chối. Người không từ chối với thơ, nhưng chắc chắn là phải đợi chờ. Nhưng rồi chờ đợi đến bao lâu ? Tin vui thắng trận vụt đến vào giữa lúc tiếng chuông lầu khua làm vang động không khí thơ mộng của đêm thu ; không hẹn mà nên, sự trùng hợp ấy chẳng phải như nhân lên để loan báo tin vui ? Bài thơ tứ tuyệt mang cấu tứ độc đáo. Bốn câu thơ như từ những mối khác nhau gặp gỡ tự nhiên để tạo nên sự thống nhất. Lôgich của bài thơ vận động biện chứng trong những mối liên hệ bên trong - *trăng, thơ, tiếng chuông lầu, tin vui thắng trận*. Tiếng chuông lầu thực tế cũng là một cách để báo tin vui thắng trận, và có tin vui thắng trận là một điều kiện quyết định để có thơ. Cái kết thúc của bài thơ tuy không nói ra trực tiếp, nhưng cũng hàm ý tự bên trong một lời hứa hẹn cho trăng và thơ.

Cũng vào những ngày thu này, tin vui thắng trận vẫn tiếp tục dồn tới :

*"Bàn việc canh chầy mới tạm ngơi,
Gió mưa thu báo lạnh thu rồi.
Còi thu bỗng rúc vang từng núi,
Du kích về thôn, rượu chữa voi".*

(Đêm thu)

Bài *Đêm thu* mang phong vị riêng, tuy tứ thơ có những nét quen thuộc. Người vẫn ở trong cảnh hết sức bận rộn việc nước, việc quân. Ở đây không có cảnh thiên nhiên đẹp, với hoa nở, chim ca và trăng sáng. Đêm về khuya, tiết thu đã trở lạnh rừng núi như chìm sâu trong đêm vắng tịch mịch với những cơn mưa gió đầu mùa đổi lạnh. Tưởng như vạn vật đã dần đi vào giấc ngủ say và ngừng hoạt động. Nhưng không, tứ thơ đột ngột đổi thay, bầu không khí im lặng phút chốc vang động với những tiếng còi lệnh của quân du kích vừa chiến thắng trở về. Hai khung cảnh trong đêm thu vắng tưởng như cách biệt, nhưng vẫn có những liên hệ bên trong, giữa một bên là nơi luận bàn chuyện nước chuyện quân, một bên là cuộc chiến đấu trực tiếp của du kích quân nơi trận địa. Tiếng còi lệnh loan tin chiến thắng, chiến sự diễn ra quá nhanh đến mức "cuộc rượt" vẫn chưa ngơi. Bài thơ thể hiện sự kết hợp như tương phản giữa hai trạng thái tĩnh mịch và vang động của khung cảnh, ung dung chủ động và rất khẩn trương cấp bách, của người trong cuộc.

Toàn bộ chùm thơ chiến thắng được Bác viết vào năm 1948 khi kẻ địch niêm thất bại đấng cay trong chiến dịch tấn công vào Việt Bắc. Ba bài thơ, ba hình thức sáng tạo khác nhau. Các sáng tác đều phảng phất phong vị thơ Đường, tứ thơ đẹp, uyển chuyển linh hoạt, ý thơ cô đúc, hình ảnh chọn lọc, cụ thể mà tượng trưng, âm hưởng của thơ vừa cổ kính, vừa hiện đại. Tất cả trực tiếp nói lên cái thế mạnh, thế đi lên rất phấn khởi của cuộc kháng chiến chống Pháp. Ba bài thơ đẹp như ba bức tranh tạo cảnh, tạo hình, phản ánh không khí chiến thắng trong cảm hứng rất vui và chan chứa chất thơ.

Mùa xuân 1950, trong chiến dịch Biên giới, Bác viết bài thơ

Lên núi, thể hiện rất sâu sắc chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc. Người chỉ huy và quan sát trực tiếp chiến dịch.

*"Chống gậy lên non xem trận địa,
Vạn trùng núi đờ vạn trùng mây.
Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đẩu,
Thế diệt xâm lăng, lũ sói cây".*

(Lên núi)

Trên đỉnh cao của núi non, Người đứng để quan sát trận địa. Mây mây, núi núi, điệp điệp, trùng trùng trong thế quần tụ, kỳ vĩ, lớn lao góp phần nói lên khí thế của cả một dân tộc đang xốc tới giành thắng lợi. *Đặng Sơn* kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng của thơ ca dân tộc. Sáng tác mang hơi thở hùng tráng của Lý Thường Kiệt, Phạm Ngũ Lão... Núi sông trong thơ tự lại khí thiêng của dân tộc. Những dãy núi cao tua tủa như gươm như giáo, thẳng nhọn như chông như móc, biểu tượng của đất nước muôn đời anh hùng bất khuất. Sức mạnh của ba quân như muốn xông lên đoạt trời. Ba câu thơ trên ở trên thế ở một tầng cao, tầm cao của sông núi, của sức mạnh chính nghĩa, của lực lượng quân dân. Câu thứ tư là lời hạ quyết tâm, như chỉ thẳng vào bọn xâm lăng sói cây đang ở dưới kia lúng túng trong thế bị động để dẫn đến thất bại thảm hại. Bài thơ là một trong những áng hùng văn tiêu biểu nhất của thơ thời kháng chiến chống Pháp. Tác phẩm sáng tác đã biểu hiện cô đúc và tập trung chủ nghĩa yêu nước anh hùng của dân tộc trong hình tượng chọn lọc. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, Bác không có nhiều thì giờ dành cho thơ, nhưng nhiều bài thơ của Bác đã đi sâu vào quần chúng như một phương châm lớn để hành động, và trong thực tế đã tạo được sức mạnh tinh thần lớn

lao của phong trào kháng chiến. Đúng như lời thơ của cụ Bùi Bằng Đoàn hoạ lại thơ Người :

*"Biết người việc nước không hề rảnh,
Vung bút thành thơ đuổi giặc thù".*

Thăm lược lượng thanh niên xung phong, Người căn dặn tuổi trẻ hăng hái xông pha :

*"Không có việc gì khó,
Chỉ sợ lòng không bền,
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí cũng làm nên".*

Tưởng không có cách nào nói giản dị và dễ hiểu hơn, nhưng thực ra cũng không có một cách nói khác cô đúc hơn. Bác đã thể hiện những chân lý sâu sắc của thực tế đấu tranh cách mạng trong một hình thức biểu hiện gần gũi, quen thuộc. Người phát động phong trào thi đua giết giặc lập công, thi đua sản xuất giỏi trong toàn dân. Lời thơ của Bác trở thành phương châm của mọi nhà và của mọi người :

*"Người người thi đua,
Ngành ngành thi đua,
Ngày ngày thi đua,
Ta nhất định thắng,
Địch nhất định thua".*

(Chúc tết 1949)

Lời thơ như một chân lý giản dị và đầy sức thuyết phục đó sẽ biến thành lực lượng, thành phong trào. Trong những điệp ý, điệp từ, Người nhấn mạnh đến một phép nhân, một bước tiến nhảy vọt của phong trào cách mạng. Cuộc kháng chiến chống Pháp giành được đỉnh cao thắng lợi trong chiến dịch

lịch sử Điện Biên Phủ. Thắng lợi đã đem lại cho Bác một niềm vui lớn đúng như những lời thơ rất đẹp của nhà thơ Tố Hữu viết về chiến thắng Điện Biên và niềm vui của Bác:

*Tiếng reo núi vọng sông rền,
Đêm nay chắc cũng về bên Bác Hồ.
Bác đang cúi xuống bản đồ,
Chắc là nghe tiếng quân hò, quân reo.
Từ khi vượt núi, qua đèo,
Ta đi, Bác vẫn nhìn theo từng ngày.
Tin về mừng thọ đêm nay,
Chắc vui lòng Bác giờ này đợi trông".*

Niềm vui lớn của lãnh tụ đã được biểu hiện một phần qua bài thơ *Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ* của Người. Bác không làm thơ tứ tuyệt và không viết theo dạng tâm tình. Dường như khuôn khổ của các loại thơ trên không đủ nói hết thắng lợi lớn lao của một chiến dịch lịch sử. Bác làm thơ tự sự.

Bài thơ bắt đầu hai tuyến để kể chuyện : bên ta và bên địch. Bác kết hợp lối kể giản dị, khoẻ khoắn với nhiều cảm phục yêu thương khi nói về lực lượng của quân dân ta, và dùng lối kể châm biếm, hài hước khi nói về kẻ thù. Bác muốn nhấn mạnh đến sức mạnh vô địch của cuộc chiến tranh nhân dân và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta :

*"Bộ đội, dân công quyết một lòng.
Xẻ non, đắp suối, vượt qua sông,
Khắc phục khó khăn, và hiểm trở,
Đánh cho giặc tan mới hả dạ :
Lặng lẽ chuẩn bị suốt tháng ngày.*

*Không quản gian khổ và đắng cay,
Quyết tâm làm cho tròn nhiệm vụ".*

(Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ)

Lực lượng hùng hậu và quyết tâm sắt đá ấy đã tạo nên khí thế mạnh mẽ và niềm tin tất yếu vào:

*"Xuân về xin có một bài ca,
Gửi chúc đồng bào cả nước ta,
Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi,
Tin mừng thắng trận nở như hoa".*

(Mừng xuân 1967)

Bài thơ nhẹ nhàng như một tiếng hát, một khúc ca. Tấm lòng của Người chắc cũng rất vui và thư thái khi cả nước đang tiến hành sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước thắng lợi. Còn có công việc nào trọng đại hơn công việc đánh giặc giữ nước và niềm vui nào lớn hơn niềm vui thắng trận. Tin thắng lợi ở các chiến trường càng khẳng định sức mạnh lớn của quân dân ta trong những thử thách vô cùng quyết liệt của cuộc chiến đấu. Những năm tháng mà chủ nghĩa anh hùng cách mạng vươn lên đến những đỉnh cao tuyệt vời, mỗi chiến công, mỗi khoảng đất của Tổ quốc, mỗi bước đi của thời gian đang dần trở thành chính sử, thành hùng văn. Trong thơ Bác, tin thắng lợi của chiến trường nở đẹp tươi như hoa và thực sự đem lại không khí vui tươi của mùa xuân : "Mừng thấy miền Nam luôn thắng lớn, Một năm là cả bốn mùa xuân".

Mừng xuân 1969, bài thơ chúc Tết cuối cùng của Người viết trước khi qua đời, là một ca khúc khải hoàn, một mệnh lệnh tiếp tục chiến đấu và là một dự đoán thiên tài về chiến lược, sách lược. Từ mùa xuân năm 1942 cho đến mùa xuân 1969, Bác viết trên hai mươi bài thơ chúc mừng năm mới.

Mỗi sáng tác là một lời đúc kết, đánh giá những thắng lợi trong năm qua và đề ra phương hướng tiến lên của cả nước trong năm tới. Lời thơ cô đúc, chứa chan cảm hứng lịch sử, kết hợp được khéo những tư tưởng lớn về chính trị với cảm hứng nồng nàn thơ ca. Thơ chúc Tết của Bác đã thâm sâu vào tư tưởng và tình cảm của mọi người, tạo nên sức mạnh đẩy khích lệ trong chiến đấu và sản xuất. Những bài thơ *Chúc năm mới* (1947), *Mừng xuân 1961*, *Mừng xuân 1969* đều là những mốc lớn của từng giai đoạn cách mạng : kháng chiến chống Pháp, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ, cứu nước. *Mừng xuân 1969* phản ánh nhiệm vụ và phương hướng chiến lược của những năm đi vào kết thúc thắng lợi công cuộc kháng chiến chống Mỹ :

*Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiên tuyên chắc càng thắng to.
Vi độc lập, vi tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiên lên ! Chiên sị, đồng bào !
Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn.*

Phương châm lớn "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" vẫn là nội dung cơ bản của sáng tác. Cảm hứng lịch sử về những thắng lợi đã qua, nhiệm vụ hiện tại và dự đoán về tương lai, đều mang ý nghĩa chiến lược sâu sắc. Thực tế lịch sử đã chứng minh rõ hình thái thất bại của kẻ địch : Mỹ cút, ngụy nhào, đúng như lời tiên đoán của bài thơ. Niềm vui lớn Bắc Nam sum họp đã trở thành sự thực của lịch sử và tình cảm phấn khởi của mọi nhà.

Suốt trong gần ba mươi năm qua, từ những bài thơ về Pác Bó hùng vĩ đến những sáng tác cuối cùng của Người,

thơ của Bác đều thuộc về chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Với nhiều khía cạnh biểu hiện khác nhau, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong thơ Bác vô cùng phong phú. Nó xuất phát từ một lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa cộng sản mà Bác là người chiến sĩ, là tấm gương phấn đấu không hề mệt mỏi. Nó lấy điểm tựa và nguồn sức mạnh từ trong quần chúng cách mạng của một dân tộc kiên cường đánh thắng hai đế quốc lớn là Pháp và Mỹ, qua hai cuộc kháng chiến kéo dài trên suốt ba mươi năm qua. Nó gắn liền với phẩm chất của một tâm hồn, một nhân cách lớn của lãnh tụ vĩ đại, nhà tư tưởng, nhà thơ Hồ Chí Minh.

Cũng vì thế mà, dù vẫn thơ viết trong ngục tối, trong rừng núi chiến khu hay trên cương vị Chủ tịch nước, tất cả đều mang chất thép kiên cường ngời sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng của giai cấp vô sản. Thơ của Bác là thơ của một thời đại mới mang sâu sắc tính Đảng, tính nhân dân, là nền móng và tinh hoa cho nền thơ ca hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

(Trích từ sách : *Chủ tịch Hồ Chí Minh nhà thơ lớn của dân tộc*

NXB Khoa học xã hội, 1970)

BÁC SỐNG NHƯ TRỜI ĐẤT CỦA TA

*(Vài suy nghĩ nhỏ về một phong cách lớn nhân
tìm hiểu một số bài thơ trữ tình của Hồ Chủ tịch)*

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

...
MONG MANH ÁO VẢI HỒN MUÔN TRUÔNG⁽¹⁾

Những vần thơ Bác để lại cho chúng ta, càng nghĩ càng thấy quý vô cùng. Lỗ Tấn nói: "Từ trong mạch nước phun ra đều là nước, từ trong mạch máu phun ra đều là máu. Mỗi bài thơ trong tập *Nhật ký* kia, dù chỉ là sản phẩm bất đắc dĩ - "*nhân vị tù trung vô sở vi*" - chẳng phải vẫn là máu thịt tâm hồn của Bác còn lưu lại muôn đời sau đó sao ?

Tôi thích đọc những bài thơ như thế này để hình dung lại nụ cười hết sức hồn nhiên bình dị của Người:

*Còn tôi như bưng đã phải đi,
Đường đi khúc khuỷu lại gồ ghề ;
Trượt chân nhờ bước sa vào hố,
May nhảy ra ngoài, suýt nữa nguy !*

(Trượt ngã)

(1) Các đề mục trong bài này đều là thơ Tố Hữu.

Nhớ lại đôi câu đối xưa :

*Giơ tay với thử trời cao thấp,
Xoạc cẳng đo xem đất vẫn dài.*

Bác không bao giờ gò lấy cho mình một "khẩu khí" phi thường, một dáng điệu "vĩ nhân" như thế. Bác làm thơ về chính cái sự trượt chân ngã rất bình thường trong đời sống người ta đó thôi. Bác Hồ không những vui cái vui lớn của hàng triệu, hàng triệu nhân dân lao động : "Không có gì quý hơn độc lập tự do", Bác còn thích thú cái thích thú hồn nhiên dễ dãi nhất của mỗi con người bình thường chúng ta :

*Máy bay địch bỗng tới ào ào,
Tất cả nhân dân chạy xuống hào;
Cửa mở cho tù ra lánh nạn,
Được ra ngoài ngục, khoái làm sao!*

(Báo động)

Cho nên đừng tìm kiếm sự vĩ đại của Bác tách rời cái giản dị của Người. Đừng tìm cái lớn của bài thơ ở một chỗ nào bên ngoài cái nụ cười hồn nhiên dễ dãi kia. Bởi lẽ, Bác chính là cái bình dị ấy và sự bình dị ấy chính là cái vĩ đại của Người. Đó chẳng phải là từ trong bản chất tâm hồn, Bác không một chút phân biệt mình với những con người bình thường đã sinh ra Bác sao? Mặt khác, đó chẳng phải là bản tính yêu đời, vui sống rất khoẻ của dân tộc ta, nhân dân ta, được Bác phát huy mạnh mẽ trên tinh thần lạc quan chiến thắng của giai cấp vô sản sao? Chúng ta còn có cách giải thích nào khác khi biết rằng tiếng cười đó đã cất lên từ trong bóng tối đen ngòm của nhà tù Quốc dân đảng tàn bạo? Có điều, ở Bác, cái chung của dân tộc, của giai cấp đã thành

hắn cái riêng của Người; ở Bác, không phải là sự nhận thức cái tất yếu lịch sử mà là hiện thân sinh động của nó, nên cái vui của Bác cũng hồn nhiên như niềm vui của đất trời khi mùa xuân trở lại:

*Mấy chục ngày qua toàn cuộc bộ,
Nay ngồi xe lửa về đảng hoàng
So khi cuộc bộ còn sang chán
Dù chỉ ngồi trên một đống than!*

(Lên xe lửa đi Lai Tân)

Nhật ký trong tù có đủ cả phong, hoa, tuyết, nguyệt. Song hồn thơ Bác chủ yếu vẫn gắn liền với đất, với người, với những sự việc, sự vật thiết thực nhất "hàng ngày" nhất của đời sống tù nhân.

Chế Lan Viên nhận xét, thơ Bác có đủ "mắm muối tương cà" ⁽¹⁾ Đó là nghĩa bóng mà cũng là nghĩa đen nữa:

*Nhà lao mà giống gia đình,
Muối, dầu, gạo, củi tự mình phải lo,
Phòng riêng mỗi cửa một lò,
Cơm canh mọi thứ nấu kho suốt ngày.*

(Nhà lao Quả Đức)

Ngày nay các nhà thơ ta không ai còn khinh (mắm muối tương cà). Nhưng đưa được nó vào thơ như một đề tài chính và hết sức thoải mái như thế, có lẽ chỉ có Bác. Có những sự thật, hình như chỉ có Bác mới dám đưa vào thơ:

*Dau khổ chi bằng mất tự do,
Đến buồn đi ỉa cũng không cho.*

(1) Những bài học lớn trong thơ Bác - Văn học số 95 (20-5-1960)

*Cửa tù khi mở, không đau bụng,
Đau bụng thì không mở cửa tù.*

(Bị hạn chế)

Đồng chí Nguyễn Lương Bằng nói: "Tôi không ngờ Bác lại giản dị quá đến như vậy" ⁽¹⁾ Bác độc đáo ở chính chỗ giản dị rất mực của mình. Xét ra, giản dị là cả một vấn đề bản lĩnh. Bản lĩnh của Bác cao hơn "văn chương" nên "văn chương" không ràng buộc được.

Và cứ thế, bài tiếp bài, có gì nói vậy, chất phác, thật thà như chính cuộc sống: một hàng cháo bên đường, một cảnh nông thôn được mùa hay đại hạn, một tốp phu đường cặm cuội làm việc, một hiện tượng lạ lùng bên chiếc cùm nhà lao "*cùm chân sau trước cũng tranh nhau*", chuyện "chia nước", chuyện muỗi rệp, chuyện ghẻ lở, chuyện bắt rận, cảnh đánh bạc trong tù, cảnh sinh hoạt tự túc của tù nhân, một tiếng khóc trẻ thơ trong ngục, một người đàn bà đi tù thay chồng, một người tù chết, lại một người nữa, những luật lệ vô lý của bọn quản ngục: cấm hút thuốc lá, tiền công, tiền đèn, tiền vào nhà giam, v.v... Toàn những bài thơ "chẳng có gì" cả.

Nhưng đọc hết một lượt, ta bỗng nhận ra: đó chính là giá trị độc đáo của *Nhật ký trong tù*. Thơ tù xưa nay không ít. Văn học ta có cả một truyền thống thơ tù. Nhưng thử hỏi đã có tác phẩm nào phản ánh được đầy đủ như thế, tỉ mỉ như thế bộ mặt của những cái địa ngục trần gian do bọn đế quốc, phong kiến dựng lên? Mà đâu phải chỉ là một cái nhà ngục. Đó là cả "một phần bộ mặt xã hội Trung Quốc

(1) *Hồi ký Bác Hồ* - Nhà xuất bản Văn học, 1960, trang 81

cũ khoảng 1942-1943" (Quách Mạt Nhược) ⁽¹⁾. Còn về mặt bút pháp, đó chẳng phải là "tính lợc lồi, hiện thực của thơ ca hiện đại" ⁽²⁾ sao?

Xưa nay thơ tù thường vẫn hướng vào nội tâm hơn là ngoại cảnh, nhất là cái ngoại cảnh "tầm thường, nhạt nhẽo" trong nhà tù. Không chịu bó buộc mình trong giới hạn của một không gian chật hẹp, nhà thơ thường mượn cảnh trữ tình để bay theo một ước vọng, tìm đến một triết lý, hay quay về một kỷ niệm nào của quãng đời qua. Cuộc vượt ngục về tinh thần ấy cũng là một nội dung đặc sắc của *Nhật ký trong tù*. Sự gắn bó của Bác với lý tưởng cao cả, với phong trào cách mạng, với Tổ quốc mình, đồng bào mình, với đất trời, hoa cỏ, ngục tù nào có thể ngăn cấm được:

*Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao.*

Nhưng lý tưởng chân chính bao giờ cũng là một lý tưởng vừa cao cả vừa thiết thực, lòng nhân đạo chân thành phải là đối tượng cụ thể. Cho nên Bác Hồ không vì mục đích xa mà quên những mục tiêu gần, không vì chú trọng lợi ích lâu dài mà bỏ qua lợi ích trước mắt của quần chúng, không vì quan tâm đến cái nhân loại lớn mà thờ ơ với cái nhân loại nhỏ hẹp quanh mình mà những vui, buồn, sướng, khổ hàng ngày đã dệt nên những cuộc đời cụ thể. Ý nghĩa của những bài thơ tự sự đơn giản, tả thực thật thà, những bài thơ gọi là "mắm muối tương cà" trong tập *Nhật ký* của Bác phải chăng đã từng dạy ta như thế sao: "Đảng vừa lo tính công việc

(1) *Nay ở trong thơ nên có thép* - Văn nghệ Trung Quốc, 1960, bản dịch của Nghiên cứu văn học tháng 12-1960.

(2) *Văn học Pháp* - dẫn theo Nghiên cứu văn học, tháng 12-1962.

lớn như đổi nền kinh tế và văn hóa lạc hậu của nước ta thành một nền kinh tế và văn hóa tiên tiến, đồng thời lại luôn luôn quan tâm đến những việc nhỏ như tương cà mắm muối cần thiết cho đời sống hàng ngày của nhân dân. Cho nên Đảng ta vĩ đại vì nó bao trùm cả nước, đồng thời vì nó gần gũi trong lòng của mỗi đồng bào ta". (1)

*

* *

Hồ Chủ tịch không thích tượng đồng bia đá. Đối với Người, danh là danh Tổ quốc, lợi là lợi nhân dân, Bác chẳng nhận riêng bao giờ. Đó cũng còn là đức khiêm tốn đặc biệt của Người: suốt đời quên mình vì dân, vì nước, công lao như trời, như biển, mà vẫn cứ băn khoăn như chưa làm tròn trách nhiệm *"Hể còn một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ"*. (2)

Cho nên hình ảnh Bác trong *Nhật ký trong tù*, một mặt là hình ảnh sáng khoái, hào hùng của người chiến sĩ kiên cường coi thường mọi gian nan thử thách:

*Hôm nay xiềng sắt thay dây trời,
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung;
Tuy bị tình nghi là gián điệp
Mà như khanh tướng vẽ ung dung.*

(Đi Nam Ninh)

Có khi như đứng trên đỉnh cao của thời đại, ôm trùm cả thế gian bao la:

(1) Trích theo cuốn *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb Văn học, 1960, trang 8.

(2) Trích theo cuốn *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb Văn học, 1960, trang 8.

*Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.*

(Đi đường)

Nhưng mặt khác, lại là hình ảnh của một con người không bao giờ thoả mãn với mình. Hơn ba mươi năm trời đi hầu khắp thế giới, vượt qua muôn trùng sóng gió, vẫn khiêm tốn trước cuộc đời:

Vốn biết ở đời không phải dễ

(Đường đời khó khăn)

Vẫn thấy cần tiếp tục rèn luyện nữa, rèn luyện mãi:

*Gạo đem vào giã, bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông,
Sống ở trên đời người cũng vậy;
Gian nan rèn luyện mới thành công.*

(Nghe tiếng giã gạo)

Tư thế thật hào hùng, nhưng không ưa ngấm nghĩa chính cái hiên ngang, khí phách của mình:

*Mơ thấy cười rông lên thượng giới.
Tỉnh ra trong ngục vẫn nằm trơ.*

(Buổi trưa)

Vượt qua những thử thách kinh người mà vẫn điềm đạm nhẹ nhàng:

*Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc thêm mấy phân,
Gầy đen như quỷ đói,*

*Ghè lở mọc đầy thân.
May mà:
Kiên trì và nhẫn nại
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ
Không nao núng tinh thần*

(Bốn tháng rồi)

Dĩ nhiên chỉ là cách đùa vui hóm hỉnh khi Bác ví mình với công khanh sang trọng, quan võ oai phong:

*Tua vai quan võ bằng kim tuyến,
Tựa của ta là một cuộn gai*

(Dây trói)

Nếu cần mượn sự vật để nói chỉ mình, Bác không câu nệ người xưa, nhất thiết phải chọn từng ccao, bách cả, cọp gió, rồng mây... mà sẵn sàng mượn cái gậy để nói sự thẳng ngay (*Lính ngục đánh cắp mất chiếc gậy*), mượn cái răng để tỏ lòng bất khuất (*rụng mất một cái răng*), mượn hạt gạo hiền lành để nói chuyện luyện tài, đức chí (*Nghe tiếng già gạo*) v.v...

Một mặt Bác đánh giá rất cao vai trò của người chiến sĩ tiên phong đối với nhân dân trong việc chỉ lối, dẫn đường:

*Người nhờ anh chỉ lối,
Đi đúng hướng, đúng phương;
Anh chỉ cho người biết
Nào dậm ngấn, dậm trường.*

(Cột cây số)

trong việc thức tỉnh quần chúng, phát động phong trào:

*Một tiếng, toàn dân bừng tỉnh mộng,
Công mi đâu có phải là xoàng,*

(Nghe gà gáy)

Nhưng mặt khác, Bác hiểu hơn ai hết, đó vốn là những con người bình thường nhũn nhặn, từ nhân dân mà ra và luôn luôn gắn bó với nhân dân, như chiếc cột cây số kia:

*Chẳng cao cũng chẳng xa,
Không đế cũng không vương*

hay như con gà nọ:

Mi tuy chỉ một thứ gà thường

Đó là quan niệm vô sản về con người mới, về chủ nghĩa anh hùng cách mạng mà Bác đã từng dạy chúng ta: "Đảng viên chúng ta là những người rất bình thường, vì chúng ta đều là con của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, chúng ta chỉ biết trung thành với giai cấp vô sản, quyết tâm đấu tranh cho nhân dân. Thế thôi" ⁽¹⁾

Cho nên đối với quần chúng, Bác hết sức tin yêu trân trọng, dù đó là những quần chúng bình thường nhất. Cùng bị giam với Bác ở nhà ngục Quảng Tây, không phải là những nhà chính trị, những nhà cách mạng, mà là những người dân thường, phần đông đã bị lưu manh hóa, mắc bệnh giang mai, nghiện thuốc phiện ⁽²⁾.

Nhưng tự đáy lòng, Bác vẫn chan hòa với họ, Bác gọi họ là bạn (nạn hữu) là người "cùng hội cùng thuyền". Bác tìm thấy trong tình cảm chan hòa đó, một niềm vui chân thành, chất phác:

*Cùng hội cùng thuyền nên phải giúp,
Viết thay báo cáo, dăm từ nan;*

(1) Trích *Nhân dân ta rất anh hùng* (sách đã dẫn) trang 15.

(2) Theo Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Văn học, 1970, trang 19.

*"Chiều theo, thừa lệnh", nay vừa học,
Đã được bao lời bạn cảm ơn.*

(Viết hộ báo cáo cho các bạn trong tù)

Cũng trên tinh thần bằng hữu, Bác an ủi động viên họ:

*Khuyên anh hãy gắng ăn no bụng,
Khổ lắm ắt là đến lúc vui.*

(Buổi sớm)

Bác chia sẻ những khổ đau với họ:

*Thân anh da bọc lấy xương,
Khổ đau, đói rét, hết phương sống rồi.
Đêm qua còn ngủ bên tôi,
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng!*

(Một người tù cờ bạc bị chết)

Tin yêu quần chúng, Bác thường tìm hiểu phía tích cực, phía ánh sáng của tâm hồn con người, kể cả những người mà nghề nghiệp buộc phải hàng ngày hít thở trong không khí ô uế của chế độ bạo tàn. Và khi nhận thấy một chút lương tâm đang cố ngoi lên trên bùn lầy rác rưởi, Bác liền vội vàng chào đón nâng niu:

*Trưởng ban họ Mạc người hào hiệp,
Dốc túi mua cơm giúp phạm nhân;
Đêm đến, cởi thùng cho họ ngủ,
Chẳng dùng quyền thế, chỉ dùng ân.*

(Trưởng ban họ Mạc)

Mà đâu phải chỉ là chuyện một ông Quách, một ông Mạc. Đó là những bằng chứng càng làm sáng tỏ thêm niềm tin vĩ đại của Bác ở sự bất vong bất diệt của chính nghĩa, của lương

tâm quần chúng mà tác động tiêu cực của chế độ thống trị phản động dù ghê tởm đến thế nào cũng không bóp chết được.

*

* *

Tôi nghĩ Bác Hồ chưa bao giờ làm thơ nhân danh một người có nghề nghiệp và muốn để lại cho đời những sáng tạo nghệ thuật thật sự.

Không phải Bác khinh nghề văn. Nếu như Bác đã từng có lúc tán thưởng câu thơ của Viên Tử Tài: "Lập thân tối hạ thị văn chương", thì điều đó chỉ có nghĩa là Bác xem thường những kẻ coi văn chương cao hơn cuộc sống, vì "sự nghiệp văn chương" mà quay lưng lại những thúc bách của nhiệm vụ xã hội, nhất là trong hoàn cảnh nước mất nhà tan. Bác tuyệt đối không khinh thường một nghề gì: "Mỗi một người, bất cứ là công tác gì, ở đơn vị nào, đều quan trọng. Công việc gì có ích cho Đảng, cho cách mạng cũng vẻ vang"⁽¹⁾. Huống chi "văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận" và văn nghệ sĩ là những "chiến sĩ trên mặt trận ấy"⁽²⁾.

Bác không coi mình là nghệ sĩ, không nghĩ mình thật sự làm thơ. Bác đã nói như thế khi có người hỏi Bác về *Nhật ký trong tù*: "Các chú không nhắc thì Bác cũng không nhớ đến nữa. Bác không phải là người hay thơ, mà thơ của Bác cũng không hay. Mười mấy tháng bị nhốt trong cái phòng u ám và quạnh hiu, một hình một bóng, không được nói chuyện với ai, không có việc gì làm. Muốn "du lịch" thì đi dọc chỉ năm bước, đi ngang chỉ bốn bước. Để "tiêu khiển" ngày giờ, chỉ có cách ngêu ngao vắn tắt ghi lại sinh hoạt của người tù, cho khuây khoả thế thôi, phải thơ phú gì đâu ..." ⁽³⁾.

(1) (2) Hồ Chủ tịch: *Thư gửi các họa sĩ nhân Triển lãm hội họa năm 1951*.

(3) Theo *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, T.Lan, Sự thật, 1962, tr 73.

Thái độ khiêm tốn đó của Bác cũng bộc lộ ngay trên sáng tác của Người. Nhật ký trong tù chẳng phải là bao gồm những bài thơ "văn tắt" ghi chép những hiện tượng có thể gọi là vụn vặt trong nhà tù đó sao? Đúng là những mẫu nhật ký viết bằng một bút pháp hồn nhiên, không có dấu vết của một dụng công nghệ thuật nào từ nội dung đến hình thức. Thơ làm ra để giải trí, mà là sự giải trí của một con người rất mực giản dị, nên hầu như vượt ra ngoài mọi thứ quy cách của văn chương truyền thống: văn ngôn xen với bạch thoại, tiếng nói trang nhã của thi ca đi liền với tiếng lóng của người tù; tiếng Anh, tiếng Đức viết luôn vào giữa những dòng Hán ngữ; độ số của câu, của chữ nếu câu thúc quá thì cứ việc vượt qua v.v... Rút cục đây là thứ văn của một người đứng trên quyền lực của văn chương. Một thứ văn trực tiếp, trực tiếp đối với đối tượng phản ánh, trực tiếp đối với đối tượng truyền đạt. Một thứ văn trần trụi khiến người đọc có thể đọc luôn vào tư tưởng, vào cuộc sống.

Nhưng điều thú vị là Bác không làm văn mà văn vẫn đến với người. Bởi vì, xét đến cùng, tâm hồn cao đẹp, biểu hiện chân thật, vẫn là thứ văn cao nhất xưa nay. Mà tâm hồn Bác thì là cả một công trình nghệ thuật tuyệt vời, nơi gặp gỡ của những tinh hoa nhân loại từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, trên cơ sở một lý tưởng đẹp đẽ nhất của thời đại kết hợp với những kinh nghiệm phong phú của một cuộc đời kỳ diệu.

Nhà thơ Trung Quốc Quách Mạt Nhược nhận thấy trong *Nhật ký trong tù* "có một số bài rất hay, nếu đặt lẫn vào trong tập thơ của những thi nhân đời Đường, đời Tống, thì khó mà phân biệt được" ⁽¹⁾. Dĩ nhiên đó không phải chỉ là

(1) *Này ở trong thơ nên có thép*, (Tài liệu đã dẫn).

một nhận xét về chỗ tương đồng giữa thơ Bác với thơ cổ điển Trung Hoa về bút pháp, phong cách, mà còn là một cách đánh giá cao về phẩm chất nghệ thuật của *Nhật ký trong tù*. Nhưng thơ Bác đâu phải chỉ có Đường với Tống. Những độc giả sành sỏi, nhất là độc giả phương Tây, lại nhận thấy ở thơ Người, bên cạnh màu sắc cổ điển, là "tính chất táo bạo hiện đại" ⁽¹⁾. Người ta còn tìm ra trong nhiều vần thơ của Bác, chỗ này có chất *u-mua* của người Anh, chỗ kia phảng phất nụ cười của người Pháp ⁽²⁾ v.v... Mà tất cả đều là sự thật.

Nhưng *Nhật ký trong tù* trước hết và căn bản là một tâm hồn cộng sản Việt Nam vĩ đại. Chính nhờ cái gốc rất sâu, rất vững ấy, mà thơ Bác hút được vẻ đẹp của trăm phương, tạo thành một phong cách vừa hết sức thống nhất vừa vô cùng phong phú đa dạng.

Có những hình ảnh đột nhiên tỏa sáng một cách rất thú vị:

*Một canh... hai canh... lại ba canh,
Trần trọc, bần khoản giấc chẳng thành,
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

(Không ngủ được)

Có những tứ thơ biến hóa thật kỳ lạ: người đọc đang cảm thấy nặng nề, đau xót trước tình cảnh một người tù phải chịu khổ hình, bỗng nhiên thấy thanh thoi, sáng khoái như cất mình bay theo hồn thơ Lý Bạch, một buổi sớm mai, dong thuyền từ một thành Bạch đế nào ⁽³⁾:

(1) Báo Văn học Pháp, (tài liệu đã dẫn).

(2) Xem Lời nói đầu, bản dịch *Nhật ký trong tù*, sang tiếng Pháp của Phan Nhuận, Pierre Seghers, Paris 1964.

(3) Bài *Táo phát Bạch đế thành* của Lý Bạch có hai câu:

*Lương ngân viên thanh đế bất tận
Khinh chu di quá vạn trùng san.*

*Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh,
Lung lẳng chân treo tựa giảo hình.
Làng xóm ven sông đông đúc thế,
Thuyền câu rẽ sông nhẹ thênh thênh.*

(Giữa đường đáp thuyền đi huyện Ung)

Có những bài nhạc trông đã thấy đẹp, song càng nghĩ càng thấy lớn, nhất là khi liên hệ với hoàn cảnh sáng tác của nhà thơ:

*Chim mới về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa từng không;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.*

(Chiều tối)

Chao ôi, Bác vẫn có thể vui một niềm vui tỏa ấm lòng người như vậy sao, khi mà người ta vừa giải Bác đi qua một chặng đường trên năm mươi cây số, chân xiềng tay xích; và lúc chiều xuống nơi đất khách, Bác có nhớ rằng bọn lính ngục lại sắp sửa cho Bác "nghỉ" trên một đồng rạ ẩm ướt hay một cái hố xí nào? ⁽¹⁾ Vì đại thay tâm lòng nhân của Bác Hồ đã khiến cho mọi vui buồn sướng khổ của Người như hoàn toàn gắn bó với cảnh ngộ của nhân dân lao động và nhiều khi như đối lập với cảnh ngộ của riêng mình.

Có những bài thơ dường như chỉ ghi chép, y nguyên người thật, việc thật, không "hư cấu", tô vẽ gì, giọng thơ thì hết sức bình thản nhẹ nhàng. Ấy thế mà có lẽ nghệ thuật châm biếm sắc sảo nhất xưa nay cũng chỉ đến mức ấy:

(1) Theo Trần Dân Tiên (sách đã dẫn).

*Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,
Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh,
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.*

(Ở Lai Tân)

Tuy nhiên, phải nói thật rằng, có những bài thơ *Nhật ký* không phải dễ dàng tìm thấy ngay cái hay, cái đẹp, cái lớn lao sâu sắc của nó. Đồng chí Võ Nguyên Giáp nói: "Bác giản dị đến không (...) có gì đặc biệt cả" ⁽¹⁾. Đó cũng là cảm tưởng của ta khi thoát xem những bài thơ loại ấy.

Cho nên có thể nói rằng, thơ Bác vừa dễ, rất dễ, lại vừa khó, rất khó. Đối với người đọc cũng thế, đối với nhà thơ cũng vậy.

Đối với người đọc, dễ vì thơ Bác vô cùng giản dị, nhưng khó vì đây là sự giản dị của Bác Hồ - "*Mong manh áo vải, hồn muôn trượng*"; (Tố Hữu).

Còn đối với nhà thơ, dễ vì Bác không làm thơ, và khó vô cùng vì Bác đã tạo ra thơ bằng cả cuộc đời và tâm hồn vĩ đại của mình.

NÂNG NIU TẤT CẢ CHỈ QUÊN MÌNH

Bác Hồ có một thích thú riêng là làm thơ trữ tình, nhất là thơ tức cảnh. Bởi vì tâm hồn Bác vốn rất nhạy cảm với vẻ đẹp của thiên nhiên.

Nhưng ham muốn lớn nhất của Người là độc lập, tự do cho nước, cho dân. Vì ham muốn ấy, Người đã hy sinh tất

(1) *Hồi ký Bác Hồ* (sách đã dẫn) trang 197.

cả, kể cả cái thú làm thơ. Một tâm hồn giàu xúc cảm như thế, một bài thơ có thể làm kinh ngạc nhiều thi sĩ lớn của loài người như thế, mà chỉ để lại cho chúng ta một ít vần điệu vắn tắt, làm ra phần nhiều chỉ để giải trí trong chốc lát sau những giờ làm việc căng thẳng:

*Bàn việc canh chày mới tạm ngơi,
Gió mưa thu báo lạnh thu rồi...*

Trong đời Bác, chỉ có một lần, Người làm thơ trữ tình tương đối nhiều và liên tục. Đó là thời gian Bác viết *Nhật ký trong tù* - một tập thơ lớn ra đời trong ngục tối. Từ cổ chí kim có lẽ chưa có nhà thơ nào sáng tác một cách bất đắc dĩ như vậy.

Đi sâu vào nội dung *Nhật ký trong tù*, càng thấy rõ tâm tri Bác lúc nào cũng gắn liền với Tổ quốc và Cách mạng. Trong nhà tù, làm thơ, đối với Bác, đúng là chỉ để đỡ sốt ruột. Nhưng làm mãi, làm mãi, đến một lúc nào đó, đếm lại những bài thơ mình làm ra, Bác lại càng sốt ruột hơn:

*Năm canh thao thức không nằm
Thơ tù ta viết hơn trăm bài rồi
Xong bài, gác bút nghỉ ngơi,
Nhòm qua cửa ngục ngóng trời tự do*

(Đêm không ngủ)

Ta hiểu vì sao ngay khi thoát khỏi tù, Bác liền để thất lạc tập nhật ký vô giá này. Bởi vì Người không cho đây là thơ. Hơn nữa, như nhà thơ Cu-ba Phê-lich Rô-đri-ghết nói: "Luôn luôn Người quên bản thân mình và những gì thuộc về mình"⁽¹⁾.

1. Nhật ký - Báo Văn Nghệ số 349 (19-6-1970).

Trong *Nhật ký trong tù*, Bác nói: "Đau khổ chỉ bằng mất tự do". Nỗi đau lớn nhất của Bác trong tù hồi ấy không phải là nỗi đau của cơ thể bị dày đoạ hết sức dã man, mà là nỗi đau của một tâm hồn yêu nước thiết tha mà không được xả thân cho nước. Ý nghĩa của hai chữ tự do của Bác là như vậy:

*Xót mình giam hãm trong tù ngục
Chưa được xông ra giữa trận tiền*

(Ở Việt Nam có biến động)

Công tác cách mạng trong nước hồi này lại khẩn trương hơn bao giờ, vì dân tộc đang tiến gần đến một bước ngoặt lịch sử vĩ đại trong một thời cơ nghìn năm có một, do chính Bác chỉ ra từ Hội nghị Trung ương lần thứ tám tại Pắc Bó (1941). Đất nước đang cần, mà cứ đành ngồi đó làm thơ sao? Một tâm trạng bồn chồn không yên thể hiện ngay trong mạch lạc của nhiều bài thơ *Nhật ký*. Chẳng hạn bài *Tức cảnh*. Thơ tả cảnh mà chỉ có hai câu đầu là nói đến cảnh:

*Cành lá khéo in hình Dục Đức,
Vàng hồng sáng mãi dạ Quan Công.*

Hai câu sau, hồn thơ Bác bỗng đột ngột bay về Tổ quốc:

*Năm tròn cố quốc tâm hơi vắng,
Tin tức bên nhà bữa bữa trông.*

Tâm trạng ấy khiến cho Bác bao đêm mất ngủ và Người ngồi viết nên những vần thơ thấm thiết, chứa chan tình cảm đối với Tổ quốc, đối với đồng chí, đồng bào: *Không ngủ được, Đêm không ngủ, Thu cảm, Đêm thu*:

*Nghìn dặm băng khuâng hồn nước cũ,
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay.*

*Ở tù năm trọn thân vô tội,
Hoà lệ thành thơ tả nỗi này.*

Quả thực Bác Hồ không có chút gì dành riêng cho mình cả. Càng tìm hiểu sâu vào tâm sự của Người, càng chỉ thấy có nhân dân và cách mạng.

Tố Hữu nói về tấm lòng của Bác: "Nỗi đau dân nước, nỗi năm châu". Tôi nghĩ đến một bài thơ khác của Người cũng trong tập *Nhật ký*, bài *Ôm nặng*:

*Ngoại cảm trời Hoa cơn nóng lạnh,
Nội thương đất Việt cảnh lầm than.*

Hai câu thơ dường như không muốn phân biệt đâu là nỗi đau cơ thể, đâu là nỗi đau tinh thần, vì Tổ quốc và giai cấp vô sản trên toàn thế giới từ lâu đã trở thành lẽ sống, thành máu thịt của người tù vĩ đại. Bác Hồ căm giận: bọn phản động còn muốn giam ta đến bao giờ nữa. Bây giờ lại thêm bệnh trọng, nỗi cay đắng này biết nói thế nào cho hết được.

*Trong tù mắc bệnh càng đau khổ,
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn.*

Có người đã dẫn câu cuối cùng của bài thơ này để nói về tinh thần lạc quan cách mạng của Bác. Tôi cho như thế là chưa hiểu thật trúng ý nghĩa của câu thơ, của bài thơ. Đúng là chủ nghĩa lạc quan, tinh thần chiến thắng của Bác Hồ vô cùng mãnh liệt, không gì lay chuyển được. Nhưng bài thơ *Ôm nặng* không nhằm biểu hiện tinh thần ấy. Chao ôi, hai chữ "cuồng ca" ("Bản ung thống khóc khước cuồng ca") đâu có phải là hát vui. Đó chính là nỗi đau khổ không cùng mà tiếng khóc không thể nào tỏ bày cho được. Người xưa nói: "Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười" là như thế. Dĩ

nhiên tiếng cười đau của nhà nho bất đắc chí nào kia làm sao có thể so sánh được với "nỗi đau dân nước" vĩ đại của Bác Hồ.

Đọc thơ Bác, thấy niềm vui, nỗi buồn của Người nhiều khi không thể giải thích được bằng lý do cá nhân. Tâm hồn Bác có những giây phút dường như là hoàn toàn thoát ly ra khỏi cảnh ngộ của riêng mình. Hãy lấy bài *Chiều tối* làm ví dụ:

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa từng không;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết lò than đã rực hồng.*

Tứ thơ dĩ nhiên chỉ có thể nảy sinh trong tâm hồn Bác trên đường bị giải đi từ nhà lao này đến nhà lao khác vào lúc chiều tối. Cảnh ngộ riêng của Người làm thơ lúc này thật chẳng có gì dễ chịu. Chắc hẳn người tù đã phải trải qua mấy chục cây số cuộc bộ, chân xích, tay xiềng. Còn phía trước mặt: lại một xó nhà lao đầy muỗi rệp đang đợi chờ Người. Đã thế, quang cảnh núi rừng mênh mông trùng điệp chìm dần vào bóng tối lại dễ gợi lên những cảm nghĩ thê lương. Ấy thế mà nhà thơ lại cho ta một bức tranh không có chút gì gọi là ảm đạm. Không phải Bác không nhìn vào cảnh thực. Trái lại, ngòi bút của Người vẽ rất đúng cảnh chiều muộn nơi rừng núi khi những tia nắng cuối cùng của một ngày tàn chỉ còn sót lại trên đỉnh trời nhợt nhạt, vừa đủ cho nhà thơ nhận ra một chòm mây lơ lửng trôi và một cánh chim đang tìm về tổ. Nhưng đúng vào lúc bóng đêm sập xuống, giữa bức tranh liền bật lên một đốm lửa hồng - ngọn lửa ấm áp của sự sống soi tỏ hình ảnh hoạt động khoẻ khoắn

của một cô gái lao động. Phương hướng thương thức của người đọc thế là bị đảo lộn và ta cảm thấy tâm hồn Bác đang reo vui trên ngọn lửa hồng nơi xóm núi để quên bản thân mình vẫn là một người tù chưa được dùng chân trên con đường đầy ải tối tăm.

*

* *

Nhà nhiếp ảnh Đinh Đăng·Định từng được ở gần Bác, có kể rằng: "Một lần tôi chụp ảnh Bác, có một cành cây nhỏ làm vướng máy, tôi vít cành cây định bẻ đi thì Bác ngăn lại: Ấy, chú "đừng bẻ. Tuy nó không cho quả ăn nhưng cũng cho bóng mát"⁽¹⁾.

Như thế là ngay đối với những vật vô tri vô giác, nếu có ích lợi đôi chút cho sự sống con người, Bác đều trân trọng nâng niu.

Nhưng chính công ơn trời biển của Bác đối với dân, với nước, Người lại không bao giờ nói đến. Sau Cách mạng tháng Tám, có người biếu Bác một gói cam, Bác làm một bài thơ cảm ơn:

*Cảm ơn bà biếu gói cam,
Nhận thì không đúng, từ làm sao đây!
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai?*

Công lao của Bác như trời như biển, một gói cam nào có đáng kể gì. Vậy mà Người cứ băn khoăn áy náy ("nhận thì

1. Báo Văn nghệ, số 360 (4-9-1960).

không đúng"), dường như thấy mình không xứng đáng. Đến khi đành phải nhận, Người lại nghĩ rộng ra mà biết ơn những người trồng cây để cho mình có ngày ăn quả. Lời thơ tuy có thoảng chút dí dỏm trong cách chơi chữ "khổ tận cam lai", nhưng âm hưởng chung vẫn gợi lên một cái gì man mác như là một nỗi thương nhớ mênh mông. sau những ngày đất nước vừa được giải phóng, chắc hẳn Người nghĩ đến biết bao đồng bào, đồng chí, kẻ còn người mất, đã trải qua bao gian khổ, hy sinh để góp vào cuộc đời vĩ đại của dân tộc sau tám mươi năm nô lệ.

Bác Hồ không bao giờ nghĩ đến công lao của mình, đến những hy sinh gian khổ của mình. Mùa xuân 1961, thăm lại hang Pác Bó, nhân cảm hứng, Người đọc mấy câu thơ:

*Hai mươi năm cũ ở hang này,
Đảng vạch con đường đánh Nhật, Tây,
Lãnh đạo toàn dân ra chiến đấu,
Non sông gấm vóc có ngày nay.*

Thơ kỷ niệm mà không muốn dừng lâu ở kỷ niệm. Và tuyệt nhiên không dả động gì đến những kỷ niệm rất đẹp, rất thấm thiết của riêng mình trong những ngày mở nước vô cùng gian khổ và vĩ đại. Sau này Chế Lan Viên sẽ cố gắng nói giùm Bác những kỷ niệm ấy:

*Dân tộc rét chưa che Người đủ ấm,
Hang đá này Bác đắp chiếc chăn sui
Khớp xương buốt vì hơi rêu lạnh thấm,
Gió rừng đừng thổi nữa gió rừng ơi!*

*"Cuộc đời cách mạng thật là sang"
Bắt con ốc khe, chặt nôn chuỗi ngàn*

*Đáy bát cơm ngô qua ngày bệnh yếu
Bác chia cùng dân tộc giữa lâm than.*

(Cách mạng, chương đầu)

Như vậy thơ Bác rất lớn ở những điều Bác nói với ta. Nhưng ta còn cần phải tìm hiểu nhiều điều rất lớn khác mà Bác không hề nói đến, để cảm nhận cho đầy đủ hương thơm đạo đức quên mình vĩ đại của Người.

MÀ THƠ BAY... CÁNH HẠC UNG DUNG!

Trong bài *Theo chân Bác*, Tố Hữu ghi lại hình ảnh của Hồ Chủ tịch trong thời gian Người bị Quốc dân đảng Trung Quốc giam giữ tại mấy nhà lao khủng khiếp ở Quảng Tây:

*Lại thương nỗi: đoạ đày thân Bác
Mười bốn trăng tê tái gông cùm.
Ôi chân yếu, mắt mờ, tóc bạc,
Mà thơ bay... cánh hạc ung dung!*

Mấy câu thơ nói được sâu sắc chất thép kiên cường của Bác biểu hiện dưới phong thái ung dung thi sĩ. Hình ảnh của Bác trong *Nhật ký trong tù* đúng là như vậy:

*Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ.
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

(Ngắm trăng)

Lời dịch thanh thoát, nhưng chưa diễn tả hết được cái bồn chồn, rạo rức, cái tâm trạng dạt dào cảm hứng của thi

nhân khi bắt gặp ánh trăng lọt qua khe của nhà lao: "Đối thủ lương tiêu nại nhược hà?". Trong tâm trạng ấy, nhà thơ tiếc rằng không có rượu và hoa. Nhưng dầu vậy, chẳng lẽ không thể ngắm trăng được sao:

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Chao ôi, Bác Hồ yêu thiên nhiên tha thiết biết là nhường nào! Tâm hồn Người thật nhạy cảm biết bao đối với vẻ đẹp của tạo vật! Nhưng Người đã rung cảm trước cảnh trăng kia trong hoàn cảnh nào vậy? Có tìm hiểu chế độ nhà tù tàn bạo của bọn Quốc dân đảng Trung Quốc đã đẩy đoạ Bác vào cảnh "sống khác loài người" như thế nào, mới đánh giá được chất thơ ở đây trước hết là chất thép - chất thép kiên cường nhất, dày dặn nhất nên mới có thể trở thành chất thơ trong hoàn cảnh ấy. Bài thơ trăng kia làm ngoài nhà tù thì có thể là thơ của một thi sĩ, một Lý Bạch nào đó. Nhưng làm trong nhà tù, nhất là nhà tù của bọn phản động Trung Quốc thì chỉ có thể là tiếng nói tâm hồn của một chiến sĩ cộng sản vĩ đại nhất, của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tình cảm của Hồ Chủ tịch đối với thiên nhiên càng dạt dào, sáng khoái hơn bao giờ khi Người sống và công tác tại Việt Bắc trong thời gian kháng chiến chống Pháp. Ở đây, chủ nghĩa lạc quan cách mạng hoà hợp với niềm vui của một người yêu nước thiết tha được trở về đất nước sau hơn ba năm trời xa cách.

Đọc những bài thơ trữ tình Bác sáng tác trong thời gian này, ta như bước vào một thế giới cảnh vật vô cùng mỹ lệ và thơ mộng:

Đường non khách tới, hoa đây...

Đường hoa, suối hoa vốn là lối đưa khách tục vào cõi thần tiên. Không khí thơ có một cái gì như là huyền ảo khiến người đọc cảm thấy như vậy. Ta lắng nghe một giọng hát từ xa vắng lại. Không, đó là tiếng suối ngân nga trong rừng sâu:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa...

Câu thơ đột nhiên có một dáng điệu trẻ trung hiện đại rất thích. Hình như người xưa thường nói đàn suối, phách suối - "Ta nghe suối chảy như cung đàn cầm" (Nguyễn Trãi) - chứ chưa từng nói suối hát chẳng? Một liên tưởng rất thực, phù hợp với cảnh vật và sinh hoạt của con người ta lúc bấy giờ, ở chiến khu Việt Bắc ("Nhớ sao tháng ngày cơ quan, Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo". (Tố Hữu).

Nhưng lối vi von thoát sáo ấy, đồng thời lại muốn đưa thẳng trí tưởng tượng của nhà thơ vào cõi mơ màng: tiếng suối hay giọng người, âm thanh của tự nhiên hay điệu hát cất lên từ một cõi xa xăm nào giữa rừng khuya lung linh bóng nguyệt?

Thơ Bác vốn giàu ánh trăng, hồi này lại càng như tràn ngập cái nguồn sáng tự nhiên rất quen thuộc đó của thế giới thâm mỹ phương Đông. *Rằm tháng Giêng (Nguyên tiêu)* có thể coi là một trong những bài thơ trăng tiêu biểu nhất của Bác thời kỳ này:

*Rằm xuân lồng lộng trăng soi,
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.*

Cảnh trăng nước bát ngát mà không hiu quạnh, tràn đầy

mà không rộp rộp. Đúng là hình ảnh một tâm hồn rất giàu, rất khỏe, tưởng chừng chứa đựng cả sức xuân dạt dào của đất trời, sông núi. Bài tứ tuyệt kết thúc bằng động tác lướt đi phơi phới của một con thuyền đầy trăng, trên đó, những người chèo lái cuộc kháng chiến vừa gặt về một mùa ánh sáng rực rỡ trên cánh đồng tương lai của đất nước:

*Yên ba thâm tứ đàm quân sự,
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.*

Thơ trăng say nhất có lẽ là bài *Tin thắng trận (Báo tiếp)*:

*Nguyệt thôi song vấn: - Thi thành vị?
- Quân vụ nhưng mang vị tố thi.*

Trước mắt ta, đúng là diễn ra một màn kịch ngắn sinh động. Đây không phải lần đầu Bác Hồ gặp gỡ vầng trăng tri kỷ. Ta đã nói đến bài *Ngắm trăng* trong *Nhật ký trong tù*:

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Hồi đó, thơ trăng của Người tuy có say, nhưng cảnh trăng chưa hoàn toàn là mộng. Bởi vì người bạn thiên nhiên vẫn đó, im lặng và lơ lửng trên không, đúng như thái độ vị trí thiên nhiên của mình. Cuộc gặp gỡ lần này có khác. Trăng nhập hần vào thế giới con người, thân mật trong cử chỉ (thôi song - đẩy cửa), suồng sã trong cách ăn nói (- Thi thành vị? - Thơ xong chưa?), rõ ra người bạn tri âm tri kỷ, thường xuyên đến với nhà thơ vào những đêm trăng đẹp. Giác mộng thu của Bác Hồ đến thế phải nói là tuyệt diệu.

Trong *Nhật ký trong tù*, Bác Hồ đã tự nhận là khách tiên. ("Biết chăng trong ngục có người khách tiên"). Giờ đây,

Người không còn là vị tiên trong ngực nữa, mà là tiên trong chính động tiên của mình. Ta hiểu vì sao thơ của Người chỉ thuần một mạch thơ vui, cảnh thơ chỉ thuần một sắc sáng tươi mỹ lệ, và hồn thơ lãng mạn cách mạng chấp cánh bay bổng tuyệt vời.

Một trong những đặc trưng của phong cách thơ Bác là sự kết hợp hài hoà giữa nhiều bút pháp khác nhau. Ở đây chỉ xin nói đôi chút về một phương diện của sự kết hợp này: lãng mạn và hiện thực. Sự kết hợp này nhuần nhuyễn và sâu sắc đến mức không chỉ nhận ra được trên phạm vi cả tập thơ, cả chùm thơ, mà còn có thể tìm thấy ở từng bài, thậm chí ở từng đoạn, từng câu. Chẳng hạn, ta đã nói về *chất say, chất mộng* trong bài *Tin thắng trận*, bây giờ ta lại có thể nói về *chất tỉnh, chất thực* của chính bài thơ ấy. Một trong những nét độc đáo và cảm động nhất của tứ tuyệt này chính là ở chỗ chẳng những nhà thơ tỉnh khi hết mộng (Chuông lâu chợt tỉnh giấc thu. Ấy tin thắng trận Liên khu báo về), mà còn tỉnh cả trong khi đang mộng nữa (Trăng vào cửa sổ đòi thơ, - Việc quân đang bận xin chờ hôm sau). Càng nghĩ càng thấy thương Bác vô cùng: sinh thời, tâm não của Người có bao giờ sao nhãng nhiệm vụ cứu dân, cứu nước, dù chỉ một giây một phút, dù chỉ một thoáng mơ màng sau một ngày làm việc căng thẳng. Và như thế thì đối với thơ Người đâu là lãng mạn, đâu là hiện thực, đâu là động tiên, đâu là chiến khu, đâu là khách tiên, đâu là người cách mạng, thật khó mà phân biệt được. Bài *Cảnh khuya* cũng cho ta nhận xét ấy:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.*

*Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

Bài thơ như có một cái bản lề đặt vào hai chữ "chưa ngủ". Chưa ngủ vì "cảnh khuya như vẽ", hay chưa ngủ vì "lo nỗi nước nhà". Cái bản lề khép mở hai tâm trạng: say thiên nhiên và lo việc nước; khép mở hai thế giới: động tiên và chiến khu, lãng mạn và hiện thực. Tất cả thống nhất trên cái lô-gích của một tâm hồn yêu nước vĩ đại: dĩ nhiên ở Bác Hồ, yêu thiên nhiên cũng là yêu đất nước, nhưng ở đây không phải vì cảnh đẹp thiên nhiên mà Bác Hồ nghĩ đến việc nước, mà trước hết vì lo việc nước (không ngủ được) mà Người bắt gặp trăng đẹp giữa rừng khuya.

Tóm lại, luôn luôn lo lắng đến việc quân việc nước, tâm trí lúc nào cũng đặt ở chiến trường, đó là tinh thần quán xuyên trong toàn bộ chùm thơ kháng chiến của Hồ Chủ tịch. Cho nên đọc thơ Người, nếu chỉ dừng lại ở chỗ phong hoa tuyết nguyệt thì quả là chưa hiểu được bao nhiêu. Hãy tìm trong chính cái yên tĩnh, cái thơ mộng phong hoa tuyết nguyệt đó, những xao động của chiến khu Việt Bắc đang ngày đêm dồn mọi hoạt động của mình cho tiền tuyến: những hội nghị Trung ương kéo dài đến khuya (Giữa dòng bàn bạc việc quân, Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền. - Bàn việc canh chầy mới tạm ngơi, Gió mưa thu báo lạnh thu rồi...), những cuộc luyện quân khẩn trương, nhận nhậ (Đường non khách tới hoa đầy, Rừng sâu quân đến, tung bay chim ngàn. Còi thu bỗng rúc vang từng núi, Du kích về thôn, rượu chữa vui...), những tin tức từ mặt trận dồn dập gửi về, hoặc qua điện thoại, hoặc bằng sức ngựa (Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu, Ấy tin thắng trận Liên khu báo về. - Tin vui thắng

trận đồn chân ngựa, Nhớ cù thơ xuân tặng một bài...) v.v.
và v.v...

Tất cả cho tiền tuyến. Tất cả cho chiến thắng. Khẩu hiệu
thiêng liêng đó của cuộc kháng chiến trở thành nguồn cảm
hứng sâu sắc nhất, tập trung nhất của Hồ Chủ tịch.

Dù khi đối cảnh sinh tình:

*Sương khuya xuống tựa mưa thu trút,
Sương sớm dày như mây biển dâng.
Áo rét gửi mau cho chiến sĩ,
Trời loe nắng ấm báo xuân sang!*

(Nhớ chiến sĩ)

Dù khi gặp bằng hữu:

*Ngàn dặm cù tìm đến,
Một lời trăm cảm thông.
Thờ dân tròn đạo hiếu,
Thờ nước vẹn lòng trung.
Cù đến tôi nhớ nhung.
Một câu xin tặng cù:
Kháng chiến ắt thành công.*

(Tặng cù Võ Liêm Sơn)

Hay khi nhớ tới các cháu nhi đồng:

*Thu này Bác gửi thư chung,
Bác hôn các cháu khắp vùng gần xa.
Thu này hơn những thu qua,
Kháng chiến thắng lợi gấp ba, bốn lần.*

(Gửi các cháu nhi đồng
nhân dịp tết Trung thu 1953)

Cụ Bùi Bằng Đoàn nói rất đúng: "Thao bút nhưng thành thoái lỗ thi", thơ Bác trước hết là thơ đuổi giặc, con người Bác trước hết là con người chiến sĩ. Chế Lan Viên cũng nói rất hay: "Bác là người Ông, Bác là người Cha, bác là Nhà thơ, Bác là Nhà triết học. Hoà bình, ta có thể về Bác buông cần câu trên một dòng suối thời gian. Nhưng bây giờ dựng tượng Người, ta sẽ dựng tượng Hồ Chí Minh. Người du kích Hồ Chí Minh. Vị tướng Hồ Chí Minh. Vị tư lệnh, Người chỉ huy". Bức tượng ấy, chính Bác chứ không phải ai khác đã dựng lên một cách thành công hơn cả trên cái bối cảnh cuộn cuộn khí thế quyết chiến quyết thắng của toàn quân, toàn dân ta, bằng một trong những bài thơ hay nhất của Người:

*Chống gậy lên non xem trận địa,
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây.
Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đẩu,
Thê diệt xâm lăng lũ sói cây.*

(Lên núi)

Tuy nhiên, lại cần nhớ rằng, con người Bác là một kết hợp hài hoà kỳ diệu. Bác trước hết là một chiến sĩ, là vị tư lệnh. Đúng thế. Nhưng đồng thời Bác vẫn luôn luôn là một người cha, một người ông, là triết học, là nhà thơ:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa...

Mà thực ra, cái hình ảnh ung dung thi sĩ kia chính là biểu hiện tư thế hoàn toàn làm chủ trong bất kỳ tình huống nào của một chiến sĩ vĩ đại, một vị tư lệnh vĩ đại đang vạch đường đi tắt thẳng cho một dân tộc anh hùng.

TIẾNG NGÀY XUA VÀ CẢ TIẾNG MAI SAU

Nếu hiểu phong cách là một khái niệm chỉ quan hệ, thì một trong những nét phong cách độc đáo của thơ trữ tình của Bác là quan hệ hoà hợp giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, trên cơ sở sự thống nhất biện chứng giữa tính truyền thống sâu sắc và tính đảng vững vàng.

Sự hoà hợp này thường thể hiện một cách rất thú vị trong những bài thơ tức cảnh của Người.

Chẳng hạn, có thể tìm thấy trong hai bài thơ Pác Bó Bác làm vào mùa xuân năm 1941.

TỨC CẢNH PÁC BÓ

*Sáng ra bờ suối, tôi vào hang,
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng,
Bàn đá chông chênh, dịch sử Đảng,
Cuộc đời cách mạng thật là sang!*

Không phải ngẫu nhiên mà Tố Hữu đã chọn đưa nguyên vẹn bài thơ này vào trong bài thơ dài *Theo chân Bác* của mình. Chắc hẳn anh cũng nhận thấy đây là một trong số những bài thơ hay nhất và tiêu biểu nhất của Người: một bài thơ khẩu chiếm, "tức cảnh sinh tình" mà đọc lên một cách tự nhiên. Lời lẽ thì không thể giản dị hơn được. Vây mà càng đọc, càng thấm thía biết bao tình sâu, lớn, tưởng chừng khai thác mãi cũng không cùng. Mới hay thơ Bác cũng như con người của Bác, bề ngoài cứ trong suốt như ánh sáng ban ngày vậy thôi, mà phân tích ra thì có đủ cả bảy sắc cầu vồng.

Bài thơ trước hết là một lời đùa vui của Bác đối với "cái

nghèo" của cách mạng, phảng phất như cái bút pháp hóm hỉnh "nói nghèo mà hoá ra sang" thường thấy ở các nhà thơ cổ điển để nêu cao cái triết lý "lạc đạo vong bản": ở thì trong núi trong hang, ăn thì rau măng cháo bẹ, làm việc thì mượn ngay một phiến đá thiên tạo chông chênh bên bờ suối. Kể nghèo thì quả thực là nghèo, vì đến những tiện nghi tối thiểu của đời sống thông thường cũng không có. Nhưng nói sang thì cũng đúng là sang chứ sao! Còn gì đáng hoàng hơn là làm chủ cả một cơ ngơi thiên nhiên rộng lớn và kỳ thú như thế để ngày ngày "sáng ra", "tối vào", ung dung mặc thích. Còn ăn uống thì sản vật sơn lâm đó, lúc nào mà chẳng "sẵn sàng". Cũng có người hiểu câu thơ này theo một nghĩa khác: sinh hoạt tuy kham khổ, nhưng (ta) sẵn sàng tinh thần cách mạng. Cách giải thích có vẻ nghiêm trang khắc khổ và hơi "lên gân" như thế e không phù hợp với phong cách tươi vui của bài thơ, cũng không ăn nhập với bài thơ tự sự từ câu đầu đến câu ba, và nhất là không tương xứng với tâm cỡ tư tưởng của Bác Hồ vĩ đại... Đọc thơ thấy nụ cười của Bác càng hồn nhiên thoải mái bao nhiêu, càng cảm động trước nghị lực cách mạng phi thường của Bác bấy nhiêu. Ngày xưa, gặp phải lúc "dương suy âm thịnh", bọn gian tà ngang ngược tung hoành, những nhà nho tiết tháo từ bỏ công danh phú quý để "lánh đục về trong", cũng đã từng biết vui với đạo lý của mình trong cảnh nghèo túng thanh bạch. Nhưng chắc chắn chưa có "vị" nào phải nếm trải "cái nghèo" đến mức như Bác Hồ trong những ngày "hàn vi" của cách mạng ở hang Pác Bó đầu năm 1941 - thời gian ra đời của bài *Tức cảnh* này. Hồi ký của những người từng sống với Bác ghi lại rằng: hàng tuần, Bác chỉ được ăn vài bữa cơm, còn thì toàn cháo ngô độn với măng tre, đọt bí. Vài ngày một lần, Bác lại cùng

với một chú Liên lạc lội suối mò ốc về "cải thiện". Đêm đêm Bác ngủ trong hang lạnh, trải ổ rơm trên một tấm ván. Sáng dậy có khi thấy cả rắn rết bò vào. Vậy mà hồn thơ của Người cứ thanh thản đường hoàng như sống trong cảnh giàu sang thật sự vậy. Bởi vì cũng là "lạc đạo", nhưng đạo của Người là đạo lý tất thắng của giai cấp vô sản. Chỉ có đứng trên đỉnh cao của tư tưởng thời đại ấy, Bác mới có thể đùa vui thoải mái như thế với chính những điều kiện sống vô cùng cực khổ của mình.

Phong cách thơ Bác là thế, thường vẫn có sự kết hợp hài hoà giữa tính cổ điển và tính hiện đại. "Ta nghe thấy tiếng nói cha ông trong tiếng nói của Hồ Chủ tịch". Nhận xét đó của thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng rất đúng với bài *Tức cảnh này*.

Chẳng phải ngay từ câu đầu, bài thơ đã vẽ ra trước mắt ta hình ảnh một nhà hiền triết thuở xưa đang khoan thai dạo bước giữa một vùng nước non thanh tịnh đó sao?

Sáng ra bờ suối, tôi vào hang.

Bác Hồ đến nơi hang động này từ thuở nào vậy? Sáng sáng Người ra bờ suối hái thuốc hay ngồi câu trên một mỏm đá nào? Sinh hoạt của nhà hiền sĩ cô nhiên là bao giờ cũng thanh bạch: "Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng". Cái phong vị đạm bạc ưa thích đó đối với các nhà ẩn sĩ chẳng vẫn thường được nhắc đến trong thơ cổ đó sao:

*Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao...*

(Nguyễn Bỉnh Khiêm)

Thì ra trong số những yếu tố tạo nên tâm hồn phong phú

của Bác Hồ, vẫn có cái yếu tố truyền thống mà người xưa thường gọi là cái "thú lâm tuyền" này. Có điều các nhà hiền triết xưa nhiều khi chỉ ăn rau rừng, măng núi trong thơ mà thôi, còn Bác Hồ thì cứ phải "thưởng thức" thưởng xuyên trong thực tế. Câu thơ có cái gì nửa hư nửa thực, phù hợp với không khí vui đùa hóm hỉnh rất thích của bài tứ tuyệt.

Tình cảm thiên nhiên cổ điển đó lại biểu hiện một cách khác trong câu thứ ba:

Bàn đá chông chênh, dịch sử Đảng.

Có lẽ một trong những chi tiết vui nhất của bài thơ là ở hai chữ "chông chênh" này đây. Cần nhớ rằng bút pháp chung của bài *Tức cảnh* là kể, là gợi, hơn là miêu tả trực tiếp. Nhưng đến cái chi tiết "chông chênh" này thì nhà thơ thấy cần phải tả, phải vẽ - đó là tính từ miêu tả duy nhất của bài thơ. Chính nhờ cái hình dáng chông chênh cụ thể đó của tảng đá mà ta có thể hình dung ra được cặp mắt Bác Hồ đang nheo cười trước cái bàn đá độc đáo của mình. Sống giữa thiên nhiên, làm việc giữa đất trời khoáng đạt, lại tựa luôn vào chiếc bàn hoàn toàn thiên tạo kia mà viết, mà "dịch sử Đảng", thì kể cũng thú vị chứ sao? Chắc hẳn đó là ý nghĩ rất vui của Người khi ứng khẩu đọc lên hai tiếng "chông chênh" này. Nhớ khúc hát Côn Sơn của Nguyễn Trãi ngày xưa:

*Côn Sơn có suối nước trong
Ta nghe suối chảy như cung đàn cầm
Côn Sơn có đá tản vân
Mưa tuôn đá sạch ta nằm ta chơi...*

Dĩ nhiên giữa hai nhà thơ của hai thời đại, ta vẫn nhớ có khoảng cách dài dặc của mấy trăm năm lịch sử. Cho nên,

một người lấy đá Côn Sơn làm chiếu, một người lấy đá Pác Bó làm bàn, tuy cùng chung một tình cảm gắn bó, chan hoà đối với tạo vật, nhưng thái độ xã hội, triết lý nhân sinh, vẫn có những chỗ khác nhau về căn bản. Người này tin ở thiên cơ thiên mệnh, gặp khi thời thế đảo điên không thể phò đời cứu nước, đành lui về bầu bạn với mây ngàn hạc nội, phách suối đàn thông. Người kia nắm chắc qui luật khách quan của lịch sử, đoán trước thời cơ cách mạng, mượn núi rừng làm nơi căn cứ địa để xây dựng lực lượng, nhen nhóm phong trào, chuẩn bị cho những cơn bão táp của lịch sử. Một đảng là triết lý của người ẩn sĩ, từng ném trái bao phen vinh nhục, cảm thấy đời người như mây nổi, như chiêm bao, muốn dẫn mình trong chốn lâm tuyền, nhập thân vào giữa cái mệnh mông vĩnh cửu của tạo vật. Một đảng là triết lý của người chiến sĩ, triết lý cải tạo thế giới để con người hoàn toàn làm chủ thiên nhiên, làm chủ lịch sử, làm chủ vận mệnh của mình. Đó cũng là quan điểm thẩm mỹ của Bác Hồ trong bài *Tức cảnh*. Chẳng phải trên bức tranh Pác Bó kia, trung tâm chú ý của nhà hoạ sĩ vẫn là con người đang hành động đó sao? Một nét đậm duy nhất ("chông chênh") và gân guốc nhất ("dịch sử Đảng") đã đưa hình ảnh nhà hiền triết vô sản lên bình diện thứ nhất nơi chính giữa của bức tranh, để đẩy lùi lại phía sau cái nền phong chấm phá của suối hang sơn thủy. Với nét vẽ quyết định đó Bác Hồ không ẩn đi mà hiện lên, không chỉ "lạc đạo" mà "hành đạo", không phải ẩn sĩ mà là một chiến sĩ. Tinh thần chiến sĩ đó, chất thép cách mạng đó đã xác định tính hiện đại sâu sắc của bài thơ, đúng như quan niệm của Người:

*Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

(Nhật ký trong tù)

Tinh thần thép đó không chỉ thể hiện ở câu này, chữ khác hoặc một số hình ảnh nổi lên trên bề mặt. Nó thâm sâu vào toàn bộ kết cấu âm thanh nhịp điệu của bài tứ tuyệt. Trên cái nền rộng rãi bề thế của một vùng căn cứ tạo nên bởi một loại âm vận vang xa toả rộng theo chiều ngang (sáng, ra, hang, măng, sang), bài thơ đã cắm xuống, đã đóng xuống theo chiều dọc, bằng sức mạnh dồn lại rất khoẻ của ba thanh trắc liên tiếp nhau (dịch sử Đảng), một khối đá hiên ngang, trên đó, Bác Hồ vĩ đại ngồi dịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô và đồng thời cũng viết nên những trang sử vẻ vang của cách mạng Việt Nam đang chuyển sang một bước ngoặt quyết định. Cái dáng ung dung tự hào tự chủ của vị lãnh tụ khiến ta có thể hiểu như vậy. Và đó là sự thật.

*

* *

Như thế trên những bức tranh thiên nhiên của Hồ Chủ tịch con người bao giờ cũng là trung tâm, cũng là chủ thể. Đó là tinh thần làm chủ thiên nhiên, cải tạo thế giới của người cộng sản. Tinh thần ấy càng thể hiện nổi bật trong bài *Pác Bó hùng vĩ*:

*Non xa xa, nước xa xa,
Nào phải thênh thang mới gọi là;
Đây suối Lên-nin, kia núi Mác,
Hai tay xây dựng một sơn hà.*

Một bài thơ tứ tuyệt rất chính trị mà cũng rất thơ. Ở đây chủ nghĩa Mác - Lênin đã hiện lên thành sơn thủy hữu tình.

Bài thơ mở đầu bằng một viễn cảnh bát ngát:

Non xa xa, nước xa xa

Nhà thơ đứng ở đâu mà có được cảm hứng đó? Tôi đã đến Pác Bó. Bác Hồ không thể nhìn thấy "non nước xa xa" nếu như đứng ngay ở khu vực quanh cửa hang hoặc nơi làm việc bên bờ suối có "Bàn đá chông chênh", dịch sử Đảng. Vì đó là một nơi sâu kín như lọt giữa đá núi, cây rừng. Tâm mắt chỉ có thể phóng ra xa được khi đi ra khỏi khu vực quanh cửa hang chừng vài trăm mét, xuôi theo dòng suối Lê-nin. Từ đây, núi rừng Pác Bó như dần dần hé mở ra trước mắt ta một khung cảnh núi đồi trùng điệp. Tuy nhiên, chưa chắc đây đã là nơi khởi hứng của bài thơ, vì từ địa điểm này, chỉ có thể thấy "non xa xa", chứ không thể thấy "nước xa xa" được. Và, nếu nói cho chặt chẽ hơn nữa, thì ở đây, núi tuy có xa, nhưng chưa phải là "xa xa", nghĩa là chưa thật mênh mông vô tận như ấn tượng mà câu thơ đã gợi lên trong tâm trí người đọc. Vậy thì tứ thơ chỉ có thể nảy sinh trong trường hợp Bác đứng trên một điểm cao nào đó của vùng Pác Bó, nhân một buổi sáng Người leo núi để tập luyện theo thói quen của mình. Vị trí này chắc hẳn đã đem đến cho nhà thơ một cảm nghĩ thú vị đặc biệt: bức tranh sơn thủy mênh mông đã phát hiện ngay trên một địa điểm rất đẹp, rất kín. Ai chưa đến Pác Bó, xin đừng tưởng tượng nó theo hình ảnh của những Tam Thanh, Hương Tích hay Sài Sơn... Nói cho đúng, đây chỉ là một cái hốc lớn mà thôi (gọi là Cốc Bó), nghĩa là chật chội, cheo leo. "Hang lạnh nhớ tay Người đốt củi" (Tố Hữu). Ôi, cái lạnh của giêng hai trên triền núi cao, cộng với hơi lạnh toát ra từ hốc núi hẹp, sâu kín và ẩm ướt, bên dưới là một mạch suối rì rào, tuôn chảy dưới bóng cây rừng! Nhưng chính là đứng trước cái cửa hang lịch sử này mà tôi chợt hiểu ra mối liên hệ tự nhiên giữa câu

một và câu hai của bài tứ tuyệt Bác làm hơn ba mươi năm về trước.

*Non xa xa, nước xa xa,
Nào phải thênh thang mới gọi là...*

Thì ra cái "thênh thang" lại tìm thấy ở chỗ "nào phải thênh thang"! Và ý nghĩa hùng vĩ của Pác Bó cũng là như thế: Hùng vĩ ở tầm nhìn bao quát của nó, chứ không phải ở phạm vi của nó; hùng vĩ ở cái thế của cuộc vận động cách mạng xuất phát từ Pác Bó, chứ không phải ở địa bàn còn nhỏ hẹp của vùng căn cứ lúc bấy giờ. Tứ thơ vút lên ung dung thoải mái biết bao từ thực tế đầy gian khổ từ điều kiện vật chất hết sức khó khăn, thiếu thốn của người chiến sĩ. Đó là chủ nghĩa lạc quan cách mạng, là tinh thần chiến thắng hoàn cảnh, là tư thế luôn luôn làm chủ đối với thiên nhiên, đối với lịch sử, đối với tương lai. Bài thơ ra đời vào thời gian Bác chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ Tám thành lập Mặt trận Việt Minh (5-1941). Giữa lúc bọn phát xít đang bành trướng từ Âu sang Á, tưởng chừng có thể nuốt chửng cả thế giới, giữa lúc Đảng và cách mạng đang trải qua những thử thách khốc liệt nhất, Hội nghị đã nhận định dứt khoát: "Nếu trong cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, Liên Xô, một nước xã hội chủ nghĩa, đã ra đời, thì trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai này sẽ sinh ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa..."⁽¹⁾. Đặt trong hoàn cảnh của nó, nhận định ấy chẳng phải chính là tứ thơ độc đáo của thời đại "Nào phải thênh thang mới gọi là" đó sao? Lời thơ như một tiếng reo vui trong tâm hồn bậc đại trí, từ lâu đã nắm chắc chân lý lớn nhất của

1. *Chú tịch Hồ Chí Minh* - Nhà xuất bản Sự Thật, 1970, tr.53.

thời đại: với chủ nghĩa Mác - Lênin, hai bàn tay vô sản sẽ
cải tạo được cả thế giới.

*Đây suối Lê-nin, kia núi Mác,
Hai tay xây dựng một sơn hà.*

Tố Hữu viết:

*Con nghe Bác tưởng nghe lời non nước
Tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau...*

Trong khúc hoà âm đó của tính truyền thống và tính hiện
đại, thì tính hiện đại nghĩa là "tiếng mai sau", cuối cùng,
vẫn là nét nhạc vang dội nhất.

QUÊN TUỔI GIÀ, TUỔI MÃI TUỔI ĐÔI MƯƠI

Đọc thơ Hồ Chủ tịch, thấy luôn luôn toả sáng một nụ cười
thoải mái, trẻ trung. Chúng ta có thể tìm thấy trong *Nhật
ký trong tù* biết bao bài thơ rất vui, một niềm vui rất dồi
hồn nhiên tươi trẻ:

*Máy bay địch bỗng tới ào ào
Tất cả nhân dân chạy xuống hào.
Cửa mở cho tù ra lánh nạn,
Được ra ngoài ngục, khoái làm sao!*

(Bảo động)

Nụ cười ấy có thể có được trong bóng tối đen ngòm của
nhà tù của bọn Quốc dân Đảng tàn bạo, dĩ nhiên chỉ có thể
giải thích được bằng chủ nghĩa lạc quan cách mạng của giai
cấp vô sản và sức sống mãnh liệt của dân tộc ta đã kết tinh
trong tâm hồn của Bác.

Có điều ở đây, cái chung của giai cấp, của dân tộc và thời đại đã trở thành hẳn cái riêng của Bác, nên niềm vui của Người cũng hồn nhiên, tự nhiên như niềm vui của đất trời khi mùa xuân trở lại:

*Mấy chục ngày qua toàn cuộc bộ,
Nay ngồi xe lửa về đảng hoàng.
So khi cuộc bộ còn sang chán,
Dù chỉ ngồi trên một đồng than!*

(Lên xe lửa đi Lai Tân)

Có một nhà thơ nào đó nói rằng: "Không có trạng thái nào thảm hại hơn là một khách qua đường trên thế gian này". Niềm vui lớn của Bác bắt nguồn từ trái tim vĩ đại của Người luôn gắn bó với mặt đất, với con người, với sự sống bất diệt trên cõi đời này. Cho nên Người đã đi khắp cả thế giới, ở đâu Người cũng sống hết mình cho cuộc sống, với tâm lòng nâng niu chăm chút tất cả, ngay cả khi phải treo ngược chân trên một chiếc thuyền tù nơi đất khách:

*Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh,
Lửng lảng chân treo tựa giáo hình.
Làng xóm ven sông đông đúc thế,
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.*

(Giữa đường đáp thuyền đi huyện Ung)

Sự gắn bó với cuộc sống của Bác cũng thật bất ngờ và cảm động trong bài *Đêm ngủ ở Long Xuyên*:

*"Đôi ngựa" ngày đi chẳng nghỉ chân,
Đêm "gà năm vị" lại thường ăn;
Thừa cơ rét, rệp xông vào đánh,
Mừng sáng nghe oanh hót xóm gần.*

Đúng là Bác Hồ xem thường những gian khổ trong nhà tù nên mới có thể nói về nó bằng giọng đùa vui như vậy được. Nhưng người cộng sản đâu phải xương sắt, da đồng. Một ngày mới mệt bị đẩy ải, lại tiếp một đêm mất ngủ vì bị hành hạ, vậy mà Bác vẫn có thể lắng nghe một tiếng chim oanh báo sáng để nở một nụ cười vui. Chắc hẳn Bác Hồ có liên tưởng đến tiếng chim oanh của Đường thi, của Chinh phụ, của truyện Kiều, v.v. tiếng chim thánh thót, trong trẻo thường biểu hiện cái xôn xang của mùa xuân, của tình yêu và sự sống.

Có người định nghĩa "sự sống không phải là bao gồm những lực lượng đề kháng chống lại cái chết, mà là tổng số những sức mạnh nhằm chinh phục môi trường"⁽¹⁾. Bác Hồ chính là hiện thân của sự sống hiểu theo quan niệm tích cực đó.

Cho nên Bác không bao giờ chấp nhận tuổi già:

Năm mươi chín tuổi vẫn chưa già.

(Không dè)

*Sáu mươi tuổi vẫn còn xuân chán,
So với ông Bành vẫn thiếu niên.*

(Sáu Mươi tuổi)

*Chưa năm mươi đã kêu già,
Sáu ba mình vẫn nghĩ là đương trai.*

(Sáu mươi ba tuổi)

Cũng vì thế, Bác tuyệt nhiên không nói đến cái chết, ngay cả trong *Nhật ký trong tù*. Xưa nay những nhà cách mạng

1. Wintrebert. Dẫn theo Yves Eyot trong bài *Những tìm tòi suy nghĩ về mỹ học*. Tạp chí "La nouvelle critique" số 156, 157 (1964).

làm thơ trong nhà tù đế quốc, không mấy ai không nói đến cái chết. Vì nhà tù đế quốc là nơi âm khí nặng nề, cái chết luôn luôn đe dọa, "là gươm kề tận cổ, súng kề tai, là thân sống chỉ coi còn một nửa" (Tố Hữu). Dĩ nhiên người chiến sĩ vô sản nói đến cái chết là để tỏ bày nhân sinh quan cách mạng của mình, để khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa cá nhân và tập thể, giữa sự sống và cái chết, với tinh thần lạc quan cách mạng và thái độ kiên cường dũng cảm: "Tôi sẽ chết tuy chưa về tới đích. Nhưng cần chi, đã có bạn chung đời" (Tố Hữu).

Nhưng trong *Nhật ký trong tù*, Bác Hồ không bao giờ bàn đến cái chết. Dù bị giam cầm trong những địa ngục trần gian khủng khiếp, nhiều khi thực sự phải ngồi bên cái chết (*Một người tù cờ bạc vừa chết, Lại một người nữa...*), Bác cũng chỉ nghĩ đến sự sống, đến ánh sáng, đến tương lai:

*Trong ngục giờ đây còn tối mịt,
Ánh hồng trước mặt đã bừng soi.*

(Buổi sớm)

Nhìn chung, hướng vận động của hình tượng thơ của Hồ Chủ tịch là như thế: từ bóng tối vươn ra ánh sáng, từ đau đớn đổi sang niềm vui, từ thất bại chuyển thành chiến thắng:

*Ví không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân.*

(Tự khuyên mình)

Nét phong cách này thể hiện trong văn thơ Bác từ nội dung đến hình thức, từ tư tưởng đến bút pháp, cú pháp. Nhà văn Pháp Sác-lơ Phuốc-ni-ô có một nhận xét rất quý về cú pháp của Hồ Chủ tịch trong bài hồi ký viết về lần cuối cùng

ông được gặp Bác: "Trong đề cương đưa Người, đồng chí Hồ Chí Minh đã gạch tất cả những công thức tiêu cực để thay bằng những công thức tích cực cùng nghĩa. Người không viết: "Không có chủ nghĩa xã hội thì các dân tộc không thể đi đến giải phóng hoàn toàn", mà viết: "Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể đảm bảo cho các dân tộc được giải phóng hoàn toàn...". Đây không phải là một cái tật trong cách sử dụng ngôn ngữ mà đây chính là một nếp suy nghĩ của Người, nếp suy nghĩ ấy thể hiện ra như vậy, làm cho người ta cảm thấy rằng, trong tất cả mọi tình huống dù là đen tối nhất, Người đã phân biệt rõ cái gì là tích cực, cái gì là hướng về cuộc sống và tương lai"⁽¹⁾.

Hướng về cuộc sống và tương lai, không chấp nhận cái chết, tinh thần ấy của Bác Hồ thể hiện cả trong bản *Di chúc* Người để lại. Người vĩnh biệt chúng ta để đi vào cõi trường sinh với một nụ cười đùa vui rất đời quen thuộc của mình: "phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin...". Và quả thực, Bác Hồ vẫn sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta, với non sông đất nước tươi đẹp của chúng ta. Trong những bài thơ vui, Bác có lúc ví mình với tiên theo quan niệm thiết thực về hạnh phúc của nhân dân lao động ("*ăn được, ngủ được là tiên*"). Ngày xưa từng có bao kẻ lên núi tu tiên để mong tìm được cách thoát khỏi vòng sinh tử. Bác Hồ không lên núi, cả cuộc đời Bác lăn lộn trong biển người cùng khổ, chiến đấu không ngừng không nghỉ cho độc lập, tự do của dân tộc và nhân loại. Chính vì thế mà Người đã tìm ra được thuốc "cải lão hoàn đồng", "trường sinh bất tử" luyện bằng

1. Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh - Báo Nhân Dân, 9-9-1969.

chính tấm lòng đại nhân của Bác cùng với quan niệm về hạnh phúc chân chính của con người ta chỉ có thể có được trong lao động và đấu tranh cách mạng:

*Sáu mươi tuổi vẫn còn xuân chán
So với ông Bành vẫn thiếu niên.
Ăn khỏe, ngủ ngon, làm việc khỏe
Trần mà như thế kém gì tiên!*

Thành phố Hồ Chí Minh, 19-5-1978
(Trích từ sách: *Nhà Văn, tư tưởng
và phong cách*; Nxb Văn học, 1983)

TÌM HIỂU TÍNH ĐẢNG TRONG THƠ HỒ CHỦ TỊCH

HOÀNG XUÂN NHỊ

Trong bài nói chuyện tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ III, đồng chí Trường Chinh đã khuyên chúng ta học tập tính đảng trong *Nhật ký trong tù*, trong thơ Hồ Chủ tịch, thơ Tố Hữu. Đây quả là một điều có nhiều hứa hẹn cho lý luận nghệ thuật, cho việc tu dưỡng nghệ thuật và bồi dưỡng những văn nghệ sĩ xã hội chủ nghĩa...

Tính đảng cộng sản trong thơ Bác chỉ là một phần của tính đảng cộng sản trong đời cách mạng của Bác, một cuộc đời tuyệt đẹp, cống hiến trọn vẹn, quên mình cho sự nghiệp vĩ đại, nhân đạo nhất, toàn tâm toàn ý vì lợi ích sống còn của giai cấp, của Tổ quốc và dân tộc, đồng thời cũng vì lợi ích bao trùm của cách mạng thế giới. Nhưng riêng phần tính đảng trong thơ Bác cũng đã rộng như biển, và sâu không thể nào đo lường hết được.

Thơ Bác giáo dục tính đảng về rất nhiều mặt. Đọc thơ Bác với thái độ nghiên ngẫm xuất phát từ ý thức trách nhiệm quyết rút ra những bài học vô cùng thấm thía, phong phú, chúng ta tìm thấy tính đảng trên những vấn đề đặc biệt lớn như: chiến lược và sách lược cách mạng, sáng tạo đường lối

(cương vị của Bác là lãnh tụ, có mặt sáng tạo đường lối, cần chú ý); chủ nghĩa yêu nước, lý tưởng giải phóng dân tộc, lý tưởng xã hội chủ nghĩa; cộng sản chủ nghĩa; chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, chủ nghĩa quốc tế vô sản; thâm nhuần tới mức nghệ thuật thế giới quan, lịch sử quan, phản ánh luận, phương pháp tư tưởng Mác - Lê-nin; nắm bao quát, chính xác quá khứ, hiện tại và dự kiến, khẳng định tương lai; nhìn địch, nhìn ta, phân hoá địch, cô lập bọn thù chủ yếu, đánh chúng quyết liệt và tiến công chúng liên tục, cảnh giác rất cao đối với địch, tin tưởng tuyệt đối vào Đảng, giai cấp và nhân dân; con đường và điều kiện phát triển anh hùng của dân tộc ta thời hiện đại; phong độ và đạo đức của người cộng sản mẫu mực... Chúng ta cũng tìm thấy tính đảng trên những vấn đề lớn của mỹ học, như bản chất của thơ ca, nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa, vị trí, chức năng của nền nghệ thuật cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, phương hướng và nội dung cơ bản của việc phản ánh nghệ thuật, nhiệt tình cách mạng, tinh chiến đấu trong nghệ thuật, cái đẹp, cái cao thượng, cái hài kịch, cái bi kịch, cái anh hùng, chủ nghĩa anh hùng cách mạng... Rất quý nữa là tính đảng còn biểu hiện trong nếp sống và làm việc, đối nhân xử thế thường ngày, trong cảnh sống cụ thể lúc bị tù, trong những tâm tư, cảm nghĩ hồn nhiên nhất, trong quan hệ với thiên nhiên: ngắm trăng, ngắm trời, nhìn núi, mây, chim rừng, hoa xuân, "một nhành mai", "mặt trời đỏ" hoặc nhìn từ đỉnh cao, "thu vào tầm mắt muôn trùng nước non"... Thơ Bác không nhiều. Nhưng rõ ràng là khó mà tìm ra được ở một nhà thơ nào khác, ngay cả ở những nhà thơ cách mạng lớn nhất một nội dung tính đảng tập trung và lớn rộng đến thế.

Hồ Chủ tịch đã có nói: "Về nội dung viết, mà các cô các

chú gọi là "đề tài", thì tất cả những bài Bác viết chỉ có một "đề tài" là chống thực dân đế quốc, chống phong kiến địa chủ, tuyên truyền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội" (1). Đời cách mạng của Bác là thơ lớn của thời đại. Thơ Bác hoàn toàn là thơ cách mạng, thơ chiến đấu, như kim chỉ nam luôn luôn hướng vào mục đích cao cả: mài sắc sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng của bản thân, biểu dương, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đánh bại mọi kẻ thù giai cấp và dân tộc, thực hiện lý tưởng độc lập, tự do chân chính, xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến dần lên chủ nghĩa cộng sản. Đồng chí Hà Huy Giáp viết: "Những tác phẩm của Hồ Chủ tịch là những mẫu mực về một thứ vũ khí cách mạng sắc bén của giai cấp công nhân Việt Nam, chĩa mũi nhọn vào bè lũ đế quốc, phong kiến thống trị, lôi cuốn, tập hợp, tổ chức toàn thể nhân dân vùng lên đuổi giặc, cứu nước, xoá bỏ áp bức, bóc lột, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Muốn được tự do, văn hoá, văn nghệ phải phục vụ cách mạng và người làm công tác văn hoá, văn nghệ phải trở thành chiến sĩ cách mạng kiên cường như Hồ Chủ tịch đã nói và đã làm suốt đời" (2). Nhận định này cũng đúng với thơ Bác, thơ của người yêu nước, người anh hùng cách mạng, người cộng sản Việt Nam ưu tú nhất, - con người mới của thời đại tiến lên giải phóng dân tộc trên phạm vi toàn thế giới, con người đã biến chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tinh hoa của dân tộc thành máu thịt, hơi thở, nếp nghĩ, cảm xúc bình dị, thành như bản năng thứ hai của mình. Thơ Bác tiêu

(1) Bài nói chuyện của Hồ Chủ tịch tại Đại hội lần thứ 2 của những người viết báo Việt Nam, tháng 4-1959.

(2) Hà Huy Giáp: Học tập quan điểm văn hoá, văn nghệ cách mạng của Hồ Chủ tịch; Tạp chí Học tập; 5-1965; tr. 25.

biểu cho khúc ngoặt lịch sử vĩ đại nhất và cho sự phát triển hào hùng, nên thơ nhất, tuyệt đẹp của lịch sử Việt Nam bốn nghìn năm. Tính đảng cộng sản trong thơ Bác vững như núi, trong suốt như "lòng sông gương sáng bụi không mờ", rất sáng, rất sắc và thấm sâu vào lòng người. Tính đảng biểu hiện trong những điều rất hay, rất quý mà Bác nói ra và cả trong sự im lặng đầy tình ý của Bác nữa. Tục ngữ phương Tây có câu: "Lời nói là bạc, nhưng im lặng lại là vàng". Ở Bác, lời nói là vàng, im lặng cũng là vàng.

Bài nghiên cứu trước ⁽¹⁾, khi phân tích những tác phẩm đặc sắc, đã cố gắng làm nổi bật một số điểm về tính đảng, về chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong *Nhật ký trong tù* và *Thơ Hồ Chủ tịch*. Trong bài này, tôi không trình bày đủ các mặt, mà chỉ đi vào vấn đề bao quát, tiêu biểu nhất, như sau:

Thơ Bác, từ mùa xuân 1941 đến mùa thu 1942, trong hai năm đầu Mặt trận Việt Minh ⁽²⁾, hướng rất tập trung vào việc tuyên truyền, giải thích thấm thía đường lối cách mạng cứu nước, giải phóng dân tộc, xây dựng tương lai tươi đẹp, đường lối bạo lực cách mạng, chiến tranh nhân dân, và vào việc động viên giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các giới nhân dân lao động đông đảo gia nhập những tổ chức cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hầu hết là thơ chính trị. Có hai bài thơ cảm hứng: *Pắc Bó hùng vĩ* và *Tức cảnh Pắc Bó*, và cả hai bài cũng đều xoáy vào chủ đề cách mạng, nói lên lòng tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, của cách mạng: "Đây suối Lê-nin, kia núi Mác, - Hai tay

(1) H.X.N: Những bài thơ hay nhất của Hồ Chủ tịch: Tạp chí văn học; số 3; 1970.

(2) Xem tập Thơ Hồ Chủ tịch; Nxb. Văn học; Hà Nội; 1967. Xem thêm Hồ Chí Minh: Thơ; Nxb. Văn học; Hà Nội; 1970.

xây dựng một sơn hà"; nói lên lòng tự hào của con người cách mạng: "Cuộc đời cách mạng thật là sang". Sau mấy chục năm xa cách Tổ quốc yêu dấu, bôn ba cách mạng ở nước ngoài, canh cánh lo tính dân dất đồng bào thoát cảnh nhục, cảnh lâm than, Bác trở về nước lãnh đạo tại chỗ sự nghiệp cách mạng. Bao nhiêu cảm xúc rạo rực, hào hứng, sâu sắc và độc đáo trong lòng, mà Bác rất có thể diễn tả thành thơ. Nhưng, như Bác nói: "Ngâm thơ ta vốn không ham"... Rõ ràng là Bác sáng tác, chủ yếu không phải vì thơ. Bác sáng tác vì cách mạng và *nhân đây mà* vì thơ. Chính do đây mà thơ Bác rất cao về nội dung, về tinh thần cách mạng, và thường cũng rất hay. Nếu chỉ vì cách mạng thì thơ hẳn là đúng, nhưng chưa chắc đã hay; - phải vì cách mạng và *nhân đây* mà cũng vì thơ, có vậy thơ mới là vừa cách mạng vừa hay... Đường lối cách mạng của Đảng, sự nghiệp cách mạng của nhân dân dưới ngọn cờ của Đảng và của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trong giai đoạn mới, quyết định và quyết liệt, từ bước đầu vô cùng gian nan đến những triển vọng chiến thắng rực rỡ, đó là chất liệu thơ, chất liệu nghệ thuật cao quý nhất. Chẳng những thế, đó còn là *đối tượng thẩm mỹ chủ yếu hàng đầu*. Quan điểm ấy của Bác thật nhất quán, trong sáng và nói lên hùng hồn tính đảng trong thơ Bác. Đối tượng tuyên truyền mà Bác nhắm vào, như đã nói, là quảng đại quần chúng lao động (các giai cấp, tầng lớp cơ bản), và trong ý đồ sáng tác của Bác, chắc là bao gồm toàn thể dân tộc, mọi người Việt Nam yêu nước, hoặc có khả năng yêu nước, - Bác còn nghĩ chu đáo, bao dung đến những binh lính lầm đường, làm nghề đánh thuê cho bọn giặc cướp nước; xét vì gốc của họ là lao động, Bác không coi họ là thù, kêu gọi họ trở về với "giống nòi", với "nhân nghĩa", "cứu dân, cứu nước", quay

súng "đánh Nhật, đánh Tây" ⁽¹⁾. Bác làm thơ cho hàng chục triệu đồng bào, cho nhân dân cả nước, nhóm lên trong lòng họ lửa thiêng yêu nước và cách mạng. Đúng như Lê-nin nhận định: "Họ là tinh hoa là sức mạnh, là tương lai của đất nước". Đối tượng thẩm mỹ và đối tượng tác động, phục vụ của nghệ thuật đều liên quan biện chứng với nhau, và xác định dứt khoát hai đối tượng rất cơ bản ấy, như Bác làm, là một bài học lớn cho lý luận và thực tiễn văn nghệ xã hội chủ nghĩa. Kinh nghiệm cho chúng ta biết: xác định được như vậy không phải dễ, đòi hỏi tính đảng rất cao. Nội dung tuyên truyền của Bác cũng có nhiều sáng tạo. Trọng tâm hoàn toàn nổi bật là đường lối cách mạng cứu nước và đường lối quân sự của Đảng, không ngừng mở rộng và củng cố các tổ chức cách mạng do Đảng lãnh đạo, - tư tưởng chiến lược được đặc biệt nhấn mạnh là *bạo lực cách mạng, là cách mạng tiến công*:

*Việt Nam độc lập đồng minh
Có bản chương trình đánh Nhật, đánh Tây.
Quyết làm cho nước non này,
Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền;
Làm cho con cháu Rồng, Tiên,
Dân ta giữ lấy lợi quyền của ta... ⁽²⁾*

*Thấy Tây cứ chém phứa,
Thấy Nhật cứ chặt nhào... ⁽³⁾*

*Nhật ta đâm
Tây ta chặt... ⁽⁴⁾*

(1) Ca binh lính.

(2) Mười chính sách của Việt Minh.

(3) Bài ca du kích.

(4) Ca đội tự vệ.

Thơ ca, văn nghệ là tình cảm, hoặc nói rõ hơn, là tư tưởng dưới dạng thái tình cảm, là tư tưởng - tình cảm; xây dựng tư tưởng chủ yếu thông qua tình cảm, giúp con người tự khẳng định mình bằng tình cảm và từ đó con người chuyển sang hành động đầy nhiệt tình nhằm "phá sạch mối bất bình", triệt để cải tạo xã hội, cải tạo thế giới. Sáng tạo chính là ở chỗ Bác nắm rất chính xác bản chất thẩm mỹ - tình cảm của văn nghệ, thông qua tình cảm chân chính, đẹp để giáo dục đường lối của Đảng, do đây mà đưa đường lối của Đảng vào tận tim gan của mỗi người dân mất nước. Bác kêu gọi, thức tỉnh, lay động những tình cảm cao quý:

- Yêu nước, giác ngộ giai cấp gắn chặt với giác ngộ dân tộc, đặt nhiệm vụ cứu nước, giải phóng dân tộc lên trên hết: "Thơ truyền ta phải đứng ra, trước là cứu nước sau ta cứu mình"⁽¹⁾.

"Dịp này là dịp trời cho, - Lo cứu nước tức là lo cứu mình"⁽²⁾. "Trước giúp nước sau giúp mình mới nên"⁽³⁾... Yêu độc lập, tự do, quyết tâm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, làm chủ số phận, đời sống, lao động của mình, làm chủ non sông đất nước: "Lửa cách mạng sáng choang bờ cõi, - Chiếu lên cờ độc lập, tự do"⁽⁴⁾, "Nhật, Tây áp bức giống nòi, - Ta nên đoàn kết để đòi tự do"⁽⁵⁾. "Bao giờ khôi phục nước nhà, - Của ta ta giữ, công ta ta cảm"⁽⁶⁾. "Mai sau thực hiện chương trình: "Nông dân có đủ ruộng mình làm ăn"⁽⁷⁾...

(1) Ca công nhân.

(2) Ca dân cây.

(3) Phụ nữ; Nxb, Văn học; Hà Nội; 1970.

(4) Nhóm lửa.

(5) Con cào và tổ ong.

(6) Ca công nhân.

(7) Ca dân cây.

- Cầm thù bọn giặc cướp nước và bán nước, - mũi nhọn chia thẳng vào bọn đầu sỏ, bọn đế quốc thực dân Nhật, Pháp, và không phải vì thế mà Bác không chỉ rõ lũ tay sai đắc lực của chúng: bọn "vua quan", "mật thám" ⁽¹⁾. Cầm thù này cũng bện chặt với cầm thù giai cấp. Mỗi giai cấp, mỗi giới lao động có cầm thù chung vì cùng một cảnh mất nước, mất độc lập, tự do, bị áp bức bóc lột tàn nhẫn, và có cầm thù riêng, cụ thể. Trong thơ bác, có nhiều đoạn giáo dục cầm thù rất thâm thía (xem: *Ca công nhân*, *Ca dân cày*, *Ca binh lính*, *Kêu gọi thiếu nhi*, *Trẻ chăn trâu...*). Cầm thù giặc, cầm thù giai cấp và cầm thù dân tộc là chất men cho chủ nghĩa yêu nước. Bản thân nó chưa nhất thiết biểu hiện ngay bằng chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nhưng là một động lực quan trọng, và thông qua những khâu khác như: chủ nghĩa yêu nước, ý thức cách mạng của giai cấp vô sản, chủ nghĩa quốc tế vô sản... sẽ dẫn tới chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

- Tự hào dân tộc, tự hào với lịch sử Việt Nam bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước. Bác nhắc đến cả nguồn gốc truyền thuyết, thần thoại của dân tộc "cháu Tiên, con Rồng" ⁽²⁾, khơi động tình nghĩa "cùng giống, cùng nòi Việt Nam" ⁽³⁾, lòng "yêu giống, yêu nòi" ⁽⁴⁾. Bác kêu gọi: "Hỡi ai con cháu Hồng Bàng" ⁽⁵⁾... Thời đại Hồng Bàng là giai đoạn dựng nước, giữ nước đầu tiên ở ta, và có điều kiện khách quan để làm nảy nở chủ nghĩa anh hùng một phần nào trong lao động sản xuất, cải tạo thiên nhiên, và nhất là trong chiến tranh chính nghĩa. Bác coi trọng nam cũng như nữ; trong sự đánh giá

(1) Nhóm lừa

(2) Kêu gọi phụ nữ

(3) Ca binh lính

(4) Con cáo và tổ ong

(5) Bài ca sợi chỉ

của Bác, họ đều bình đẳng, bình quyền. Bác nêu cao những gương sáng chiến đấu và hy sinh vì nước vì dân xưa và nay:

*Ngàn thu vang tiếng Bà Trưng,
Ra tay cứu nước cứu dân đến cùng.
Bà Triệu Ấu thật anh hùng,
Cưỡi voi đánh giặc vẫy vùng bốn phương...*

*Kìa như chị Nguyễn Thị Minh Khai
Bị làm án tử đến hai ba lần...*

- Đoàn kết giai cấp, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc nhằm hai mục đích liên quan mật thiết với nhau: để có "lực lượng", thành sức mạnh (*Bài ca sơi chỉ*) và để chiến đấu chiến thắng bằng cách mạng tiến công (*Hòn đá to, Con cáo và tổ ong*). Tư tưởng đoàn kết của Bác rất sáng tạo và chung thủy, - một sự vận dụng thật cao tay, tài tình chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tế lịch sử Việt Nam mà đặc điểm chủ yếu là đoàn kết chống và thắng ngoại xâm trải qua mấy nghìn năm. Bác là hiện thân của đại đoàn kết toàn Đảng, toàn dân và của đoàn kết quốc tế với tinh thần cách mạng chân chính, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Bác đem lại cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta thời hiện đại một sự cống hiến và một thuận lợi không sao kể xiết, một sự thúc đẩy quý giá vô ngần khiến cho cách mạng ta càng tiến công càng thêm mạnh, càng dồi dào sức để vượt muôn trùng sóng to gió lớn. Thơ Bác về chủ đề đoàn kết thấm sâu tư tưởng, tình cảm của Bác. Trước đây tôi đã phân tích *Bài ca sơi chỉ*; các bài khác của Bác cũng rất giản dị và sâu sắc. Qua đó, có thể rút ra được lý luận về hai phạm trù thẩm mỹ: cái anh hùng, cái cao thượng. Phải thống hợp cả hai phạm trù mới có thể nắm được tư tưởng, nhiệt tình

đoàn kết, "cứu nước, cứu dân" của Bác. Cách đây mấy chục năm, đọc câu thuyết giáo của Phật tổ: nước của các đại dương chẳng thấm vào đâu, so với nước mắt vì khổ ải của nhân loại, của chúng sinh, - rất xúc động, tôi đã từng coi đó là một điều tiêu biểu cho cái cao thượng, gợi ấn tượng về sự vô tận của lòng đồng khổ, của tình bác ái. Thời ấy, tôi chưa có nhận thức gì về nội dung giai cấp trong cái cao thượng... Ở Bác, cái cao thượng gắn với cái anh hùng và xuất phát từ tính đảng cộng sản. Cái cao thượng ấy rất cao, hoàn toàn không phải là trầm tư, bị động, mà mang hiệu lực xoay trời chuyển đất, lấp bằng biển khổ, tạo nên mùa xuân vĩnh viễn cho dân tộc, tích cực góp phần thu ngắn thời gian nhân loại đi tới đại đồng.

- Tin vào cách mạng (*Nhóm lửa* - bài này nhằm hai đối tượng: cán bộ và nhân dân; đối với cán bộ, xây dựng tinh thần nghiêm chỉnh, lạc quan cách mạng, dù khó khăn đến mấy cũng tiến hành thật đúng, thật tốt các khâu công tác cách mạng; đối với nhân dân, xây dựng lòng tin vào sức mạnh, bạo lực tất thắng của cách mạng). Tin vào Đảng, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vào đường lối cách mạng, đường lối quân sự của Đảng. Tự nguyện gia nhập các tổ chức cách mạng do Đảng lãnh đạo. Đấu tranh cách mạng với tất cả sức mạnh của chí căm thù giặc, của chủ nghĩa yêu nước và khối đoàn kết triệu người như một. Đấu tranh vũ trang (*Bài ca du kích*). Hăng hái tiến lên, đạt tới đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng!

Hoạt động cách mạng của Bác rất bận rộn, khẩn trương. Chắc còn có những mặt cao đẹp khác nữa mà Bác đã có ý định giáo dục cho giai cấp, cho toàn dân. Chủ nghĩa quốc tế vô sản luôn luôn rạo rực và trong suốt trong lòng Bác.

Chủ nghĩa quốc tế vô sản của Bác đã rất cao trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Nó cũng đã biểu hiện thâm thía qua tác phẩm *Nhật ký chìm tàu*, ca ngợi Liên Xô, chủ nghĩa xã hội được xây dựng đầu tiên trên trái đất:

*Nước Nga có chuyện lạ đời
Biến người nô lệ thành người tự do...*

*Khắp năm châu phận đàn bà
Có đâu mà được như Nga bây giờ...*

*Gặp nhau trên một chuyến tàu
Vàng đen trắng đỏ đều là giống nhau...*

Trong bài *Mừng xuân 1942*, Bác viết:

*Chúc phe xâm lược sớm diệt vong
Chúc phe dân chủ sẽ thắng lợi⁽¹⁾.*

Chắc Bác còn muốn tâm sự nhiều, bằng thơ, về chủ nghĩa quốc tế vô sản đầy tính chiến đấu của mình... Nhưng bỗng nhiên Bác bị tù, công việc đang trên đà bay hùng dũng, phơi phới của chim đại bàng đành tạm dừng lại... Dù sao cương lĩnh tuyên truyền, giáo dục của Bác cũng biểu hiện rõ qua hơn chục bài thơ chính trị mà chúng tôi đã tóm tắt và hệ thống hoá nội dung, và đặc biệt qua bài *Hỏi trăng*:

*Nước nhà giành lại nhờ gan sắt,
Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng
Tổ chức, tuyên truyền càng rộng rãi,
Tức là cách mạng chóng thành công.*

(1) Hồ Chí Minh: *Thơ*, sách đã dẫn, tr. 27.

Vấn đề cơ bản Bác đặt ra là:

*Khi nào dấy được quân anh dũng,
Để dẹp cho tan bọn nhố nhăng?*

Việc nêu câu hỏi lớn dường ấy và nêu như Bác đã nêu xuất phát từ tính đảng, chủ nghĩa quốc tế vô sản và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cực kỳ sâu sắc. Đó quả là câu hỏi bức thiết nhất mà lịch sử đề ra cho vận mạng quang vinh của dân tộc Việt Nam và của cả loài người. Vấn đề lớn nhất, *trung tâm* của thời đại là làm thế nào "*dấy được quân anh dũng*", đánh gục chủ nghĩa phát xít, giáng một đòn quyết liệt vào bè lũ chủ nghĩa đế quốc đang lục đục mâu thuẫn với nhau cao độ, rồi bằng sức mạnh phối hợp nhịp nhàng của chủ nghĩa xã hội, của phong trào công nhân quốc tế và của cao trào cách mạng giải phóng dân tộc, tiến công chúng liên tục về nhiều mặt, nhằm thực hiện sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Mùa thu 1942, cách mạng thế giới hãy còn khó khăn, cách mạng trong nước hãy còn đen tối, mà Bác đã nhận thức tình hình một cách *tỉnh táo* và *chiến lược* đến thế! Bác tiêu biểu cho trí tuệ, lương tâm trong sáng nhất của thời đại. Lời giải đáp của Bác cũng là lời giải đáp của lịch sử: đẩy mạnh công tác tuyên truyền đồng thời đẩy mạnh công tác tổ chức, tạo nên cho kỳ được đội "*quân anh dũng*" trùng điệp, biến dân tộc nô lệ thành anh hùng. Trăm lo của Bác, khoảng đầu những năm 40, là chuẩn bị tích cực, chu đáo những trận tiến công cách mạng tuyệt vời của toàn dân, tận dụng thời cơ nghìn năm có một, đưa dân tộc ta đi vào và vĩnh viễn giữ vững *quy đạo chủ nghĩa anh hùng cách mạng*, hoàn thành vẻ vang nghĩa vụ cao cả của mình đối với Tổ quốc và nhân loại. Cần

dẫn ra đây một bằng chứng kỳ diệu về tài dự kiến chính trị lịch sử của Bác: năm 1941, kết thúc tác phẩm *Việt Nam lịch sử diên ca*, Bác viết:

45, sự nghiệp hoàn thành ⁽¹⁾.

Chẳng những Bác đã thấy Cách mạng Việt Nam nhất định thắng lợi, mà còn đoán đúng năm cách mạng thành công.

Có khi chúng ta tuyên truyền đường lối của Đảng, nhưng phải thú nhận rằng mức nhận thức và nhiệt tình của nhiều người trong chúng ta còn rất xa mới hy vọng đạt tới mức của Bác. Bản thân nhiệt tình của Bác chẳng những là nguồn thơ mãnh liệt mà đã là chất thơ rồi, - từ đó những bài thơ cụ thể hình thành như những quả chín rất ngon lành. Tính đảng trong thơ Bác chan hoà rất đẹp với tính nhân dân, chung đúc với chủ nghĩa anh hùng cách mạng, và gốc tư tưởng, tình cảm của Bác chính là tính đảng thép sáng ngời ánh thép.

Đọc những bài thơ trên, rồi theo thứ tự thời gian chuyển sang đọc tập *Nhật ký trong tù* ⁽²⁾ (từ mùa thu 1942 đến mùa thu 1943) nếu thiếu suy nghĩ tìm tòi nghiêm túc và tinh tế, thì có thể cho rằng Bác đã tạm bỏ qua những vấn đề lớn: chiến lược, sách lược cách mạng, đường lối của Đảng... Hoàn cảnh đã khác, dĩ nhiên là nội dung sáng tác cũng mang những mặt mới (phản ánh một cách chủ động, có chọn lọc theo một khuynh hướng chính xác, sắc bén, cảnh sống, những ngày, những tháng trong tù; tố cáo, lên án chế độ Quốc dân đảng của bọn Tưởng; nói lên tâm tư yêu nước, nhớ nước, nhớ Đảng, nhớ cách mạng...) - tuy rằng chủ đề bạo trùm vẫn là cách

(1) Xem: *Vô Nguyên Giáp* : Những năm tháng không thể nào quên (*Hữu Mai ghi*); báo Nhân Dân; 17-5-1970.

(2) Nxb. Văn hoá; Viện văn học; Hà Nội; 1960.

mạng, sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, những lợi ích sống còn của dân tộc gắn bó khăng khít với phong trào công nhân quốc tế, với cách mạng thế giới... Đối tượng sáng tác của Bác bao giờ cũng là toàn Đảng, toàn dân; nhưng Bác ở tù, thơ Bác không thể dùng ngay để tuyên truyền, vì vậy mà không thể tác động trực tiếp, tức thời được nữa mà phải tính nhiều hơn đến tác dụng về sau. Lại thêm đối tượng mới: bản thân bác, - "tự khuyên mình", chủ động dùng "tai ương" để "rèn luyện" mình, mài sắc ý chí thép để thắng lao tù; những bạn tù (những "nạn hữu") thuộc tầng lớp dân nghèo Trung Quốc mà Bác rất thương, đồng cảm tận đáy lòng; xuất phát từ chủ nghĩa quốc tế vô sản, Bác san sẻ với họ lòng căm thù giai cấp triệt để, chủ nghĩa lạc quan cách mạng không gì lay chuyển nổi của mình... Một đối tượng nữa, tuy rất phụ nhưng cần đặc biệt *cảnh giác* là bọn thù trực tiếp trước mắt, bọn Hoa trắng, Quốc dân đảng phản động. Sinh mệnh vật chất của Bác đang ở trong tay bọn chúng. Bác là người cộng sản mẫu mực, kiên cường. Một mặt Bác nói thẳng cho chúng biết: mình là "đại biểu dân Việt Nam", là "người ngay thẳng, lòng trong trắng" ⁽¹⁾, mình dứt khoát không như chúng đã bịa đặt vu khống - "Phạm tội gì đây? Ta thử hỏi, - Tội trung với nước, với dân à?" ⁽²⁾. Mặt khác, Bác lên án chúng rất quyết liệt. Điều này đòi hỏi phải ước lượng cụ thể mức độ "thông minh" của chúng (tuy chúng chỉ thông minh vật), phải tính đến sự ngu xuẩn cơ bản về chính trị của chúng và của bọn Anh, Mỹ, quan thầy chúng, phải nghĩ ra cách viết thế nào để nếu chúng đọc thơ Bác (rất có thể là chúng đọc), chúng không buộc tội Bác được.

(1) Đường đời khó khăn

(2) Đến phòng chính trị chiến khu IV.

Ví dụ hai câu thơ rất tài tình của Bác:

*Chong đèn huyện trưởng làm công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình* ⁽¹⁾.

Châm biếm rất sắc. Khẳng định bề ngoài mà thực chất phủ định tận gốc rễ. Đòn đánh rất hiểm, rất đau. Bọn Quốc dân đảng phản động có học văn nếu đọc thơ Bác, rất có thể rung đùi và gật gù; chủ quan chúng rất có thể cho là Bác khen chúng. Lê-nin đã biểu dương kiểu châm biếm cảnh giác ấy của những nhà văn cách mạng dưới ách Nga hoàng. Chủ đề bao trùm tập thơ của Bác, tóm gọn lại, là người cộng sản, con người mới, người anh hùng cách mạng của thời đại với ưu thế chính trị tuyệt đối, với chí khí bất khuất, kiên cường, chiến thắng lao tù, dù bọn thù có mạnh, nham hiểm và gian ác đến mấy cũng dám đánh, quyết đánh và biết đánh chúng, cống hiến cả đời mình cho "sự nghiệp lớn" với tính đảng rất trong, rất đẹp. Bác viết rất khéo. Kẻ địch nhìn vào, do quy luật nhân quan chính trị hạn chế của chúng, không thể nhận ra được chủ đề, mà chủ yếu chỉ thấy hàng loạt đề tài truyền thống quen thuộc của thơ ca cổ điển Trung Quốc: "thế lộ nan" ("đường đời khó khăn"), vịnh trăng, vịnh thiên nhiên, tết Trung thu, Thanh minh, vịnh cảnh, vịnh người, vịnh bản thân, "thu cảm", "chiết tự" ("đoán chữ"), niềm thương nỗi nhớ, vịnh Thiên gia thi, "khổ tận cam lai" ("hết khổ là vui")... Những tên láu cá nhất trong bọn chúng, nếu mang máng thấy gì "khả nghi" chẳng nữa, thì hoàn toàn cũng không nêu ra được một bằng chứng nào để ghép thơ Bác vào tội gì. Bọn địch mạnh hơn Bác rất nhiều về vật chất, Bác lại ở trong tay chúng, nhưng tư thế của Bác là "tự do", cao hơn chúng muôn trùng. Bác ung dung, đường hoàng tiến công chúng.

(1) Ở Lai Tân

Sáng tác thơ của Bác mang những yếu tố mới như vậy, nhưng cần khẳng định: rõ ràng là qua tập *Nhật ký trong tù*, Bác nghĩ nhiều, rất sâu đến chiến lược, chiến thuật cách mạng, đường lối của Đảng, và Bác khéo tìm ra cách để ca ngợi Đảng.

- Về đường lối của Đảng, do cảnh lao tù, do nội dung sáng tác có những yêu cầu cụ thể đột xuất và do đối tượng có khác, Bác tạm thời không tuyên truyền một cách tập trung và trực tiếp như trước nữa. Bác không viết "đánh Nhật, đánh Tây" mà viết "kháng Nhật"⁽¹⁾ (cách viết có sách lược), và chúng ta tuyệt nhiên không còn thấy những lời như: "vào hội Việt Minh", vào những tổ chức "cứu quốc", hoặc "của ta ta giữ, công ta ta cầm", "nông dân có đủ ruộng mình làm ăn"... Bác giữ kín không để lộ đường lối và cho đến cả tên những tổ chức cách mạng của Đảng. *Nhật ký trong tù* là tập thơ của một chiến sĩ cộng sản vĩ đại. Nhưng trong đó, không có chỗ nào Bác tự xưng là cộng sản. Bác nói mình là "đại biểu" Việt Nam. Hoặc nói "ta cũng một đoàn thăm nước bạn"⁽²⁾, "Cũng là bạn Trung Hoa"⁽³⁾. Nói như vậy không sơ hở chút nào.

(1) Ngày 11 tháng 11.

(2) Đoàn đại biểu Anh sang thăm Trung Hoa. Câu chữ Hán: "Ngã dã "phóng Hoa đoàn" nhất bộ", nếu dịch: "Ta cũng trong đoàn thăm nước bạn", thì chữ "trong" không ổn. Sai chủ yếu, theo tôi, là ở chỗ cho rằng chữ "bộ" trong nguyên văn của Bác nghĩa là bộ phận, do đây mà câu dịch để lại ấn tượng là Bác ở "trong" đoàn đại biểu Anh. Như vậy là vô lý. Chữ "bộ" không có nghĩa là bộ phận. Nó chỉ một chỉnh thể, một tổng thể, một toàn bộ, như ta nói: "bộ ba", "bộ tứ", "bộ tổng tư lệnh", v.v... Ngay chữ bộ phận: một phần của bộ, một phần trong toàn bộ, cũng làm sáng tỏ ý nghĩa ấy. Cụ thể trong câu thơ của Bác, "bộ" là một phái bộ riêng, có cương vị tương đương phái bộ của một nước lớn như đế quốc Anh. Câu chữ Hán của Bác đầy tự hào, gợi cho ta nhớ lại câu của Lý Thường Kiệt: "Nam quốc sơn hà Nam đế cư", và nhất là câu của Nguyễn Trãi: "... dư Hán, Đường, Tống, Nguyên chỉ các đế nhất phương". Có sự gặp gỡ thú vị giữa chữ "nhất phương" của Nguyễn Trãi và chữ "nhất bộ" của Bác. Để nghị dịch: "Tôi cũng một đoàn thăm nước bạn" (đôi chữ trong "bao hàm ý nghĩa bộ phận, thành chữ "một", làm nổi bật ý nghĩa phái bộ, chỉnh thể riêng).

(3) Nhân các báo đăng tin đại hội hoan nghênh Vi-ky.

Kẻ địch trực tiếp không nắm được mảy may gì và hoàn toàn không thể bắt bẻ Bác được. Bác rất cảnh giác và cảnh giác cách mạng là một trong những yêu cầu không thể thiếu được của tính đảng cũng như của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đó là một mặt, và chỉ riêng mặt ấy cũng đã chứng tỏ thái độ rất tích cực, chủ động bảo vệ Đảng và đường lối của Đảng, vũ khí sắc nhất để chiến thắng kẻ địch, đem lại cho dân tộc: độc lập, tự do, no cơm ấm áo, cương vị làm chủ và chân trời phát triển cách mạng.

Mặt khác, những câu thơ như:

Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh... ⁽¹⁾

*Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền...* ⁽²⁾

*Người thoát khỏi tù ra dựng nước
Nhà lao mở cửa, ắt rồng bay...* ⁽³⁾

đều xuất phát từ lòng yêu nước, yêu dân, yêu cách mạng, và bằng ẩn dụ kín đáo, cũng nói lên lòng tin son sắt vào sức mạnh tất thắng của Đảng, vào đường lối của Đảng. Bác dùng nhiều ẩn dụ, đặc biệt trong thời gian Bác ở tù; *ẩn dụ ở đây không phải là phong cách bình thường của thơ Bác* mà là một hình thái thuộc chiến thuật cách mạng. Mấy chữ "ra dựng nước", "ắt rồng bay" (nguyên văn: "xuất chân long"⁽⁴⁾) rất hàm súc, rất hay, tâm sự về chí dõng non lập biển của Bác, đồng thời muốn nói: nhân dân ta, nhờ có Đảng lãnh đạo, có đường lối Mác - Lê-nin của Đảng, sẽ đập nát mọi

(1) Không ngủ được.

(2) Ở Việt Nam có biển động.

(3) Đoán chữ

(4) Dịch đúng: "rồng chân chính xuất hiện".

xiềng xích, tự giải phóng, bắt tay vào việc dựng nước đường hoàng nhất, vẻ vang nhất trong lịch sử lâu đời của mình, sẽ là *rồng chân chính*, anh hùng chân chính với sự nghiệp, chiến công cách mạng vang lừng năm châu. Năm 1942 - 1943, nước nhà còn rất đen tối, mà Bác đã khẳng định như thế, thật là giữa trần ai đã đoán đúng anh hùng.

Thêm nữa, khi thấy cần thiết, Bác lựa lời nêu một số điểm cơ bản trong đường lối của Đảng, đặc biệt trong đường lối đối ngoại. Bác vạch rõ kẻ thù số một đương thời của toàn nhân loại:

*Năm châu nay lại đang tuôn máu,
Bọn quỷ Na-di tội đứng đầu ⁽¹⁾*

Bác nhấn mạnh đường lối đoàn kết quốc tế của Đảng, không phải toàn bộ đường lối (vì cảnh giác cách mạng, như trên đã nói, Bác giữ bí mật), mà khía cạnh có lợi thế nhất cho cách mạng ta trong hoàn cảnh Bác bị bọn Quốc dân đảng Trung Quốc cầm tù, - đoàn kết tất cả các dân tộc lớn nhỏ châu Á, nhằm đánh bại phát xít Nhật. Đảng ta coi trọng mọi dân tộc, dù là dân tộc nhỏ nhất cũng coi trọng, và cổ vũ sự đóng góp tích cực của họ vào sự nghiệp chung, vào tiến bộ của nhân loại:

*Kháng Nhật cờ bay khắp Á châu,
Cờ to, cờ nhỏ chẳng đều nhau.
Cờ to đã hẵn là nên có,
Cờ nhỏ, dù sao thiếu được đâu? ⁽²⁾*

Căn cứ vào đó, bằng lý lẽ đánh thép, và bằng những hình

(1) Ngày 11 tháng 11.

(2) Ngày 11 tháng 11.

ảnh rất sắc, Bác phê phán, châm biếm chua cay "đường lối" đối ngoại phản động của Tưởng và bè lũ: thói nịnh bợ đê hèn của chúng, quỳ gối cúi đầu liếm gót bọn quan thầy Anh, Mỹ, chủ nghĩa sô-vanh nước lớn bỉ ổi của chúng đối với dân tộc Việt Nam mà Bác là đại diện chân chính nhất, và đối với các dân tộc nhỏ khác trên cùng lục địa châu Á.

Trong bài *Nhân các báo đăng tin đại hội hoan nghênh Vi-ky*, Bác viết:

*Cùng là đi Trùng Khánh
Cũng là bạn Trung Hoa
Anh ngồi trên phòng khách,
Tôi ở dưới nhà pha.
Cũng là đại biểu cả,
Khinh, trọng sao khác xa?...*

Trong bài *Đoàn đại biểu Anh sang thăm Trung Hoa*, Bác lại viết:

*Đoàn Mỹ đi rồi, đoàn Anh đến,
Khắp chốn mừng reo tỏ nhiệt tình.
Tôi cũng một đoàn thăm nước bạn,
Lại dành riêng một lối hoan nghênh!*

Đó là những đòn chính trị đánh trực tiếp, rất đau vào bọn phản động Quốc dân đảng. Bọn chúng đau điếng nhưng phải cắn răng mà chịu ngay trong thế mạnh đương thời của chúng, vì chúng chẳng viện ra được lẽ gì để chống đỡ lại. Hai bài vừa dẫn cùng với bài *Ngày 11 tháng 11* đều phản ánh đường lối đối ngoại quang minh chính đại của Đảng ta trong những năm vận động, bắt đầu tổ chức phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, thời tiền khởi nghĩa tháng Tám. Nhìn chung

các bài thơ của Bác sáng tác lúc ở tù, chúng ta thấy có sự cân phân căng thẳng dẫn đến sự gắn bó hài hoà giữa hai mặt của tính đảng: tính đảng trong niềm tin tuyệt đối vào đường lối của Đảng và tính đảng cảnh giác cách mạng cả ngày lẫn đêm, từng giờ, từng phút. Có thể khẳng định: Bác thường xuyên đặt ra câu hỏi nên nói những gì, không nên nói những gì về đường lối của Đảng và khi nói thì nói trong phạm vi nào, tới chừng mực nào và nói như thế nào để tiến công, truy kích địch, trói tay chúng và bảo đảm trọng lượng tối đa, hiệu lực cao nhất. Bác đã giải quyết rất biện chứng tới mức ổn thoả, nhịp nhàng nhất mà phải tỉnh táo, gan dạ và cao tay lắm mới có thể đạt được. Tâm tư tình cảm của Bác vẫn chung thuỷ, son sắt hướng vào đường lối của Đảng, nhưng do hoàn cảnh, sự biểu hiện có khác và mang nhiều sáng tạo mới, linh hoạt. Nói hoặc không nói, Bác đắn đo rất kỹ, và hoàn toàn xuất phát từ tính đảng. Chúng ta học thấm thía tính đảng trong những điều Bác nói ra và cả trong nhiều điều mà Bác chủ động không nói.

- Về chiến lược, chiến thuật cách mạng (của cách mạng Việt Nam), trong tập *Nhật ký trong tù*, cũng vì lý do trên, Bác ít phát biểu trực tiếp, cụ thể. Nhưng tư duy chính trị và tư duy thơ của Bác lại tìm đến chính ngay cội rễ, nguyên lý từ đó mà nảy sinh mọi chiến lược, chiến thuật đúng với tinh thần chủ nghĩa Mác - Lê-nin, với tinh thần cách mạng tiến công của giai cấp vô sản. Đây, cần dừng lại, làm nổi bật nội dung bài: *Học đánh cờ*.

Bàn cờ, quân cờ, ván cờ chỉ là ẩn dụ khéo léo; chủ yếu là Bác suy nghĩ về cách mạng, về việc huy động "thiên binh vạn mã", hàng triệu hàng triệu người hoặc như Bác đã từng viết, dấy đội "quân anh dũng". Bác nêu những yêu cầu thuộc

nguyên lý chiến lược, chiến thuật cách mạng, và đáng chú ý là Bác gắn rất chặt, rất sáng tạo với thực tế Việt Nam:

*Tấn công, thoái thủ nhanh như chớp,
Chân lẹ, tài cao mới thắng người...*

Phải có đủ điều kiện như: quân số mức vừa phải với hàng chục triệu nhân dân cách mạng như cá với nước; quân giỏi, mưu trí, cơ động không nhất thiết là do có nhiều trang bị kỹ thuật (dù có "hai xe" nhưng nếu "lạc nước", tức nếu sai về chiến lược thì cũng đại bại), mà cơ động chủ yếu là do quyết tâm chiến đấu và chiến đấu linh hoạt (*tật tức*: "chân lẹ"); thời cơ tốt: "Gặp thời, một tốt cũng thành công", - thời cơ của nhiệt tình, ý thức trách nhiệm giữ nước, bảo vệ mọi thành quả của cách mạng... Một yếu tố mới, rất quan trọng nữa là cách mạng ta, do sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt và dũng cảm của Đảng, đã và đang tiếp tục thu mãi những thắng lợi vĩ đại, huy hoàng, cực kỳ vẻ vang. Vì vậy, nội dung thơ Bác trong những giai đoạn lịch sử anh hùng ca hiện đại này, bên cạnh việc tuyên truyền đường lối, chiến lược và những sách lược lớn của Đảng, còn bao hàm việc phản ánh, đúc kết từng thời gian, nhiều khi từng năm một những chiến công nổi bật của toàn dân, toàn quân, và việc cổ vũ, thúc đẩy nhanh hơn, mạnh hơn nhịp điệu cách mạng tiến công trong cả nước. Bác ước lượng, khẳng định, động viên, tập hợp sức phấn đấu của toàn Đảng và toàn quân dân, hướng tất cả sự nỗ lực khổng lồ, thông minh, quả cảm và có khả năng dõng dạc lập biển ấy vào mục tiêu cách mạng trước mắt. Dự kiến của Bác rất biện chứng, rất chiến lược, bao giờ cũng đúng. Đọc thơ Bác, chúng ta thấy cách mạng Việt Nam và tình huống thế giới như qua một tấm gương vừa trung thực, trong suốt, vừa

cảm nghĩ đầy ưu ái. Chúng ta có dịp được tiếp xúc với phản ánh luận Mác - Lê-nin rất sinh động mà Bác thấm nhuần từ lâu và vận dụng với tinh đảng, tinh chiến đấu cộng sản cao nhất.

Tóm lại, chân chất thơ Bác là *thơ cách mạng* với ý nghĩa hiện đại, triệt để; Bác làm thơ cũng là đồng thời làm cách mạng xoay trời chuyển đất. Thơ Bác là hành động, hoạt động cách mạng trực tiếp. Nhiệt tình chủ đạo là nhiệt tình cải tạo xã hội, cải tạo thế giới bằng cách mạng. Và Bác lại nắm rất chắc quy luật cơ bản của thơ, của nghệ thuật, tính biện chứng của tình cảm, nhóm lên trong lòng chúng ta những tình cảm đúng, lớn và đẹp, từ tình cảm biến đổi mà dẫn đến nhận thức biến đổi, và từ nhận thức mới này mà làm cho tình cảm mới sôi lên, chuyển thành hành động nhằm vào mục tiêu cách mạng của Đảng. Thơ Bác xoáy vào cách mạng, cụ thể vào cách mạng Việt Nam mà Đảng ta nhận thức rõ là sự nghiệp dân tộc thiêng liêng nhất và cũng là nghĩa vụ quốc tế rất cao cả của mình và của toàn dân. Qua thơ Bác, chúng ta rút ra bài học thấm thía: cách mạng là trung tâm của hiện thực và cũng là hiện thực vĩ đại, cao đẹp nhất; cách mạng là đối tượng thẩm mỹ trung tâm và cũng là đối tượng miêu tả nghệ thuật: mọi cái đẹp rạng rỡ trên đời đều tùy thuộc vào cách mạng. Thơ Bác gắn khăng khít với đường lối, chiến lược, chiến thuật, sách lược của Đảng. Tự do, phóng được quan niệm với nghĩa rộng, bao gồm thiên thời, địa lợi, nhân hoà và có lẽ cả cách đánh tự tạo lấy và tận dụng thời cơ bằng lực lượng tối thiểu ("một tốt") mà thu chiến quả tối đa... *Nhất là* lãnh đạo, chỉ huy phải có "tài cao" (nguyên văn chữ Hán viết "cao tài" rồi mới viết "tật túc" - vì âm luật mà bản dịch đã đảo ngược thứ tự và không phản ánh đúng hướng

suy nghĩ rất lô-gích của Bác). Chính vì vậy mà yếu tố chủ quan này được đặc biệt nhấn mạnh. Bác đề cao tài "thần tốc" - chiến lược của Quang Trung. Bác còn viết:

*Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công.*

Lãnh đạo phải nhìn xa thấy rộng, cân nhắc đủ các mặt, hết sức cảnh giác. Bác có tính đến việc "phòng thủ", "thoái thủ", dĩ nhiên việc này cần dự kiến hoặc thực hiện tùy tình hình thực tế, cụ thể; nhưng rõ ràng chiến lược mà Bác chủ trương là chiến lược *cách mạng tiến công, tiến công liên tục* ("không ngừng", như Bác nói). Trong những năm 1942, 1943, lực lượng cách mạng Việt Nam chưa mạnh, thế của cách mạng thế giới chưa phải như về sau: quan điểm chiến lược của Bác là một sáng tạo mạnh dạn, rất lớn; có thể nói đó là nguồn quan điểm chiến lược của Đảng ta suốt thời Cách mạng tháng Tám, thời Kháng chiến chống Pháp và đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đẩy mạnh cao trào cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam, cũng như đối với sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc và phong trào công nhân trên phạm vi toàn thế giới. Mấy chữ của Bác: "*thần tốc*", "*một tốt cũng thành công*" - đối chiếu với thực tiễn chiến thắng vang dội của quân dân ta ở miền Nam, - vẫn mang ý nghĩa thời sự nóng hổi. Câu: "Lạc nước, hai xe thành vô dụng"⁽¹⁾ rất đúng với cảnh sa lầy, bế tắc, thất bại liên miên của quân viễn chinh Mỹ và chư hầu ở miền nam sáu bảy năm

(1) Nguyên văn: "một dụng", - mất chỗ dùng, thành vô dụng. Dịch là "bỏ phí", nếu nói về dịch thì không hợp. Nên dịch là "vô dụng". "đánh bỏ phí" đổi là "thành vô dụng"

nay... Kết luận, bài thơ lại bàn về tài lãnh đạo, chỉ huy, - phải tỉnh táo, vừa toàn diện vừa tỉ mỉ, phải dũng cảm, rất dũng cảm:

*Tấn công, phòng thủ không sơ hở
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.*

Nhan đề của bài thơ thật khiêm tốn, hài hoà: *Học đánh cờ*. Nội dung trong đó mang chất nổ, sức công phá vô cùng mãnh liệt: ca ngợi Đảng, chiến lược, chiến thuật Mác - Lê-nin, giai cấp vô sản cách mạng, "đại tướng anh hùng" của thời đại. Trong cảnh bị tù, gay go, khổ cực nguy nan biết mấy, mà chẳng những giữ vững và nêu gương sáng ngời về khí tiết, đạo đức cộng sản, lại còn không ngừng mài sắc tư tưởng chiến lược, chiến thuật, quyết nuôi dưỡng và tỏ rõ tinh thần cách mạng tiến công, đó là biểu hiện cao nhất, tích cực nhất, anh hùng nhất của tính đảng cộng sản. Phong thái ung dung, không chút sợ hãi, lạc quan vô hạn của Bác bắt nguồn ở đó. Nguồn ấy phong phú, sáng tạo không thể nói hết được...

- Kỳ diệu nhất là mặc cho cảnh tù, mặc dù rất khó khăn và cũng rất nguy hiểm trong trường hợp cụ thể ấy, Bác vẫn tìm cách để ca ngợi Đảng, qua đó chúng ta thấy thấm thía Bác luôn luôn hướng về Đảng với lòng tin yêu nồng nhiệt. Ấn dụ của Bác rất khéo. Trong bài *Nghe gà gáy*, Bác viết:

*...Báo sáng ngày ngày tiếng gáy vang,
Một tiếng toàn dân bừng tỉnh mộng...*

Bài dịch chưa tốt. Nguyên văn có những chữ: "*đại thanh đề*" ("tiếng gọi lớn"), ý trong đó rất quan trọng. Câu "*Nhất thanh hoán tỉnh quần lê mộng*" - rất hay, nhưng qua câu dịch, chữ "toàn dân" (dịch chữ "*quần lê*") lẽ ra là định ngữ của "*mộng*" (và "*mộng*" là tân ngữ), lại chuyển thành chủ

ngữ, do đây mà làm lạc mất ý của Bác một phần nào. Thêm nữa, chữ "nhĩ" (đại danh chỉ con gà), dịch là "mi" - làm giảm hẳn giá trị của ẩn dụ (theo tôi nên dịch là "anh" hoặc tìm một chữ nào tốt hơn). Qua bài thơ, Bác nêu rõ vai trò tiên tri tiên giác, thức tỉnh nhân dân của Đảng.

Bài *Cột cây số* mở đầu bằng hai dòng thơ:

*Chẳng cao cũng chẳng xa
Không đề cũng không vương...*

Ý của Bác cốt khẳng định: Đảng là người lãnh đạo kiểu mới, từ trong giai cấp vô sản, trong quần chúng lao động mà ra, hòa vào nhân dân, gắn bó ruột thịt với họ để lãnh đạo họ, hoàn toàn không phải như bọn "đề", "vương" những thời đại trước, bọn ngồi cao chót vót, xa rời và khinh miệt nhân dân. Bác còn viết:

*Người nhớ anh chỉ lối,
Đi đúng hướng, đúng phương;
Anh chỉ cho người biết
Nào dậm ngã, dậm trường.
Mọi người nhớ anh mãi...*

nhấn mạnh vai trò của Đảng là vạch ra đường lối chính trị, quân sự... mục tiêu cách mạng trước mắt và lâu dài, lãnh đạo toàn dân đấu tranh giành quyền sống, quyền làm chủ giang sơn, Tổ quốc, giành thắng lợi.

Khái quát có thể nói: Trong tập *Nhật ký trong tù*, vì cảnh giác cách mạng, Bác chủ động không để lộ gì về Đảng, không để lộ đường lối chiến lược, chiến thuật cụ thể của Đảng; tuy vậy chúng ta vẫn cảm thấy rõ tình cảm thấm thiết, lòng tin vô hạn của Bác đối với Đảng và đường lối của Đảng. Bác

ca ngợi Đảng bằng ẩn dụ kín đáo, rất khéo; Bác lọc ra một điểm như trên đã nói, trong đường lối đối ngoại, điểm rất nên và rất cần nêu lên trong hoàn cảnh của Bác, và Bác vận dụng rất thoả đáng, chắc tay, đầy tự hào làm vũ khí để phê phán, lên án bọn địch. Và qua tập thơ, chúng ta rút ra được bài học sâu sắc nhất về những nguyên lý cơ bản của chiến lược, chiến thuật cộng sản...

Thời Cách mạng tháng Tám, thời Kháng chiến chống thực dân Pháp, thời xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chống Mỹ, cứu nước,... thơ Bác lại *tập trung và trực tiếp, đương nhiên và trọn vẹn* trở về với mạch chính yếu của nó hồi thành lập Mặt trận Việt Minh, với âm điệu biến đổi, cải tạo xã hội Việt Nam bằng cách mạng, với đối tượng cơ bản là toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, và với chủ đề lớn nhất, chung thuỷ nhất là tuyên truyền, giải thích, biểu dương nồng nhiệt đường lối cách mạng, đường lối quân sự và những chủ trương, chính sách có tính chất chiến lược của Đảng. Trong bài nghiên cứu trước, khi phân tích những tác phẩm cụ thể của Bác, đặc biệt loại thơ mừng xuân, chúc Tết, chúng tôi đã nhấn mạnh điều rất tiêu biểu ấy. Chỉ nói thêm: cương vị Bác có khác. Bác là lãnh tụ có uy tín tuyệt đối của Đảng Cộng sản Đông Dương, (nay là Đảng Lao động Việt Nam), của giai cấp công nhân Việt Nam, đồng thời là lãnh tụ của cả dân tộc, là Chủ tịch của Nhà nước cách mạng Việt Nam đầu tiên trong lịch sử. Đó cũng là cương vị sáng tác thơ của Bác. Ở cương vị xã hội cao nhất ấy, Bác không xa cách mà trái lại vẫn rất gần với chúng ta, những người dân bình thường; ngay đối với các cháu nhi đồng, Bác cũng rất mực dân chủ, thân thương, trân trọng tận đáy lòng; Bác nâng chúng ta lên tới

đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước, của lý tưởng độc lập tự do, của lòng tin yêu Đảng, yêu chế độ dân chủ nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, của lòng căm thù bọn giặc cướp nước và bán nước, khoảng chính là ở đó. Khi tạm thời không có điều kiện xoáy thẳng vào, thì Bác tìm đến nguyên lý của chiến lược, chiến thuật Mác - Lê-nin, tức là đến cội nguồn của mọi đường lối chủ trương của Đảng. Có thể nói hầu như bài thơ nào của Bác cũng rất chiến lược và rất sách lược. Chỉ nhắc lại đây, làm ví dụ, hai câu:

*Lửa cách mạng sáng choang bờ cõi
Chiều lên cờ độc lập, tự do!* ⁽¹⁾

Cách mạng: hoặc bạo lực vũ trang là chủ yếu kết hợp với bạo lực chính trị, hoặc bạo lực chính trị là chủ yếu kết hợp với bạo lực vũ trang, hoặc đấu tranh giành thắng lợi bằng con đường không bạo lực (khả năng mà Đảng ta không loại trừ nhưng cho là rất hiếm trong điều kiện thế giới hiện nay), - đó là nguyên lý chung. Chủ trương của Đảng ta trong đấu tranh đánh đổ bọn thống trị hoặc đánh bại bọn thù xâm lược là "nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng" ⁽²⁾. Hình ảnh "Lửa cách mạng" soi sáng ý nghĩa, nội dung của "độc lập tự do". Trong mấy chữ này có cương lĩnh tối đa (của những người cộng sản đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện lý tưởng cộng sản), nhưng cũng không phải vì thế mà không bao hàm cương lĩnh rộng hơn, chung cho mọi người yêu nước đấu tranh nhằm giải phóng dân tộc.

(1) Nhóm lửa.

(2) Lê Duẩn: Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới; *Tạp chí Văn học*, tập 2, 2-1970, trang 47.

Hoặc ví dụ:

*Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào* ⁽¹⁾.

Cũng mấy chữ "độc lập", "tự do" vừa chiến lược vừa sách lược. Những chữ "Mỹ cút", "ngụy nhào", - rất chiến lược đồng thời có cân nhắc cụ thể nhằm giải quyết tốt nhất tình hình miền Nam bằng cách mạng tiến công...

Quyện chặt với cách mạng Việt Nam, gắn bó son sắt với đường lối của Đảng, với chiến lược, sách lược của Đảng, của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đó là đặc điểm hàng đầu của tính đảng cộng sản trong thơ Bác. Tính đảng trước tiên là tính chiến đấu cộng sản nhằm biến đường lối, mục tiêu cách mạng, lý tưởng của Đảng thành hiện thực, đem lại lợi ích, vinh quang lớn nhất cho dân tộc và cống hiến rất tích cực vào cách mạng thế giới. Tính đảng ấy rõ ràng cũng là đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

(*Tạp chí Văn học*, số 3-1971)

(1) *Lê Duẩn*: Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới; *Tạp chí Học tập*; 2-1970; tr. 47.